

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Thanh Tâm
Giảng viên hướng dẫn : CN.GVC Nguyễn Văn Vĩnh

HẢI PHÒNG - 2012

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

TÊN ĐỀ TÀI KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và
xác định kết quả kinh doanh tại công ty
cổ phần cơ điện Ưông Bí - Vinacomin*

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Thanh Tâm

Giảng viên hướng dẫn: CN.GVC Nguyễn Văn Vĩnh

HẢI PHÒNG - 2012

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Thanh Tâm

Mã SV:120377

Lớp: QT1202K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết
quả kinh doanh tại công ty cổ phần cơ điện Ưông Bí - Vinacomin

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Lí luận chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
 - Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần cơ điện Ưông Bí – Vinacomin.
 - Một số ý kiến hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần cơ điện Ưông Bí – Vinacomin.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Số liệu tháng 12 năm 2011
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN ƯƠNG BÍ – VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Bắc Sơn – Ưông Bí – Quảng Ninh

Tel: 0333.854.392

E-mail: vanphongcdub@gmail.com

Website: codienuongbi@gmail.com

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Văn Vĩnh

Học hàm, học vị: Cử nhân – Giảng viên chính

Cơ quan công tác: Trường Cao Đẳng Cộng Đồng Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần cơ điện Uông Bí – Vinacomin.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2012

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

Quá trình thực tập tại công ty sinh viên Nguyễn Thị Thanh Tâm chấp hành nghiêm nội quy, quy định của công ty, chịu khó học hỏi, tìm tòi, khiêm tốn, cầu thị, có quan hệ đúng mực.

Biết tranh thủ ý kiến của giáo viên hướng dẫn trong quá trình nghiên cứu và viết khóa luận.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

- Về mặt lý luận: Sinh viên đã nêu được những nội dung cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Về mặt thực trạng: Sinh viên sử dụng số liệu của tháng 12/2011 của công ty, qua số liệu sinh viên đã mô tả đầy đủ các phần hành kế toán của chuyên ngành.

- Một số giải pháp sinh viên đưa ra nhằm hoàn thiện mặt tồn tại có mặt tồn tại có căn cứ thực tế, có tính khả thi.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

9,8 điểm (chín phẩy tám điểm)

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2012

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

LỜI MỞ ĐẦU.....	11
CHƯƠNG I:	13
LÍ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH	13
1.1 Khái quát về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	13
1.1.1 Khái quát về doanh thu.....	13
1.1.1.1 Một số loại doanh thu	14
1.1.1.2 Điều kiện ghi nhận doanh thu.....	15
1.1.1.3 Nguyên tắc hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16
1.1.2 Các khoản giảm trừ doanh thu	18
1.1.3 Khái quát về chi phí.....	19
1.1.3.1 Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh	19
1.1.3.2 Chi phí hoạt động tài chính	21
1.1.3.3 Chi phí khác	22
1.1.3.4 Xác định kết quả kinh doanh.....	22
1.1.3.5 Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	23
1.1.3.6 Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD.....	23
1.2 Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	24
1.2.1 Tổ chức công tác kế toán doanh thu	24
1.2.1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24
1.2.1.2 Doanh thu nội bộ	31
1.2.1.3 Doanh thu hoạt động tài chính.....	32
1.2.1.4 Thu nhập khác.....	34
1.2.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	35
1.2.2.1 Chiết khấu thương mại.....	35

1.2.2.2	Hàng bán bị trả lại	36
1.2.2.3	Giảm giá hàng bán.....	36
1.2.2.4	Các khoản thuế.....	37
1.2.3	Kế toán chi phí	38
1.2.3.1	Giá vốn hàng bán.....	38
1.2.3.2	Chi phí bán hàng.....	38
1.2.3.1	Chi phí quản lý doanh nghiệp	40
1.2.3.2	Chi phí hoạt động tài chính.....	42
1.2.4	Tổ chức công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh	43
1.3	Các hình thức kế toán áp dụng trong doanh nghiệp.....	39
1.3.1	Hình thức nhật ký chung.....	45
1.3.2	Hình thức Nhật ký- sổ cái	45
1.3.3	Hình thức nhật ký chứng từ	45
1.3.4	Hình thức chứng từ ghi sổ.....	46
1.3.5	Hình thức kê toán trên máy vi tính	46
CHƯƠNG II.....		47
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN ƯƠNG BÍ – VINACOMIN.....		47
2.1 Tổng quan về công ty cổ phần cơ điện Ưông Bí- Vinacomin.....		47
2.1.1	Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của công ty cổ phần cơ điện Ưông Bí – Vinacomin.....	47
2.1.2	Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty	47
2.1.2.1	Chức năng, nhiệm vụ của công ty cổ phần cơ điện Ưông Bí- Vinacomin.	47
2.1.2.2	Ngành nghề kinh doanh chủ yếu sau.....	48
2.1.2.3	Đối tượng và địa bàn kinh doanh của công ty cổ phần cơ điện Ưông Bí- Vinacomin.	48

2.1.2.4	Quy trình sản xuất kinh doanh	48
2.1.3.2	Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận trong công ty.....	50
2.1.4	Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại công ty cổ phần cơ điện Ưông Bí-Vinacomin.	51
2.1.4.1	Tổ chức bộ máy kế toán.	51
2.1.4.2	Hình thức kế toán áp dụng tại công ty cổ phần cơ điện Ưông Bí-Vinacomin	53
2.1.5	Thuận lợi, khó khăn của công ty cổ phần cơ điện Ưông Bí- Vinacomin trong quá trình hoạt động kinh doanh.....	55
2.1.5.1	Thành tích đạt được	55
2.1.5.2	Thuận lợi	56
2.1.5.3	Khó khăn	56
2.2	Kế toán doanh thu.	56
2.2.1	Doanh thu bán hàng.....	56
2.2.1.1	Xác định doanh thu	56
2.2.1.2	Tài khoản sử dụng.....	57
2.2.1.3	Chứng từ và sổ sách sử dụng	57
2.2.2	Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	77
2.2.2.1	Xác định doanh thu HĐTC	77
2.2.2.2	Chứng từ, sổ sách kế toán.....	77
2.2.2	Kế toán thu nhập khác.....	82
2.2.3.1	Xác định thu nhập khác	82
2.2.3.2	Chứng từ, sổ sách sử dụng.....	82
2.1	Kế toán chi phí.....	88
2.2.1	Kế toán giá vốn hàng bán.....	89
2.2.3	Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp	93
2.2.4	Kế toán chi phí hoạt động tài chính.....	105
2.2.5	Kế toán chi phí khác	108

2.3 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	111
2.3.1 Nguyên tắc hạch toán.....	111
2.3.2 Phương pháp xác định kết quả kinh doanh	111
2.3.3 Tài khoản, chứng từ, sổ sách kế toán	111
CHƯƠNG III:.....	116
MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN ƯƠNG BÍ-VINACOMIN.....	116
3.1 Những nhận xét, đánh giá khái quát công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần cơ điện Ưông Bí-Vinacomin.	121
3.1.1 Nhận xét chung về công tác kế toán.	121
3.1.2 Những ưu điểm về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần cơ điện Ưông bí- Vinacomin.	122
3.1.2.1 Về sản xuất kinh doanh tại công ty.....	122
3.1.2.2 Về tổ chức của bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh	122
3.1.2.3 Về tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.....	122
3.1.3 Những vấn đề còn tồn tại trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần cơ điện Ưông bí- Vinacomin.	124
3.2 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP cơ điện Ưông Bí- Vinacomin.	125
KẾT LUẬN.....	130

LỜI MỞ ĐẦU

Trong điều kiện kinh tế thị trường phát triển và hội nhập ngày nay trên cùng một địa bàn xuất hiện càng nhiều các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh những mặt hàng giống nhau, sự cạnh tranh ngày càng trở nên gay gắt. Vì vậy, để tiêu thụ được sản phẩm đạt lợi nhuận cao thì các doanh nghiệp phải thường xuyên theo dõi tình hình biến động của thị trường để từ đó đưa ra các chiến lược tiêu thụ kịp thời để hạn chế những bất lợi của doanh nghiệp.

Lợi nhuận của doanh nghiệp là kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động đầu tư tài chính và các khoản thu nhập khác. Lợi nhuận cao là ước muốn của tất cả các doanh nghiệp, nó không chỉ thể hiện hiệu quả sản xuất kinh doanh mà còn cho biết tình hình tài chính ổn định. Vì vậy, để đánh giá hiệu quả trong suốt quá trình kinh doanh đó cuối mỗi kỳ doanh nghiệp phải tiến hành xác định kết quả kinh doanh xem lãi, hòa vốn hay lỗ. Từ đó có những biện pháp quản lý, điều chỉnh thích hợp để đạt được lợi nhuận cao nhất.

Công ty cổ phần cơ điện Ưông Bí- Vinacomin là doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí, và một số lĩnh vực khác cũng không nằm ngoài quy luật ấy. Công ty được thành lập nhằm cung cấp các sản phẩm cho ngành than và một số ngành công nghiệp nặng khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh và một số địa bàn lân cận. Trong quá trình hoạt động công ty đã gặp rất nhiều thuận lợi song cũng không ít khó khăn nhưng tập thể cán bộ công nhân viên của doanh nghiệp luôn chung sức vượt qua những trở ngại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Đạt được những thành công đó không thể không kể đến phần đóng góp rất lớn của công tác quản trị tài chính trong doanh nghiệp mà hạch toán kế toán là bộ phận quan trọng của hệ thống quản trị tài chính. Đây là bộ phận gián tiếp tạo nên thành công chung cho cả doanh nghiệp giúp các nhà quản trị đưa ra quyết định nhanh chóng và hợp lý nhất đảm bảo cho sản xuất kinh doanh ổn định và phát triển bền vững.

Trong quá trình hạch toán kế toán việc phản ánh kết quả tiêu thụ, ghi nhận doanh thu, xác định chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh đầy đủ, kịp thời góp

phần đẩy tăng tốc độ chu chuyển vốn lưu động tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình kinh doanh. Việc ghi chép chính xác các nghiệp vụ kinh tế này có ảnh hưởng lớn đến tình hình tài chính doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp có cái nhìn đúng đắn về hoạt động sản xuất kinh doanh.

Sau một thời gian tìm hiểu thực tế tại công ty nhận thấy nhiệm vụ quan trọng của công tác kế toán xác định doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh bằng những kiến thức tiếp thu trong quá trình học tập em đã lựa chọn đề tài: “Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần cơ điện Uông Bí- Vinacomin”. Đề qua đó em có cơ hội nghiên cứu sâu hơn và đưa ra những giải pháp của riêng mình góp phần hoàn thiện công tác này.

Nội dung, kết cấu của đề tài gồm 3 chương:

Chương I: Lý luận chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương II: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần cơ điện Uông Bí- Vinacomin.

Chương III: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần cơ điện Uông Bí- Vinacomin.

Mặc dù với sự hướng dẫn tận tình của CN.GVC Nguyễn Văn Vĩnh cùng với các nhân viên kế toán tại công ty nhưng do chưa có kinh nghiệm thực tế và kiến thức còn nhiều hạn chế nên bài viết còn nhiều thiếu sót. Vì vậy, em rất mong nhận được sự phê bình, đóng góp ý kiến của các thầy, cô để bài khóa luận được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải phòng, ngày....tháng....năm 2012

Sinh viên

Nguyễn Thị Thanh Tâm

CHƯƠNG I:

LÍ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.1 *Khái quát về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh*

Sản xuất ra sản phẩm hàng hóa là nhiệm vụ của các doanh nghiệp thuộc ngành sản xuất vật chất. Sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra chủ yếu là thành phẩm và bán thành phẩm (ngoài ra còn có các lao vụ, dịch vụ)

Bán thành phẩm: là những sản phẩm mới hoàn thành một công đoạn chế biến nhất định nào đó (trừ công đoạn chế biến cuối cùng) trong quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm của doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn chất lượng quy định được nhập kho để chờ tiếp tục chế biến hoặc được chuyển giao để tiếp tục chế biến hoặc một bộ phận nhỏ có thể bán ra bên ngoài.

Thành phẩm: là những sản phẩm đã kết thúc giai đoạn chế biến cuối cùng trong quy trình công nghệ sản xuất ra sản phẩm đó của doanh nghiệp (ngoài ra còn bao gồm cả những sản phẩm thuê ngoài gia công đã hoàn thành) đã qua kiểm tra kỹ thuật và được xác nhận là phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật quy định, đã được nhập kho hoặc giao trực tiếp cho khách hàng.

1.1.1 *Khái quát về doanh thu*

Doanh thu: là tổng giá trị các lợi ích kinh tế DN thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của DN góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được.

Giá trị hợp lý: là giá trị tài sản có thể được trao đổi (hoặc giá trị một khoản nợ được thanh toán một cách tự nguyện) giữa bên có đầy đủ hiểu biết trong sự trao đổi ngang giá.

Khi hàng hóa hoặc dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hóa hoặc dịch vụ khác không tương tự thì việc trao đổi đó được coi là 1 giao dịch tạo ra doanh thu. Doanh thu được xác định bằng giá trị hợp lý của hàng hóa hoặc dịch vụ nhận về (hoặc

đem đi trao đổi) sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu thêm.

Trường hợp DN có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra đồng VN theo tỷ giá thực tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng nhà nước VN công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

1.1.1.1 Một số loại doanh thu

a) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp tự sản xuất ra, bán hàng mua vào và bất động sản đầu tư.

Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ hoặc nhiều kỳ kế toán như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động...

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: là toàn bộ số tiền thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán.

b) Doanh thu nội bộ

Doanh thu nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

c) Doanh thu tài chính

Đầu tư tài chính: là hoạt động khai thác, sử dụng nguồn vốn nhàn rỗi của doanh nghiệp để đầu tư ra ngoài doanh nghiệp nhằm tăng thu nhập và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Hoạt động tài chính trong DN rất đa dạng, phong phú trong đó chủ yếu là các hoạt động tham gia liên doanh, đầu tư chứng khoán, cho thuê tài sản, kinh doanh bất động sản...

Doanh thu hoạt động tài chính: là các khoản thu nhập liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

d) Thu nhập khác

Hoạt động khác là những hoạt động diễn ra không thường xuyên, ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

Thu nhập khác: là những khoản thu mà DN không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện, hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên.

1.1.1.2 Điều kiện ghi nhận doanh thu

a) Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- + DN đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- + DN không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa.
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- + DN đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- + Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Trường hợp DN vẫn còn chịu phần lớn rủi ro gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa thì giao dịch không được coi là hoạt động bán hàng và doanh thu không được ghi nhận như:

- + Doanh nghiệp còn phải chịu trách nhiệm để đảm bảo tài sản được hoạt động bình thường mà việc này không nằm trong điều khoản bảo hành thông thường.
- + Việc thanh toán tiền bán hàng còn chưa chắc chắn vì phụ thuộc vào người mua.
- + Hàng hóa được giao còn chờ lắp đặt và việc lắp đặt đó là một phần quan trọng của hợp đồng mà DN chưa hoàn thành.

+ Khi người mua có quyền hủy bỏ việc mua hàng vì một lý do nào đó được nêu trong hợp đồng mua bán và DN chưa chắc chắn về khả năng hàng bán có bị trả lại hay không.

b) Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

- Cung cấp dịch vụ nghĩa là thực hiện những công việc đã thỏa thuận trong hợp đồng.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy.

- Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn 4 điều kiện:

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ.

+ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c) Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia:

-Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

-Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia ghi nhận trên cơ sở:

+ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

+ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

1.1.1.3 Nguyên tắc hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu là giá bán chưa có thuế.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu là tổng giá thanh toán.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, thuế XK thì doanh thu là tổng giá thanh toán bao gồm cả thuế TTĐB, XK.

- Doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

- Với hàng hóa nhận bán đại lí, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì doanh thu là phần hoa hồng bán hàng mà DN được hưởng.

- Những sản phẩm, hàng hóa được xác định là tiêu thụ nhưng vì lý do về chất lượng, về quy cách kĩ thuật... người mua từ chối thanh toán, gửi trả lại người bán hoặc yêu cầu giảm giá và được doanh nghiệp chấp nhận, hoặc người mua mua hàng với khối lượng lớn được chiết khấu thương mại thì các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng này được theo dõi riêng biệt trên các TK531- Hàng bán bị trả lại, TK 532- Giảm giá hàng bán, TK 521- Chiết khấu thương mại.

- Trường hợp trong kỳ DN đã viết hóa đơn bán hàng và đã thu được tiền hàng nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa giao hàng cho người mua hàng thì trị giá số hàng này không được coi là tiêu thụ và không được ghi vào TK511- doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ mà chỉ hạch toán vào bên có TK 131- Phải thu khách hàng về khoản tiền đã thu của khách hàng. Khi thực giao hàng cho người mua sẽ hạch toán vào TK511 về trị giá hàng đã giao, đã thu trước tiền bán hàng, phù hợp với các điều kiện ghi nhận doanh thu.

- Bán hàng trả chậm: ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá trả ngay và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính phần lãi tính trên khoản trả nhưng phù hợp với thời điểm ghi nhận vào thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ của năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy toàn bộ tổng số tiền thu được chia cho số năm thuê tài sản.

- Đối với DN thương mại cung cấp sản phẩm, hàng hóa dịch vụ theo yêu cầu Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá theo quy định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá

là số tiền nhà nước chính thức thông báo hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá. Doanh thu trợ cấp, trợ giá được theo dõi phản ánh trên TK5114- Doanh thu trợ cấp, trợ giá.

1.1.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu như: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp, thuế TTDB, thuế XK được tính vào doanh thu ghi nhận ban đầu, để xác định doanh thu thuần, làm cơ sở tính KQKD trong kỳ kế toán.

a) Chiết khấu thương mại

Gồm:

- + Bớt giá: là khoản giảm trừ trên giá bán thông thường dành cho người mua do họ mua hàng một lần với số lượng lớn.

- + Hồi khấu: là số tiền thưởng dành cho người mua do họ mua hàng trong một khoảng thời gian nhất định với số lượng được hưởng chiết khấu.

- Chiết khấu thương mại dành cho người mua khi bán hàng được hạch toán vào TK521

- Chiết khấu thương mại được hưởng khi mua hàng được trừ ngay vào giá trị hàng mua.

b) Hàng bán bị trả lại

Là số hàng đã được coi là tiêu thụ nhưng bị người mua trả lại và từ chối do các nguyên nhân thuộc về người bán như: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng kém chất lượng, mất phẩm chất, không đúng chủng loại....

Tài khoản này chỉ phản ánh giá trị của số hàng bị trả lại theo giá bán ghi trên hóa đơn. Các chi phí khác liên quan đến việc hàng bán bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được hạch toán vào TK641.

c) Giảm giá hàng bán

Là số tiền giảm trừ cho người mua trên giá bán đã thỏa thuận do các nguyên nhân đặc biệt thuộc về người bán như hàng kém phẩm chất, hàng không đúng quy cách, hàng xấu, hàng giao không đúng hẹn...

Chỉ phản ánh vào tài khoản này các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá sau khi bán hàng và phát hành hóa đơn ghi theo giá bán bình thường.

d) Thuế

- Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp: Là số thuế gián thu tính trên khoản giá trị tăng thêm của hàng hóa dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất, lưu thông đến người tiêu dùng và người tiêu dùng là người chịu thuế.

$$\text{Thuế GTGT phải nộp} = \frac{\text{GTGT hàng hóa Dịch vụ bán ra}}{\text{Dịch vụ bán ra}} * \text{Thuế suất thuế GTGT của hàng hóa dịch vụ chịu thuế}$$

-Thuế tiêu thụ đặc biệt: là loại thuế gián thu tính trên khoản thu của một số mặt hàng nhà nước quy định nhằm thực hiện sự điều chỉnh của nhà nước đối với người tiêu dùng.

-Thuế xuất khẩu: là thuế tính trên doanh thu của sản phẩm bán ra ngoài lãnh thổ Việt Nam.

1.1.3 Khái quát về chi phí

1.1.3.1 Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

a/ Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán: là giá trị thực tế xuất kho của sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định KQKD trong kỳ.

Để tính giá vốn từng mặt hàng xuất kho DN sử dụng một trong các phương pháp sau:

❖ Phương pháp Nhập trước- xuất trước(FIFO)

Theo phương pháp này dựa trên giả định hàng nào nhập trước sẽ được xuất trước và lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập sau cùng. Phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm.

❖ **Phương pháp Nhập sau- Xuất trước (LIFO)**

Phương pháp này dựa trên giả định là hàng nào nhập sau được xuất trước, lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của lần nhập đầu tiên. Phương pháp nhập sau- xuất trước thích hợp trong trường hợp lạm phát.

❖ **Phương pháp bình quân gia quyền**

Trị giá vốn thực tế của vật tư xuất kho được tính căn cứ vào số lượng vật xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền, theo công thức:

$$\text{Đơn giá bình quân của hàng hóa xuất kho trong kỳ} = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế hàng hóa nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập trong kỳ}}$$

$$\text{Trị giá thực tế hàng xuất trong kỳ} = \text{Số lượng hàng xuất trong kỳ} * \text{Đơn giá thực tế bình quân}$$

Phương pháp đơn giá bình quân cả kỳ dự trữ tuy đơn giản, dễ làm nhưng độ chính xác không cao. Hơn nữa, công việc tính toán đơn giản dồn vào cuối tháng, gây ảnh hưởng đến công tác quyết toán nói chung.

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Giá thực tế hàng hoá tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Lượng thực tế hàng hoá tồn sau mỗi lần nhập}}$$

Phương pháp giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập lại khắc phục được nhược điểm của phương pháp trên, vừa chính xác, vừa cập nhật. Nhược điểm của phương pháp này tốn nhiều công sức, tính toán nhiều lần.

❖ **Phương pháp tính theo giá đích danh:**

Theo phương pháp này khi xuất kho vật tư thì căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô nào và đơn giá thực tế của lô đó để tính giá vốn thực tế của vật tư xuất kho.

Giá vốn hàng bán là nhân tố quan trọng để xác định KQKD vì vậy cần phải xác định chính xác. Mỗi DN cần chọn cho mình một phương pháp phù hợp với đặc điểm kinh doanh của mình. Song phải sử dụng nhất quán trong một kỳ, không được thay đổi một cách tùy tiện.

b/ Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng: là toàn bộ các chi phí có liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa của DN bao gồm:

- Chi phí nhân viên bán hàng
- Chi phí vật liệu bao bì
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng phục vụ cho hoạt động bán hàng
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ
- Chi phí khác bằng tiền

c/ Chi phí quản lý doanh nghiệp

CPQLDN là những chi phí cho việc quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và phục vụ chung khác liên quan đến hoạt động của cả DN.

- Chi phí nhân viên quản lý doanh nghiệp
- Chi phí đồ dùng văn phòng phục vụ công tác quản lý doanh nghiệp.
- Chi phí vật liệu phục vụ cho hoạt động quản lý doanh nghiệp.
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Thuế, phí, lệ phí.
- Chi phí dự phòng
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí khác bằng tiền

1.1.3.2 Chi phí hoạt động tài chính

- Chi phí hoạt động tài chính : là toàn bộ các khoản chi phí và khoản lỗ liên quan đến hoạt động tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên

doanh, liên kết chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán...

1.1.3.3 Chi phí khác

- Chi phí khác là các khoản chi phí của hoạt động khác ngoài hoạt động SXKD tạo ra doanh thu của DN.

- Bao gồm:

+Chi phí thanh lý nhượng bán tài sản cố định và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán.

+Chênh lệch lãi lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.

+Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.

+Bị phạt thuế, chi nộp thuế.

+Các khoản chi phí khác

1.1.3.4 Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh: là kết quả cuối cùng của hoạt động tiêu thụ hàng hóa của DN sau một thời kỳ nhất định, biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ.

Kết quả hoạt động kinh doanh của DN bao gồm: kết quả kinh doanh thông thường và kết quả hoạt động khác.

Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường: là kết quả từ những hoạt động tạo ra doanh thu của DN. Đây là hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ và hoạt động tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường được xác định theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lãi (lỗ)} & & \text{DTT về bán} & & \text{Giá} & & \\ \text{từ HĐ} & = & \text{hàng và cung} & - & \text{vốn} & + & \text{Doanh} \\ \text{SXKD} & & \text{cấp dịch vụ} & & \text{hàng} & & \text{thu} \\ & & & & \text{bán} & & \text{HĐTC} \\ & & & & & & \text{Chi phí} \\ & & & & & & \text{HĐTC} \\ & & & & & & \text{CPBH, CPQLDN} \\ & & & & & & \text{tính cho hàng tiêu} \\ & & & & & & \text{thụ trong kỳ} \end{array}$$

Trong đó: DTT= Tổng doanh thu bán hàng – các khoản giảm trừ

Kết quả hoạt động khác là các kết quả từ hoạt động bất thường khác tạo ra doanh thu của DN, được tính bằng chênh lệch giữa thu nhập khác(sau khi đã trừ đi các khoản thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp nếu có) và chi phí khác.

$$\text{Lãi (lỗ) hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{chi phí khác}$$

Kết quả hoạt động của DN trong một thời kỳ có thể lãi hoặc lỗ. Nếu lỗ sẽ được xử lý bù đắp theo chế độ quy định của chế độ tài chính.

1.1.3.5 Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

-Doanh thu là nguồn tài chính đảm bảo cho các khoản chi phí trong suốt quá trình hoạt động, đảm bảo cho DN tái sản xuất và mở rộng.

-Xây dựng các kế hoạch quản lý sản xuất, nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí, tăng khả năng thu hồi vốn.

-Thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với nhà nước

-Phản ánh và giám đốc tình hình sản xuất kinh doanh để từ đó lãnh đạo công ty có những biện pháp hoạch định cho hoạt động sản xuất trong thời gian tới.

1.1.3.6 Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD có yêu cầu và nhiệm vụ:

a) Yêu cầu:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại thành phẩm, hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng chủng loại và giá trị.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời và chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.

b) Nhiệm vụ:

- Tham mưu các giải pháp thúc đẩy bán hàng, tăng vòng quay của vốn.

- Cung cấp các thông tin cần thiết về tình hình bán hàng cho chủ doanh nghiệp kịp thời có số liệu, tình hình chỉ đạo hoạt động mua- bán kinh doanh của doanh nghiệp.

- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kì phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định và phân phối kết quả.

- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả của từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước để họ có căn cứ đánh giá sức mua, đánh giá tình hình tiêu dùng, đề xuất các chính sách mang tầm vĩ mô.

1.2 Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.2.1 Tổ chức công tác kế toán doanh thu

1.2.1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a) Các phương thức luân chuyển hàng hóa chủ yếu

Phương thức tiêu thụ hàng hóa có ảnh hưởng trực tiếp đối với việc sử dụng các tài khoản kế toán, phản ánh tình hình xuất kho hàng hóa, đồng thời có tính quyết định đối với việc xác định thời điểm bán hàng, hình thành doanh thu bán hàng và tiết kiệm chi phí bán hàng để tăng lợi nhuận.

❖ Phương thức tiêu thụ trực tiếp

Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại quầy, hay tại phân xưởng sản xuất của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao được chính thức coi là tiêu thụ.

• Bán buôn

Bán buôn hàng hóa là việc bán hàng cho các đơn vị thương mại hoặc cho các đơn vị sản xuất để tiếp tục sản xuất. Đặc điểm của nhiệm vụ bán buôn hàng hóa chưa đến tay người tiêu dùng, giá trị và giá trị sử dụng hàng hóa chưa được thực hiện đầy đủ.

+ Bán buôn qua kho: hàng hóa được tập trung tại kho của doanh nghiệp trước khi đem tiêu thụ.

- Đối với hình thức bán trực tiếp, khi người mua nhận được hàng theo hợp đồng, ký nhận vào các giấy tờ có liên quan. Khi đó hàng hóa không thuộc sở hữu

của doanh nghiệp nữa, hàng hóa được xác định là tiêu thụ, doanh nghiệp ghi nhận doanh thu chưa thuế đồng thời phản ánh thuế GTGT đầu ra phải nộp tính trên doanh thu ghi nhận.

- Đối với bán buôn qua kho theo hình thức gửi hàng, khi giao hàng cho khách, hàng vẫn thuộc sở hữu của doanh nghiệp, chỉ khi khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì số hàng đó mới được chấp nhận là tiêu thụ. Kế toán ghi nhận doanh thu theo giá bán chưa có thuế GTGT.

+ Bán buôn hàng hóa vận chuyển thẳng: DN thương mại sau khi mua hàng, nhận hàng mua không đem về nhập kho và vận chuyển thẳng cho bên mua. Xét về đối tượng tham gia có ít nhất 3 đối tượng tham gia mua bán.

- Nếu bên bán có tham gia thanh toán: DN mua hàng của nhà cung cấp và chuyển đi bán thẳng cho bên đi mua hàng, phương tiện vận tải tự có hoặc thuê ngoài. Hàng hóa gửi đi vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi nào bên mua nhận được hàng và chấp nhận thanh toán thì DN mới ghi nhận doanh thu. Chi phí vận chuyển DN chịu hay bên mua phải trả tùy thuộc vào hợp đồng ký giữa hai bên.

- Trường hợp bán hàng vận chuyển thẳng không tham gia thanh toán: Nếu không tham gia thanh toán, kế toán chỉ theo dõi số hoa hồng từ nhiệm vụ môi giới hàng cho nhà cung cấp hoặc cho khách hàng.

- Bán lẻ:

Trong khâu bán lẻ, chủ yếu là bán thu bằng tiền mặt và thường thì hàng hóa xuất giao cho khách hàng và thu tiền trong cùng một thời điểm. Vì vậy thời điểm tiêu thụ đối với khâu bán lẻ thường được tiến hành theo phương thức sau:

- Phương thức bán hàng thu tiền tập trung: Phương thức này tách rời nhân viên bán hàng và nhiệm vụ thu tiền. Nhân viên thu ngân có nhiệm vụ viết hóa đơn thu tiền và giao hàng cho khách hàng để khách hàng đến giao nhận ở quầy do nhân viên bán hàng giao.

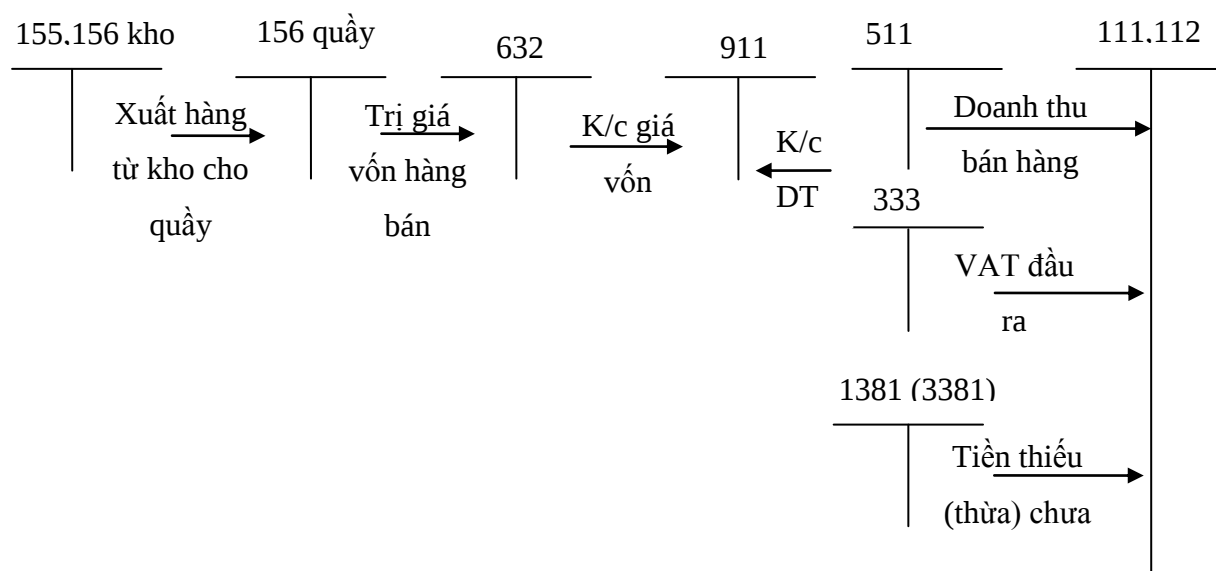
Cuối mỗi ca hoặc cuối ngày, nhân viên thu ngân tổng hợp tiền, kiểm tra tiền và xác nhận doanh số bán. Nhân viên bán hàng căn cứ vào số lượng hàng đã giao

theo hóa đơn để lập báo cáo bán hàng, đối chiếu với số hàng hóa còn để xác định số hàng thừa thiếu.

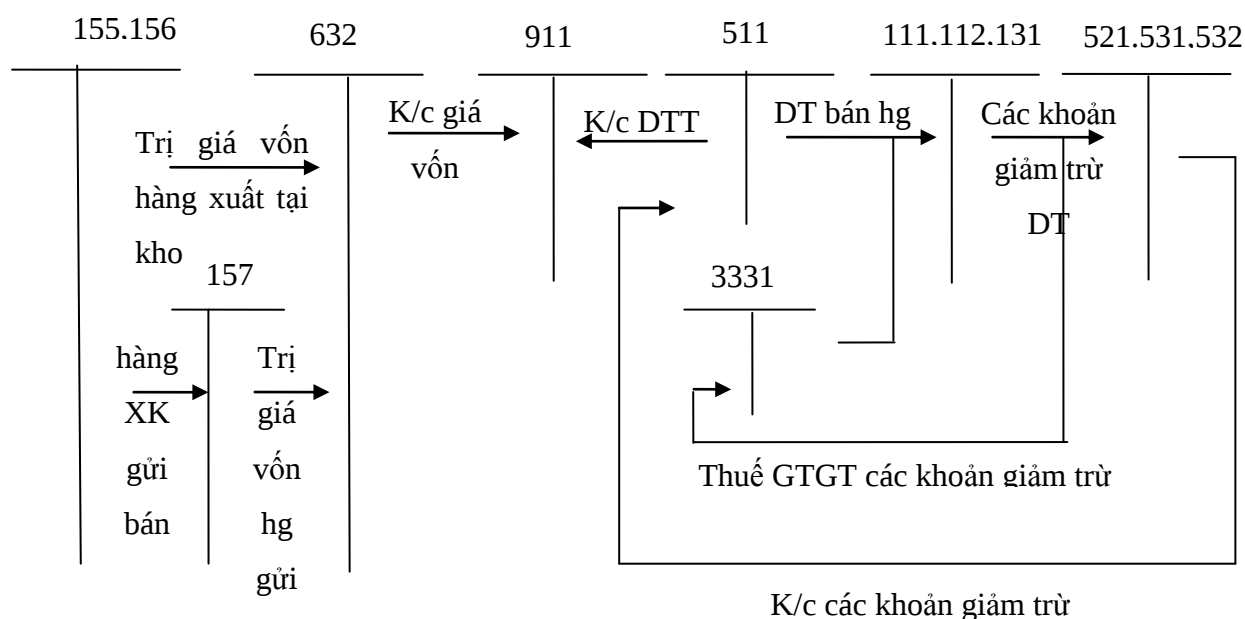
-Bán hàng thu tiền trực tiếp: Nhân viên bán hàng trực tiếp thu tiền và giao cho khách hàng. Cuối mỗi ca, nhân viên bán hàng kiểm tiền làm giấy nộp tiền, kiểm kê hàng hóa hiện còn ở quầy và xác định lượng hàng hóa bán ra trong ca (ngày).

Sau đó, lập báo cáo bán hàng để xác định doanh số bán, đối chiếu với số lượng đã nộp theo giấy nộp tiền.

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ mô tả hình thức bán lẻ



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ mô tả hình thức bán buôn

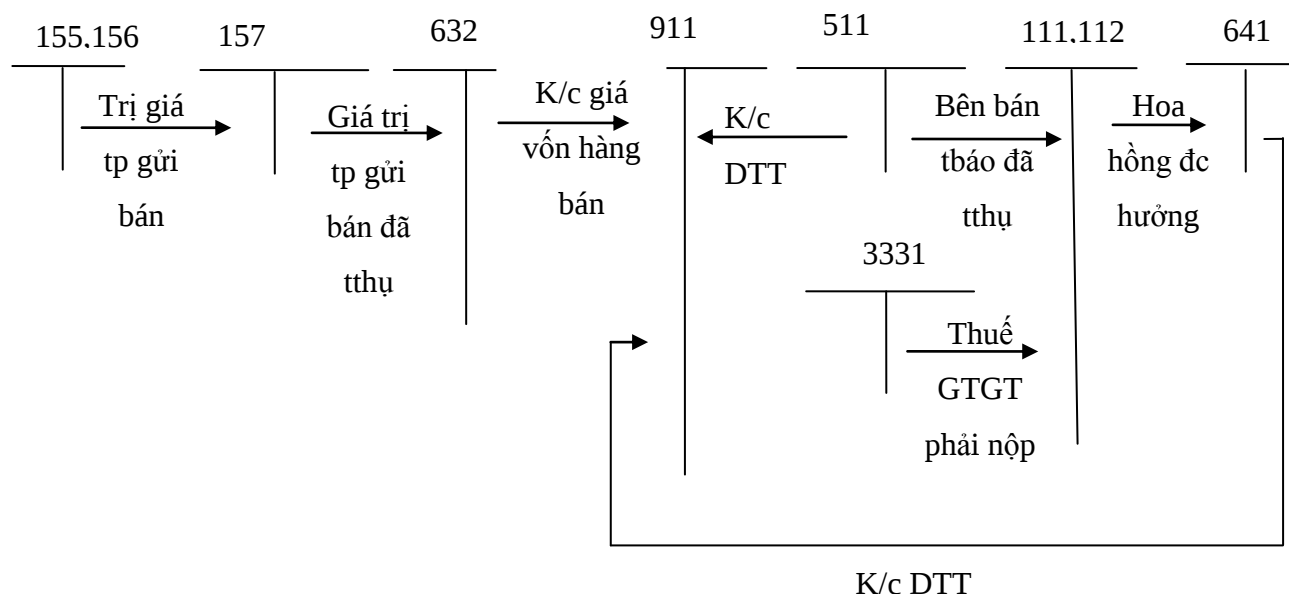


❖ Phương thức đại lý bán hàng đúng giá hưởng hoa hồng.

Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán, bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá. Khi xuất hàng gửi đi, hàng vẫn thuộc quyền sở hữu của DN, chỉ khi nào khách hàng đã trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán thì khi đó hàng mới chuyển quyền sở hữu và được ghi nhận doanh thu bán hàng.

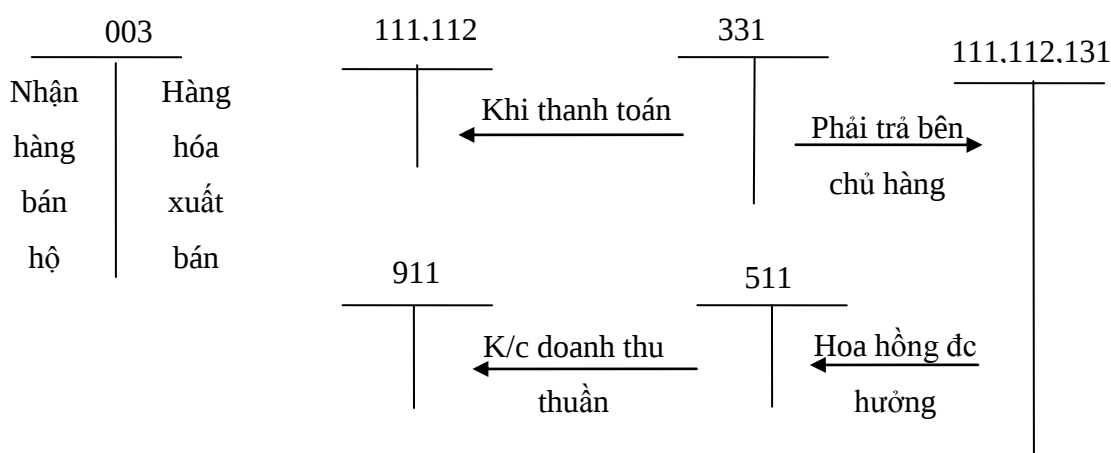
Theo luật thuế GTGT, nếu đại lý bán hàng theo đúng giá do bên giao đại lý quy định thì toàn bộ VAT sẽ do chủ hàng chịu, bên đại lý không phải nộp thuế VAT trên phần hoa hồng được hưởng. Ngược lại, nếu đại lý hưởng khoản chênh lệch giá thì bên đại lý sẽ phải chịu thuế VAT tính trên phần giá trị gia tăng này, bên chủ hàng chịu thuế VAT trong phạm vi doanh thu của mình.

Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán tại đơn vị giao đại lí:



+ **Kế toán tại đơn vị nhận đại lí:** Kế toán ghi nhận toàn bộ trị giá vốn số hàng này vào bên nợ TK003- Hàng nhận bán hộ, kí gửi. Khi được xác định là tiêu thụ ghi nhận vào bên có TK003. Doanh thu bán hàng là toàn bộ hoa hồng do nhận bán đại lí.

Sơ đồ 1.4: sơ đồ kế toán tại đơn vị nhận đại lý

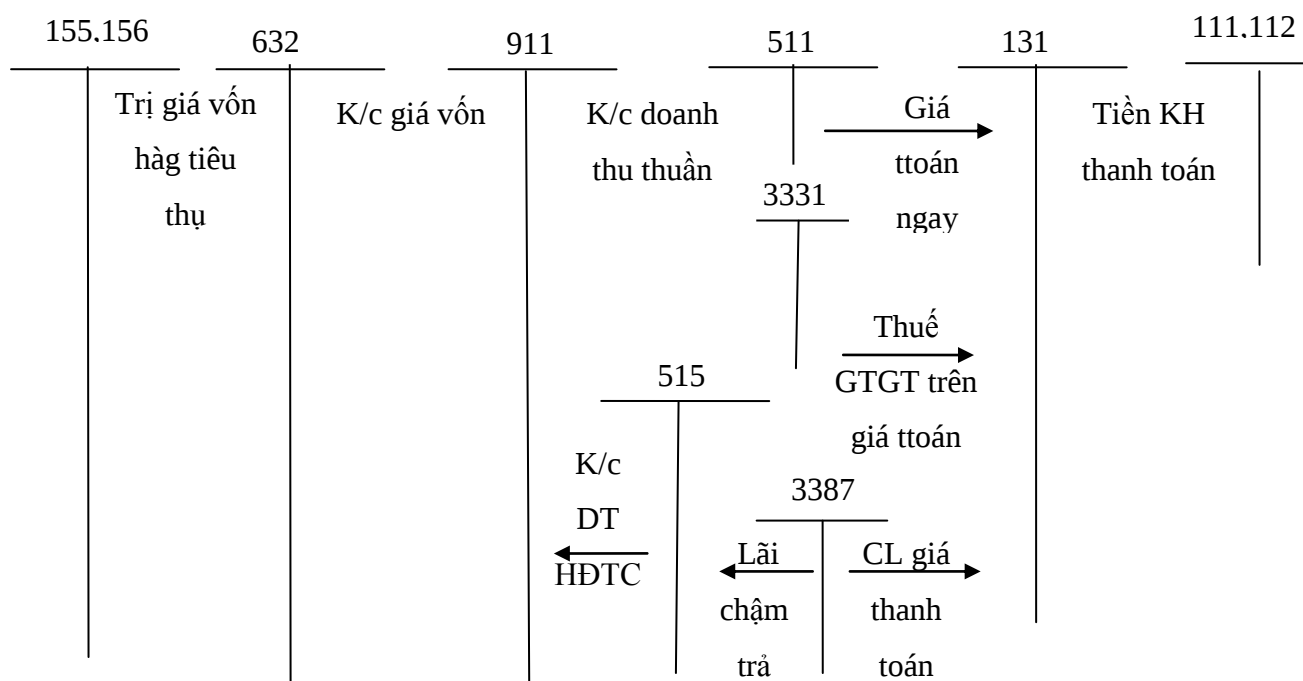


❖ Phương thức trả chậm, trả góp.

Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu tại thời điểm mua. Số tiền trả chậm phải chịu một tỉ lệ lãi suất nhất định. Thông thường, số tiền trả ở các kì tiếp theo bằng nhau, bao gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi trả chậm.

Theo phương thức trả góp, về mặt hạch toán khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng được chuyển giao được coi là tiêu thụ. Về thực chất chỉ khi nào người mua thanh toán hết tiền hàng thì DN mới mất quyền sở hữu.

***Sơ đồ 1.5: Sơ đồ mô tả hình thức bán hàng trả chậm, trả góp**



❖ Phương thức chuyển hàng chờ chấp nhận.

Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng, số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán, chỉ khi nào được người mua chấp nhận thanh toán một phần hay toàn bộ số hàng chuyển giao thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ và bên bán mất quyền sở hữu.

❖ Phương thức hàng đổi hàng.

Hàng đổi hàng là phương thức tiêu thụ mà trong đó người bán đem sản phẩm, vật tư, hàng hóa của mình để đổi lấy vật tư, hàng hóa của người mua. Giá trao đổi là giá bán của hàng hóa, vật tư đó trên thị trường.

❖ Các trường hợp tiêu thụ khác.

Hạch toán tiêu thụ nội bộ, hạch toán hoạt động gia công vật tư hàng hóa

b) Chứng từ và tài khoản sử dụng

** Chứng từ sử dụng:*

- + Hóa đơn giá trị gia tăng
- + Thẻ quầy hàng
- + Các chứng từ thanh toán (phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm chi, giấy báo nợ, giấy báo, bảng sao kê của ngân hàng....)
- + Chứng từ kế toán liên quan khác

**Tài khoản sử dụng*

TK 511- doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ gồm 5 tiểu khoản:

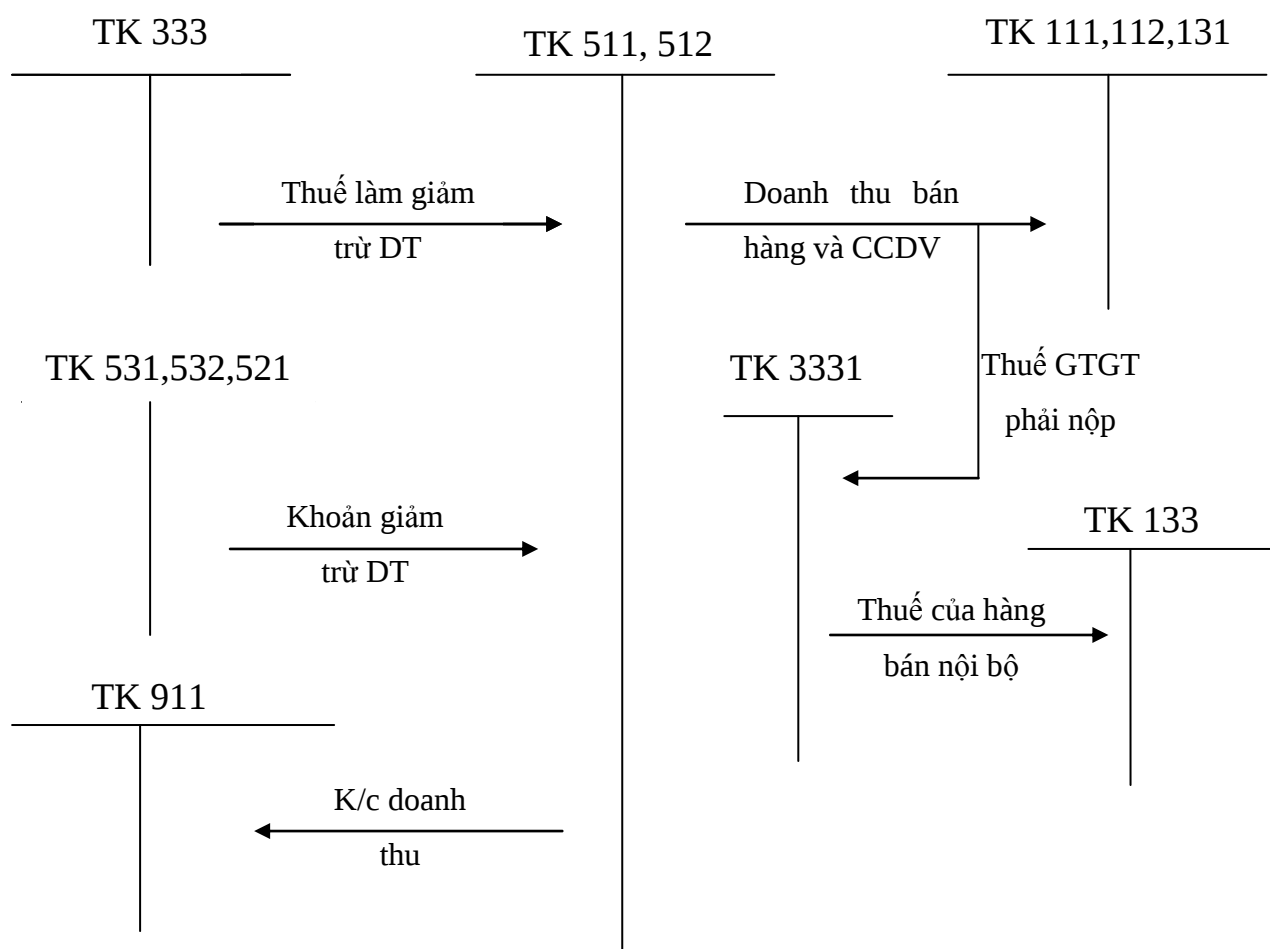
- + TK 5111 - Doanh thu bán hàng hóa
- + TK 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm
- + TK 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ
- + TK 5114 - Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- + TK 5117 - Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư.
- + TK5118 - Doanh thu khác

**Kết cấu TK*

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp DV

- Khoản giảm trừ doanh thu	- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch
- Kết chuyển DT thuần vào TK911	vụ thực tế phát sinh trong kỳ
Tổng phát sinh nợ	Tổng phát sinh có
Tài khoản này không có số dư	

Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán TK511



1.2.1.2 Doanh thu nội bộ

** Tài khoản sử dụng*

TK 512- Doanh thu nội bộ gồm 5 tiểu khoản

- + TK 5121 – Doanh thu bán hàng hóa
- + TK 5122 – Doanh thu bán các thành phẩm
- + TK 5123 – Doanh thu cung cấp dịch vụ

** Kết cấu tài khoản*

Tài khoản 512 “ Doanh thu bán hàng nội bộ

-Phản ánh số thuế TTĐB, thuế XK tính trên doanh số bán trong kỳ. - Số giảm giá hàng bán và doanh thu hàng bán bị trả lại được kết chuyển giảm trừ vào doanh thu. - Kết chuyển doanh thu thuần về tiêu thụ sang TK 911	- Tổng doanh thu tiêu thụ nội bộ phát sinh kỳ kế toán.
Tổng phát sinh nợ	Tổng phát sinh có

TK này không có số dư, hạch toán tương tự TK511.

1.2.1.3 Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

-Tiền lãi: lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ, lãi cho thuê tài chính...

- Cổ tức, lợi nhuận được chia
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn
- Thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng
- Thu nhập từ các hoạt động đầu tư khác
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn

** Chứng từ sử dụng*

- Phiếu thu
- Giấy báo có
- Các chứng từ khác liên quan

** Tài khoản sử dụng:* TK515- Doanh thu hoạt động tài chính

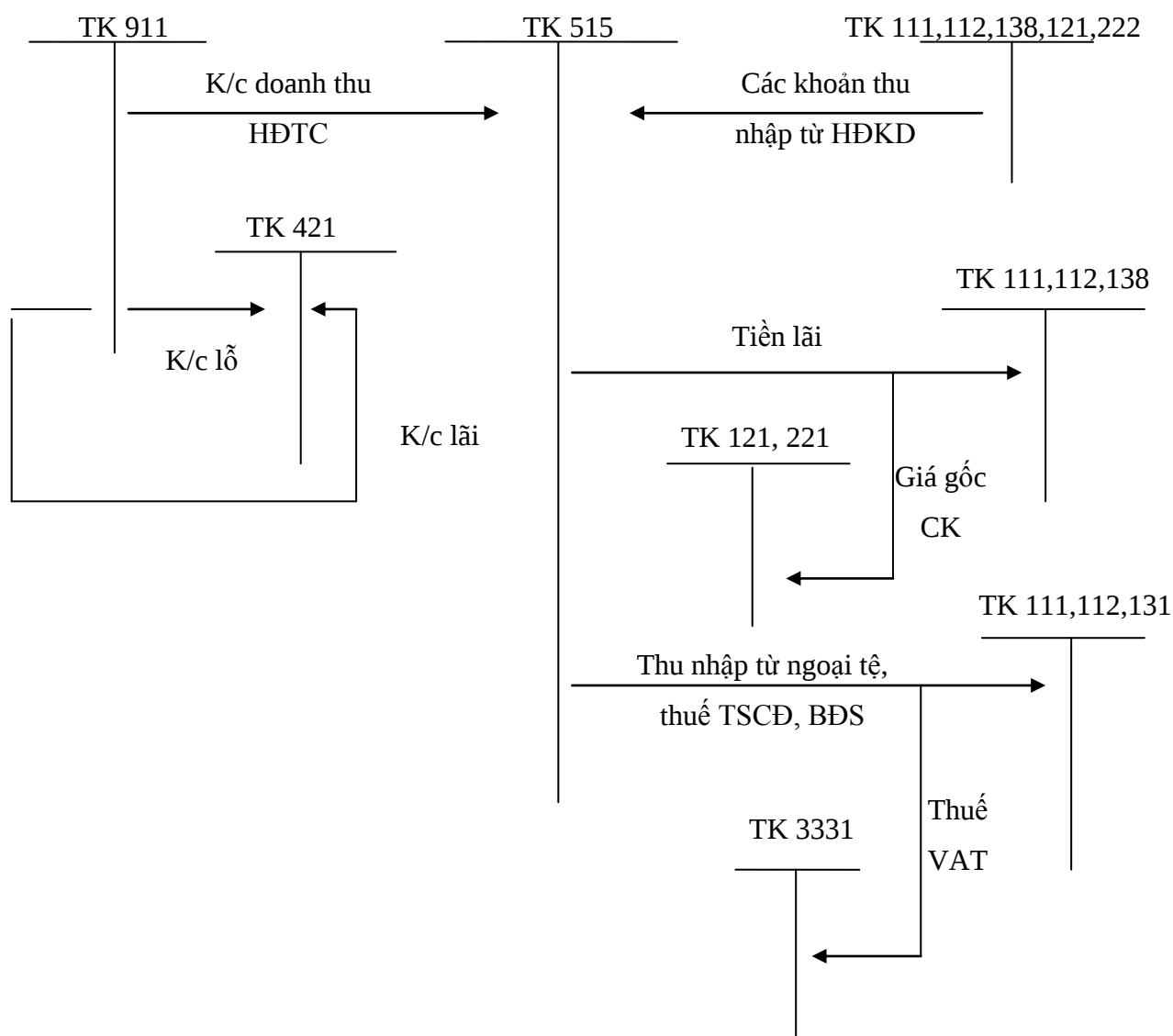
* *Kết cấu tài khoản*

Tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”

-Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp(nếu có). -Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK911 “xác định KQKD”.	Doanh thu HĐTC gồm: -Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia -Thu nhập cho thuê tài sản, kinh doanh bất động sản -Chênh lệch về do bán ngoại tệ -Thu nhập về hoạt động đầu tư CK.
Tổng phát sinh nợ	Tổng phát sinh có

Tài khoản này không có số dư.

Sơ đồ 1.7: Trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính



1.2.1.4 Thu nhập khác

**Nội dung thu nhập khác gồm:*

- + Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ.
- +Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- +Thu nhập từ hoạt động bán và đầu tư lại tài sản.
- +Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- +Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.
- +Các khoản thuế được ngân sách nhà nước hoàn lại.
- +Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.
- +Thu nhập quà biếu, tặng....
- +Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên

**Chứng từ sử dụng:*

- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Phiếu thu
- Phiếu chi
- Các chứng từ kế toán khác

**Tài khoản sử dụng:*

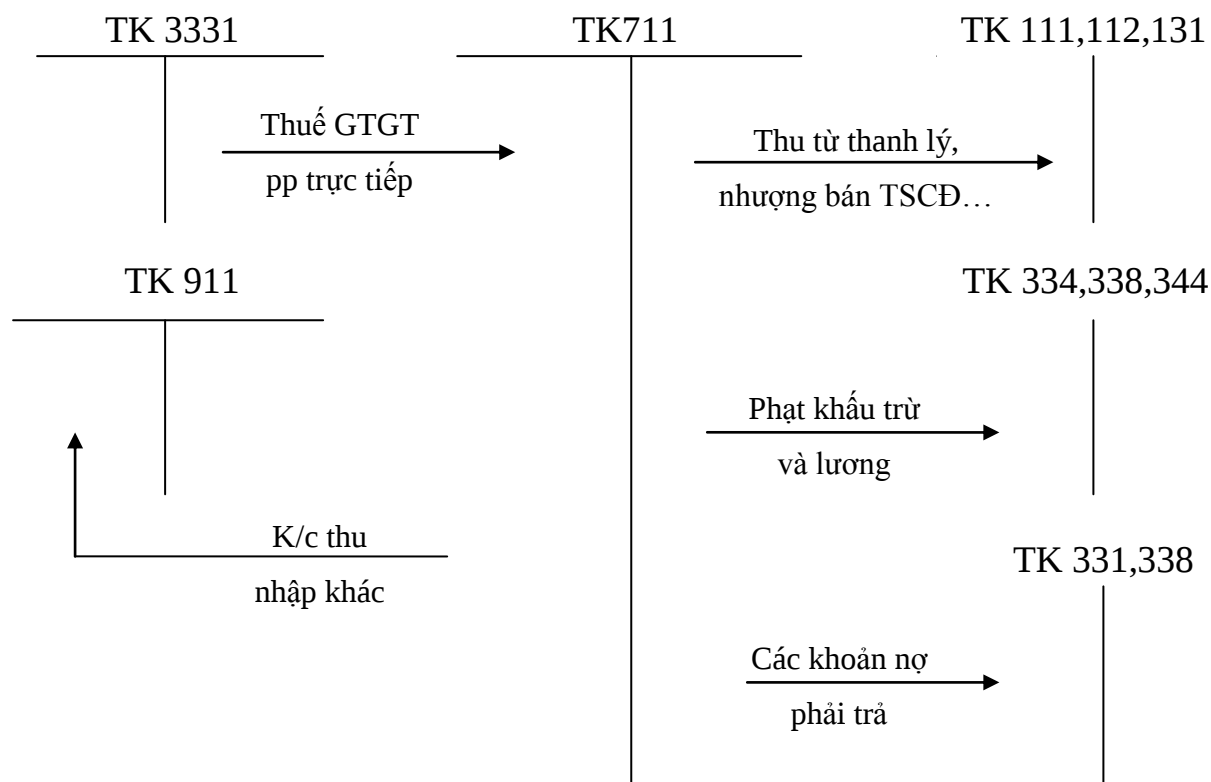
TK711: Thu nhập khác

**Kết cấu tài khoản:*

Tài khoản 711” Thu nhập khác”

-Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp -Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu nhập khác sang TK911	-Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
Tổng số phát sinh nợ	Tổng số phát sinh có
Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ.	

Sơ đồ 1.8: Trình tự hạch toán thu nhập khác



1.2.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

**Chứng từ sử dụng:*

- Phiếu xuất kho
- Phiếu nhập kho
- Phiếu thu
- Phiếu chi
- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.2.1 Chiết khấu thương mại

**Tài khoản sử dụng:*

- TK521: Chiết khấu thương mại có 3 TK cấp 2
- + TK 5211: Chiết khấu hàng hóa
 - + TK 5212: Chiết khấu thành phẩm
 - + TK 5213: Chiết khấu dịch vụ

**Kết cấu TK*

Tài khoản 521” Chiết khấu thương mại”

Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng phát sinh trong kỳ.	Cuối kì kế toán kết chuyển số chiết khấu thương mại sang TK 511 để xác định doanh thu thuần của kỳ kế toán.
Tổng phát sinh nợ	Tổng phát sinh có

Tài khoản 521 không có số dư.

1.2.2.2 Hàng bán bị trả lại

** Tài khoản sử dụng: TK 531*

** Kết cấu tài khoản*

Tài khoản 531 “ Hàng bán bị trả lại”

Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán.	Kết chuyển xác định doanh thu thuần
Tổng phát sinh nợ	Tổng phát sinh có

Tài khoản này không có số dư.

1.2.2.3 Giảm giá hàng bán

Tài khoản này được sử dụng để theo dõi toàn bộ các khoản giảm giá hàng bán cho khách trên giá bán đã thỏa thuận.

Chỉ phản ánh vào TK này các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá ngoài hóa đơn tức là sau khi đã có hóa đơn bán hàng. Không phản ánh vào tài khoản này số giảm giá đã được ghi trên hóa đơn bán hàng và đã được trừ vào tổng giá trị bán trên hóa đơn.

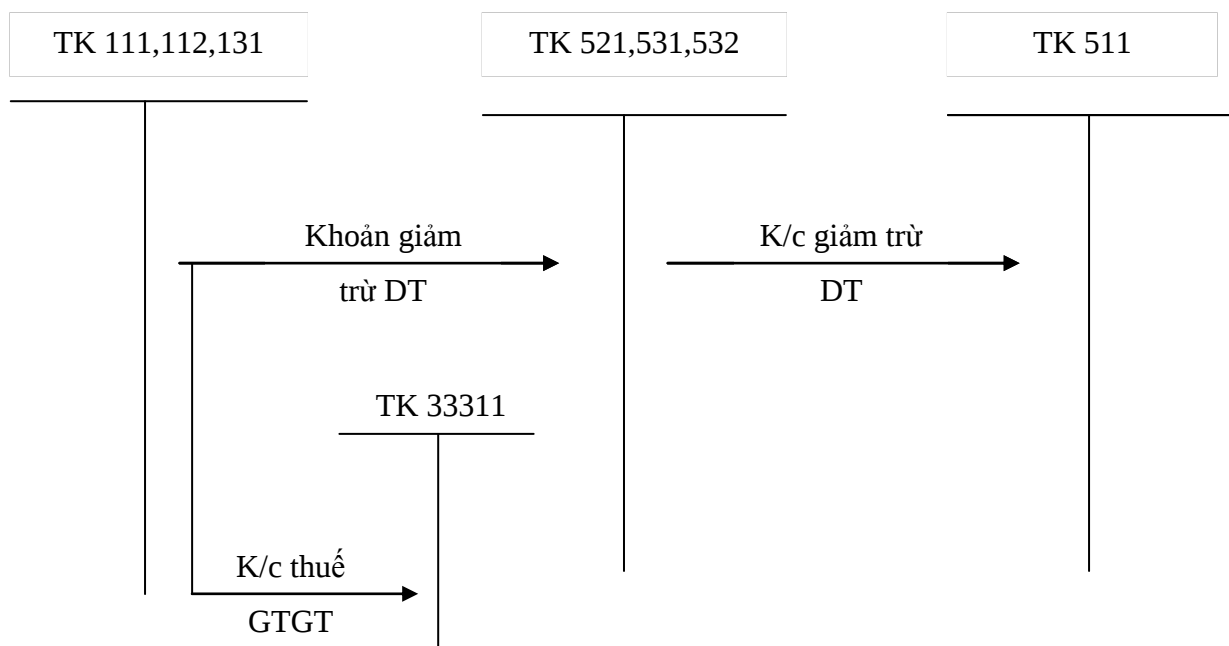
**TK sử dụng: TK 532*

Tài khoản 532 “ Giảm giá hàng bán”

Khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng phát sinh trong kỳ	Kết chuyển xác định doanh thu thuần
Tổng phát sinh nợ	Tổng phát sinh có

TK này không có số dư.

 Sơ đồ 1.9: Trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu



1.2.2.4 Các khoản thuế

- Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp

Thuế GTGT phải nộp = GTGT của hàng hóa dịch vụ X thuế suất thuế GTGT

GTGT = Giá thanh toán của hàng hóa – Giá thanh toán của hàng hóa, dịch vụ bán ra dịch vụ mua vào tương ứng

-Thuế tiêu thụ đặc biệt: là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp trong trường hợp doanh nghiệp tiêu thụ những mặt hàng thuộc danh mục vật tư, hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

Thuế TTDB phải nộp = Giá tính thuế TTDB x Thuế suất thuế TTDB

-Thuế xuất khẩu: là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp khi xuất khẩu hàng hóa chịu thuế xuất khẩu.

Thuế xuất khẩu = Trị giá tính thuế x thuế suất thuế xuất khẩu

1.2.3 Kế toán chi phí

1.2.3.1 Giá vốn hàng bán

-Đối với doanh nghiệp sản xuất: trị giá vốn của hàng xuất kho để bán hoặc thành phẩm hoàn thành không nhập kho đưa bán ngay chính là giá thành sản xuất thực tế của thành phẩm xuất kho hoặc giá thành sản xuất thực tế của thành phẩm hoàn thành.

-Đối với doanh nghiệp thương mại: trị giá vốn của hàng xuất kho để bán bao gồm: Trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán.

**Tài khoản sử dụng: TK632- Giá vốn hàng bán*

**Chứng từ sử dụng:*

-Phiếu xuất kho

-Bảng tính và phân bổ NVL, CCDC

-Thẻ tính giá thành

-Các chứng từ liên quan khác.

**Kết cấu TK632*

Tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”

Giá vốn hàng đã bán	Hoàn nhập khoản dự phòng
Lập dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho.	Kết chuyển vào TK911 để xác định KQKD
Tổng phát sinh nợ	Tổng phát sinh có

Tài khoản này không có số dư.

1.2.3.2 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ được phân loại và tập hợp theo các yếu tố chi phí. Cuối kỳ kế toán chi phí bán hàng cần được phân bổ và kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh. Việc phân bổ và kết chuyển chi phí này tùy vào từng loại hình doanh nghiệp và đặc điểm sản xuất kinh doanh.

-Đối với doanh nghiệp thương mại, dịch vụ: trường hợp có dự trữ hàng hóa biến động giữa các kỳ thì phải phân bổ chi phí bán hàng cho hàng tồn cuối kỳ. Tức là chuyển một phần chi phí bán hàng thành “chi phí chờ kết chuyển” và phần chi

phí bán hàng còn lại phân bổ cho hàng đã được bán trong kỳ để xác định kết quả.

Chi phí bán hàng phân bổ cho hàng bán ra được tính như sau:

$$\frac{\text{CPBH phân bổ cho hàng đã bán}}{\text{CPBH cần phân bổ đầu kỳ} + \text{CPBH cần phân bổ phát sinh trong kỳ}} \times \text{Tiêu chuẩn phân bổ của từng đối tượng}$$

-Tiêu thức phân bổ lựa chọn là trị giá vốn thực tế của thành phẩm, hàng hóa và hàng gửi đi bán.

-Đối với doanh nghiệp sản xuất hàng tồn cuối kỳ là trị giá vốn thực tế của thành phẩm tồn kho cuối kỳ và hàng gửi bán chưa tiêu thụ được.

**Chứng từ kế toán sử dụng*

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu nhập, xuất kho
- Phiếu thu
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ, báo có
- Một số chứng từ khác

**Tài khoản sử dụng*

TK641: Chi phí bán hàng

Tùy theo đặc điểm kinh doanh, yêu cầu quản lý từng ngành, từng doanh nghiệp mà TK641 có thể mở thêm một số nội dung chi phí.

- + TK 6411: Chi phí nhân viên
- + TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì
- + TK 6413: Chi phí dụng cụ đồ dùng
- + TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
- + TK 6415: Chi phí bảo hành
- + TK 6417: Chi phí dịch vụ mua hàng
- + TK 6418: Chi phí bằng tiền khác

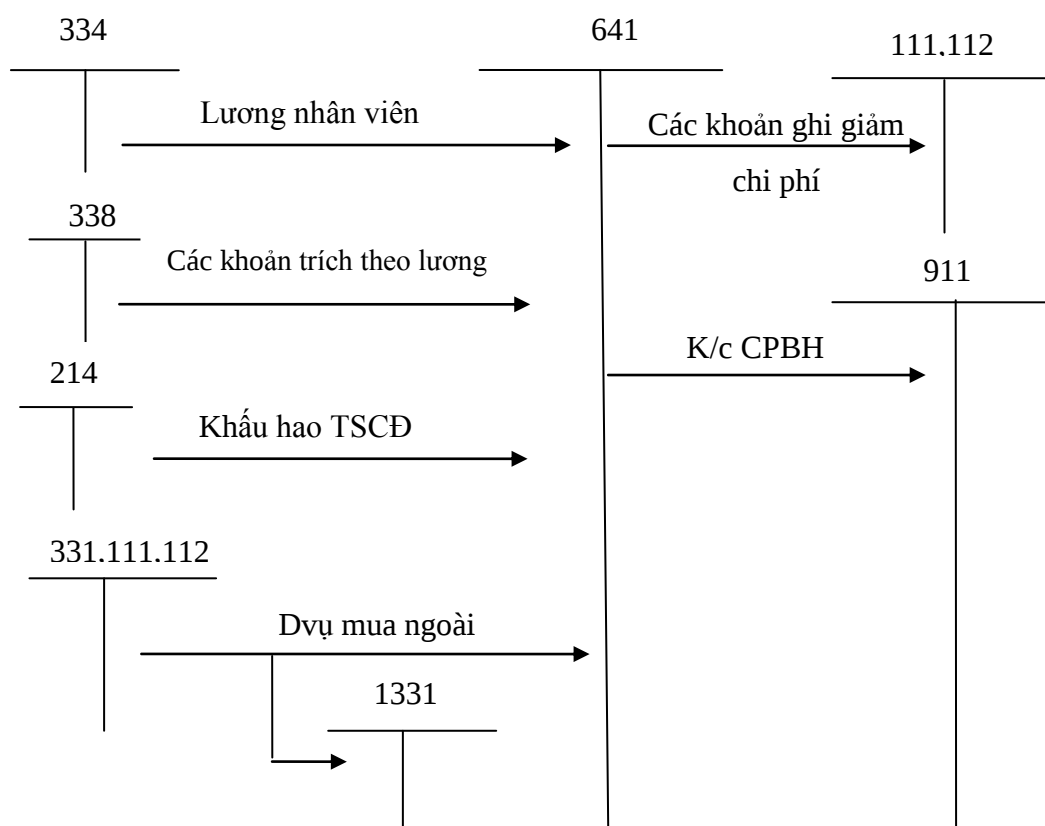
**Kết cấu tài khoản*

Tài khoản 641 “ Chi phí bán hàng”

-Tập hợp các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của DN.	-Các khoản giảm trừ chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ hạch toán. -Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK 911 để tính KQKD trong kỳ. Hoặc: -Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK142 “Chi phí trả trước” để chờ phân bổ.
Tổng phát sinh nợ	Tổng phát sinh có

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối.

Sơ đồ 1.10: Trình tự hạch toán chi phí bán hàng



1.2.3.1 Chi phí quản lý doanh nghiệp

***Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu

-Phiếu chi

.....

-Các chứng từ khác có liên quan

**Tài khoản sử dụng*

TK642- Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các TK cấp 2 sau:

- + TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- + TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- + TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- + TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- + TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
- + TK 6426: Chi phí dự phòng
- + TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

TK 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp

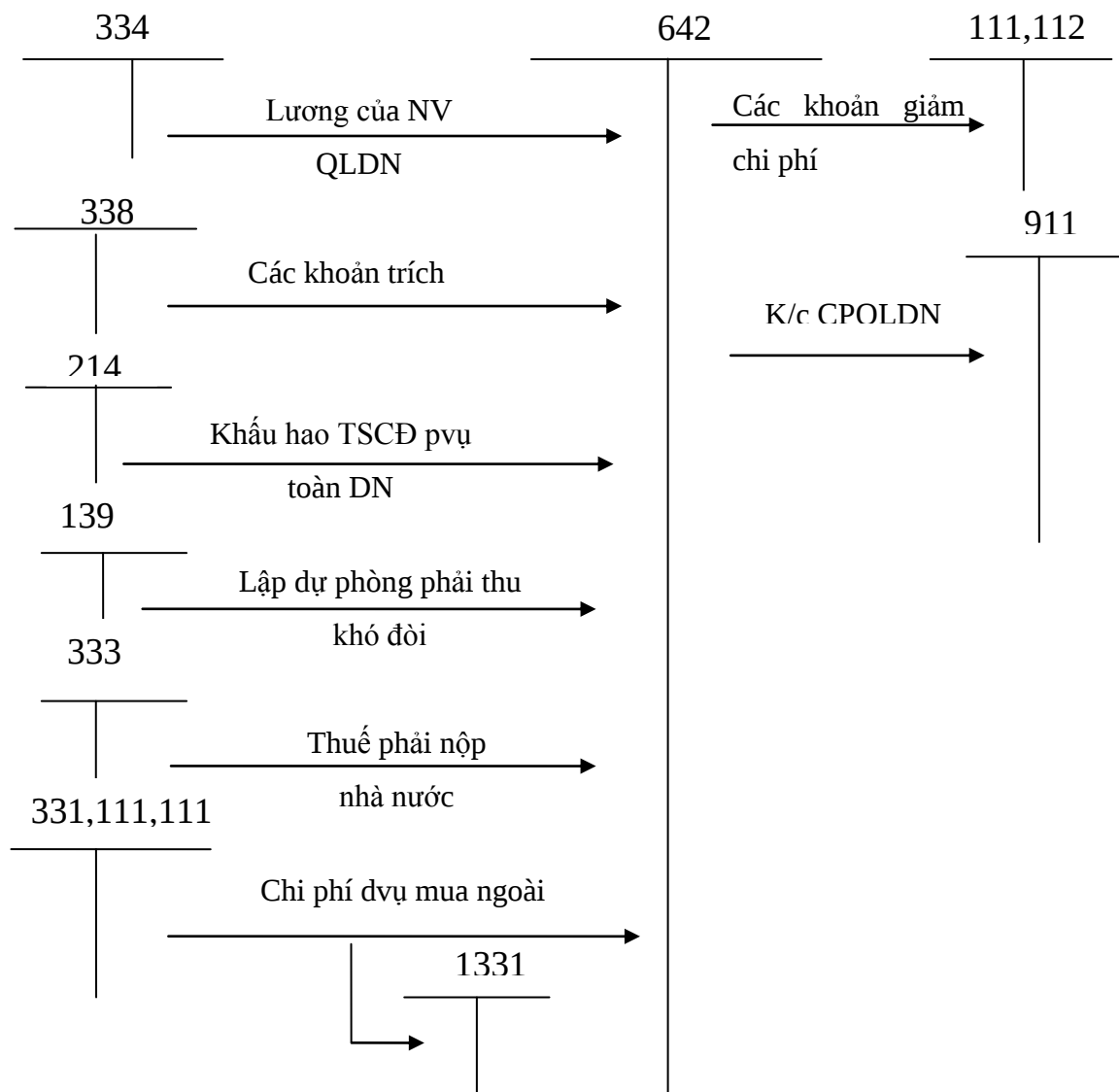
Tập hợp chi phí quản lý DN thực tế phát sinh trong kỳ	-Các khoản giảm trừ chi phí quản lý DN phát sinh trong kỳ. -Kết chuyển CPQLDN sang TK911 để tính KQKD hoặc k/c CPQLDN sang TK142 để chờ phân bổ.
Tổng phát sinh nợ	Tổng phát sinh có

Tài khoản này không có số dư.

Trường hợp DN sản xuất có chu kỳ sản xuất dài trong kỳ không có(hoặc có ít sản phẩm tiêu thụ) hoặc DN thương mại có dự trữ hàng hóa giữa các kỳ có biên độ lớn, chi phí QLDN cũng cần phải phân bổ cho hàng hóa còn lại chưa tiêu thụ cuối kỳ.

Công thức phân bổ giống như chi phí bán hàng ở mục trên.

Sơ đồ 1.11: Trình tự hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp



1.2.3.2 Chi phí hoạt động tài chính

**Chứng từ sử dụng:*

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ

**TK sử dụng*

TK635- Chi phí hoạt động tài chính

**Kết cấu tài khoản*

Tài khoản 635 “Chi phí tài chính”

Chi phí tài chính thực tế phát sinh trong kỳ	-Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán -Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ để xác định KQKD.
Tổng phát sinh nợ	Tổng phát sinh có
Tài khoản này không có số dư.	

Chi phí khác

*Chứng từ sử dụng

- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác liên quan

*Tài khoản sử dụng: TK811- Chi phí khác

*Kết cấu TK

Tài khoản 811” Chi phí khác”

Các khoản chi phí khác phát sinh	Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK911 “Xác định KQKD”
Tổng phát sinh nợ	Tổng phát sinh có
Tài khoản này không có số dư.	

1.2.4 Tổ chức công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh

*Tài khoản sử dụng: TK911- Xác định kết quả kinh doanh.

*Kết cấu TK911

Tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh

-Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ. -Chi phí bán hàng -Chi phí quản lý DN -Chi phí tài chính -Chi phí khác -Chi phí thuế TNDN -Kết chuyển lãi.	-Doanh thu thuần của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ. -Doanh thu hoạt động tài chính. -Thu nhập khác. -Khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN -Kết chuyển lỗ
Tổng phát sinh nợ	Tổng phát sinh có

Tài khoản này không có số dư.

*Nguyên tắc hạch toán TK911

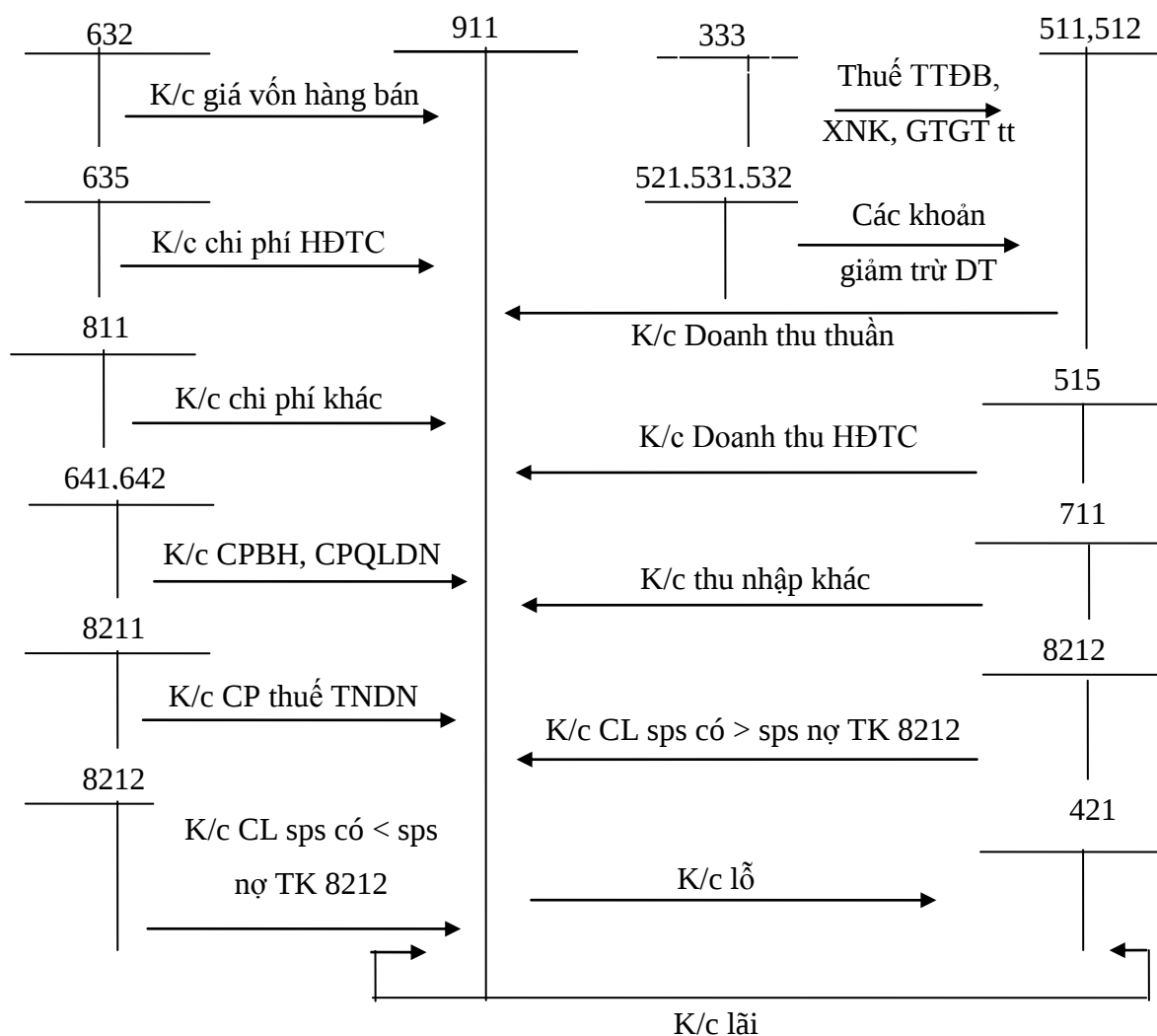
+ TK này phản ánh đầy đủ, chính xác kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của kỳ hạch toán theo đúng quy định của cơ chế quản lý tài chính.

+ Kết quả hoạt động kinh doanh phải được hạch toán chi tiết theo từng loại hoạt động.

+ Trong từng loại hoạt động kinh doanh có thể cần hạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm, từng ngành, từng khâu, từng loại lao vụ, dịch vụ.

+ Các khoản doanh thu và thu nhập được kết chuyển vào TK này là số doanh thu thuần và thu nhập thuần.

Sơ đồ 1.12: Trình tự hạch toán xác định kết quả kinh doanh



1.3 Các hình thức kế toán áp dụng trong doanh nghiệp

Tùy vào đặc điểm sản xuất kinh doanh của từng DN có thể lựa chọn một trong năm hình thức kế toán sau:

1.3.1 Hình thức nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép vào sổ Nhật ký chung mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức nhật ký chung bao gồm các loại sổ chủ yếu:

- Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

1.3.2 Hình thức Nhật ký- sổ cái

Đặc trưng cơ bản: Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là Nhật ký sổ cái. Căn cứ ghi vào nhật ký sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức này bao gồm các loại sổ:

- Nhật ký sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

1.3.3 Hình thức nhật ký chứng từ

Đặc trưng cơ bản: Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ phát sinh theo bên có của các TK kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các TK đối ứng nợ.

Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế.

Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

Hình thức này bao gồm các sổ:

- Nhật kí chứng từ, bảng kê
- Sổ cái
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

1.3.4 Hình thức chứng từ ghi sổ

Đặc trưng cơ bản: Căn cứ trực tiếp để ghi kế toán tổng hợp là chứng từ ghi sổ.

Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái

Chứng từ ghi sổ được đánh số liên tục trong tháng hoặc cả năm (theo STT trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức này bao gồm các sổ sau:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái
- Sổ và thẻ kế toán chi tiết

1.3.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản: Hình thức trên máy vi tính là việc kế toán thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính.

Hình thức sổ kế toán trên máy vi tính: Hình thức nào sẽ có loại sổ kế toán của hình thức đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán bằng tay.

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN ƯNG BÍ – VINACOMIN.

2.1 Tổng quan về công ty cổ phần cơ điện Ưng Bí- Vinacomin

2.1.1 Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của công ty cổ phần cơ điện Ưng Bí – Vinacomin

Nhà máy cơ điện Ưng Bí được thành lập theo quyết định số 462/BCNN ngày 4/5/1965 của BCNN là doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập trực thuộc BCN. Theo quyết định số 2610/QĐ/TCCB ngày 17/9/1996 của Bộ trưởng BCN, Nhà máy là đơn vị hạch toán độc lập và là doanh nghiệp thành viên của tổng công ty than Việt Nam.

Theo Quyết định số 04/02/QĐ-BCN ngày 08/01/2002 của bộ trưởng BCN, nhà máy trở thành đơn vị hạch toán kinh tế phụ thuộc, có tư cách pháp nhân không đầy đủ, có con dấu riêng và tài khoản riêng được chủ động trong sản xuất kinh doanh theo quy định của Tổng công ty Than Việt Nam và trực thuộc công ty than Vàng Danh từ ngày 23/01/2002.

Để đưa nhà máy phát triển hơn nữa, Công ty Than Vàng Danh đã đề nghị hình thức cổ phần hóa với nhà máy. Công ty cổ phần cơ điện Ưng Bí được thành lập theo quyết định số 129/QĐ-BCN ngày 12/01/2004 của Bộ trưởng bộ công nghiệp và chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 01/01/2005 được Sở kế hoạch và đầu tư Quảng Ninh cấp giấy phép kinh doanh số 325785 ngày 31/12/2004.

2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty

2.1.2.1 Chức năng, nhiệm vụ của công ty cổ phần cơ điện Ưng Bí- Vinacomin.

Công ty cổ phần cơ điện Ưng Bí là một công ty sản xuất kinh doanh hoạt động theo luật doanh nghiệp, là một pháp nhân đầy đủ hạch toán kinh tế độc lập. Nhiệm vụ chủ yếu là: Sửa chữa, cải tạo thiết bị và phụ tùng cho ngành than.

2.1.2.2 Ngành nghề kinh doanh chủ yếu sau:

- Sửa chữa thiết bị mỏ, thiết bị chuyên dụng, thiết bị điện.
- Chế tạo thiết bị mỏ và các thiết bị điện cơ, các sản phẩm cơ khí khác.
- Sản xuất, chế biến, tiêu thụ than, sản xuất vật liệu xây dựng.
- Kinh doanh vật tư, hàng hóa, thiết bị, phụ tùng vận chuyển hàng hóa...

2.1.2.3 Đối tượng và địa bàn kinh doanh của công ty cổ phần cơ điện Uông Bí- Vinacomin.

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN UÔNG BÍ - VINACOMIN

Tên giao dịch quốc tế: Uong Bi Electric Mechanical Joint Stock Company

Địa chỉ: Phường Bắc Sơn- Uông Bí- Quảng Ninh

Tel: 0333.854.392

E-mail: vanphongcdub@gmail.com

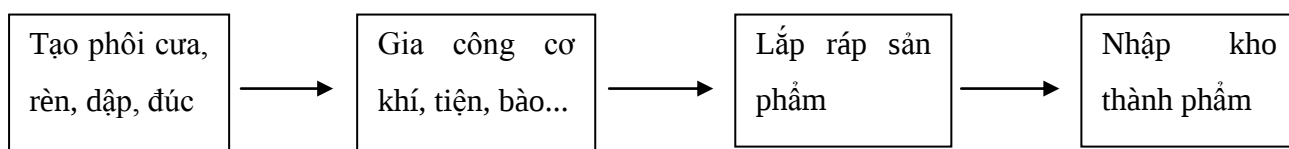
Website: codienuongbi@gmail.com

Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc: Kỹ sư Nguyễn Trọng Quảng

2.1.2.4 Quy trình sản xuất kinh doanh

Công ty chuyên sản xuất, sửa chữa các thiết bị máy móc phục vụ cho sản xuất chế biến than tại các mỏ khu vực Quảng Ninh.

Sơ đồ 2.1: Quy trình sản xuất

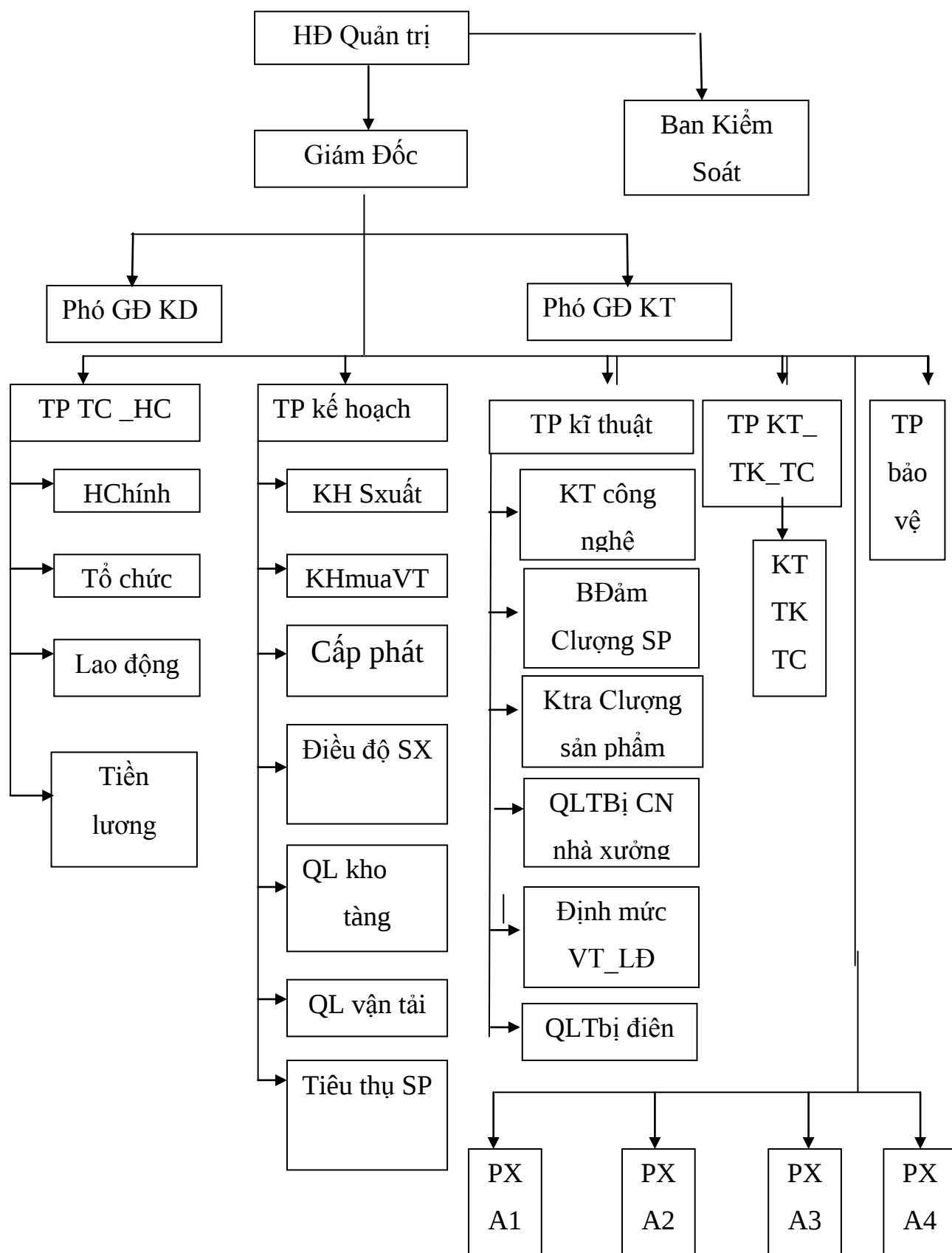


Do mặt hàng sản xuất nhiều, số lượng sản xuất không lớn, công nghệ sản xuất phức tạp nên loại hình sản xuất của công ty vừa và nhỏ. Tổ chức theo hình thức chuyên môn hóa công nghệ. Quá trình kinh doanh của công ty được tổ chức chủ yếu theo đơn đặt hàng.

2.1.3 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý tại công ty cổ phần cơ điện Uông Bí- Vinacomin.

2.1.3.1 Bộ máy tổ chức tại công ty

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy quản lý



2.1.3.2 Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận trong công ty.

**Hội đồng quản trị:* là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty đề nghị quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Chủ tịch HĐQT là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước tại công ty.

**Ban kiểm soát:* do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm soát các hoạt động của HĐQT và ban giám đốc về các hoạt động kinh doanh của công ty theo đúng pháp luật quy định.

**Giám đốc:* là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty, chịu sự giám sát của HĐQT, chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

**Phó giám đốc kinh doanh:*

-Thực hiện các công việc theo sự phân công của GD, làm nhiệm vụ thường trực của lãnh đạo công ty.

-Trực tiếp phụ trách khối kế hoạch, vật tư theo phân công của GD, phụ trách công tác tiêu thụ sản phẩm, thiết lập mối quan hệ với khách hàng. Duyệt các thiết kế, dự án, thanh quyết toán vật tư của công ty theo phân cấp của GD, được ủy quyền ký các hợp đồng kinh tế của công ty.

**Phó GD kỹ thuật:*

-Thực hiện các công việc theo sự phân công của GD, tham gia chỉ đạo việc thực hiện áp dụng HTQLCL ISO 9001-2000 tại công ty.

-Tham gia chỉ đạo việc thực hiện các dự án đầu tư của công ty theo phân công của GD, hoạch định kế hoạch phát triển sản phẩm mới và áp dụng các thành tựu công nghệ mới vào sản xuất kinh doanh của công ty.

-Chỉ đạo công tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật phục vụ sản xuất, ký duyệt các thiết kế, dự toán trong khai thác, chế tạo cơ khí, điện và xây dựng cơ bản nội bộ theo phân cấp của GD công ty.

**Trách nhiệm và quyền hạn của các phòng ban công ty:*

- Phòng tổ chức hành chính: Có trách nhiệm về hành chính, tổ chức, lao động và tiền lương.

- Phòng kế hoạch: Có trách nhiệm về xây dựng kế hoạch sản xuất, kế hoạch mua vật tư, cấp phát vật tư, điều độ sản xuất, quản lý kho tàng, quản lý vận tải và tổ chức tiêu thụ sản phẩm.

- Phòng kỹ thuật: Có trách nhiệm về kỹ thuật công nghệ nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm theo định mức vật tư lao động và quản lý thiết bị công nghệ, nhà xưởng, quản lý thiết bị điện và kiểm tra chất lượng sản phẩm.

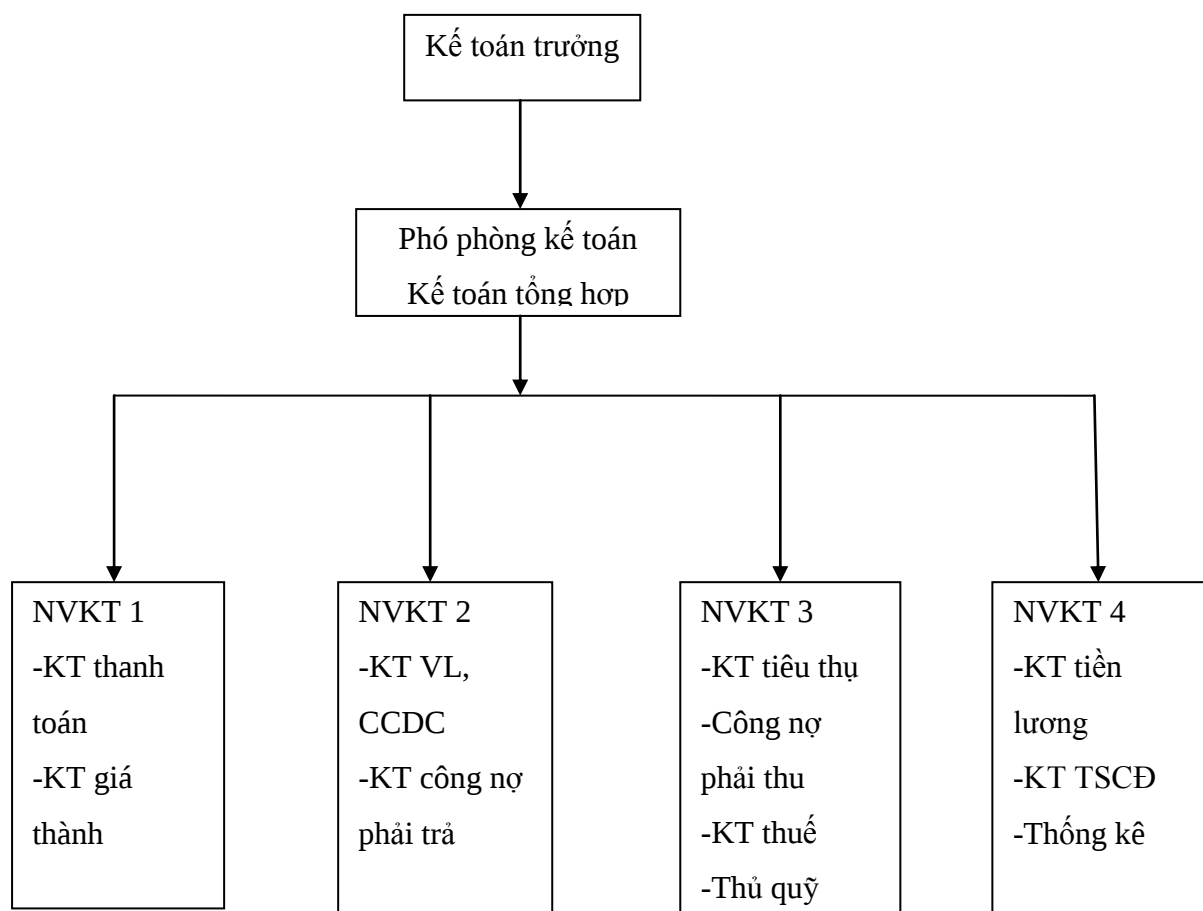
- Phòng KT-TK-TC: Chịu trách nhiệm về kế toán, thống kê, tài chính.

- Phòng bảo vệ: Có trách nhiệm quản lý, bảo vệ tài sản và trật tự an ninh của công ty.

2.1.4 Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại công ty cổ phần cơ điện Uông Bí-Vinacomin.

2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán:

Sơ đồ 2.3: Tổ chức bộ máy kế toán



Kế toán trưởng: Là người chịu trách nhiệm về nghiệp vụ chuyên môn, hướng dẫn và phân công công việc cho từng nhân viên kế toán, kiểm duyệt tình hình thu chi và cuối tháng kiểm tra báo cáo của nhân viên kế toán.

Phó phòng kế toán: đảm nhiệm kế toán tổng hợp: tổng hợp báo cáo chi tiết từ các nhân viên kế toán, tính giá thành toàn bộ, lập bảng cân đối kế toán, báo cáo tổng hợp doanh thu, giá vốn, chi phí khác và công nợ. Cuối tháng nộp báo cáo cho kế toán trưởng và cuối năm lập báo cáo tài chính trình kế toán trưởng và GD công ty.

Kế toán thanh toán, kế toán giá thành: Theo dõi thực hiện khoản thanh toán liên quan đến tiền mặt, kiểm soát tất cả các chứng từ gốc liên quan đến thanh toán, lập phiếu thu, phiếu chi tiền, tập hợp chi phí phát sinh trong tháng và đánh giá chi phí sản xuất kinh doanh dở dang để từ đó tính giá thành sản xuất.

Kế toán vật liệu, công cụ dụng cụ, công nợ phải trả: Tập hợp các chứng từ: phiếu xuất kho, phiếu nhập kho để theo dõi tình hình biến động nhập – xuất – tồn NVL cả về hiện vật, giá trị. Cuối tháng đối chiếu với sổ kho để phát hiện chênh lệch tìm cách giải quyết. Tập hợp và kiểm tra các khoản công nợ phải trả để từ đó định khoản vào sổ chi tiết.

KT tiêu thụ, công nợ phải thu, KT thuế, Thủ quỹ:

- Về kế toán tiêu thụ: Hàng ngày kê khai thuế nộp ngân sách, cuối tháng kết chuyển giá vốn, doanh thu thuần để xác định kết quả kinh doanh.

- Về công nợ phải thu: Tập hợp kiểm tra các khoản công nợ phải thu. Cuối tháng chốt sổ dư từng khách hàng, nộp báo cáo chi tiết công nợ phải thu của khách hàng.

- Về kế toán thuế: Tập hợp chứng từ liên quan đến HĐ thuế GTGT, tổng hợp phiếu chi, chứng từ liên quan đến kê khai thuế GTGT đầu vào. Hàng tháng lập tờ khai thuế GTGT, báo cáo khác và lập báo cáo quyết toán thuế hàng năm, tờ khai thuế TNDN cho năm tài chính tiếp theo.

- Về thủ quỹ: Tập hợp các chứng từ liên quan đến thu chi, lưu giữ tiền mặt, lập các báo cáo tình hình sử dụng tiền tệ cho kế toán trưởng.

KT tiền lương, KT TSCĐ, thống kê:

- Về KT tiền lương: Tập hợp lương, lập bảng thanh toán lương, lương phải trả trong tháng và phân bổ chi phí tiền lương cho từng sản phẩm, dịch vụ, khoản mục chi phí.

- Về KT TSCĐ: Kiểm kê TSCĐ, phản ánh giá trị hao mòn TSCĐ, tính, trích, phân bổ khấu hao TSCĐ để tính giá thành sản xuất; lập kế hoạch sửa chữa và dự toán chi phí sửa chữa.

- Về thống kê: Tổng hợp các chứng từ nhập- xuất thành phẩm, xác định số lượng, giá trị trong tháng, thống kê sản lượng tiêu thụ, doanh thu tiêu thụ và hàng tháng lập báo cáo thống kê.

2.1.4.2 Hình thức kế toán áp dụng tại công ty cổ phần cơ điện Uông Bí-Vinacomin

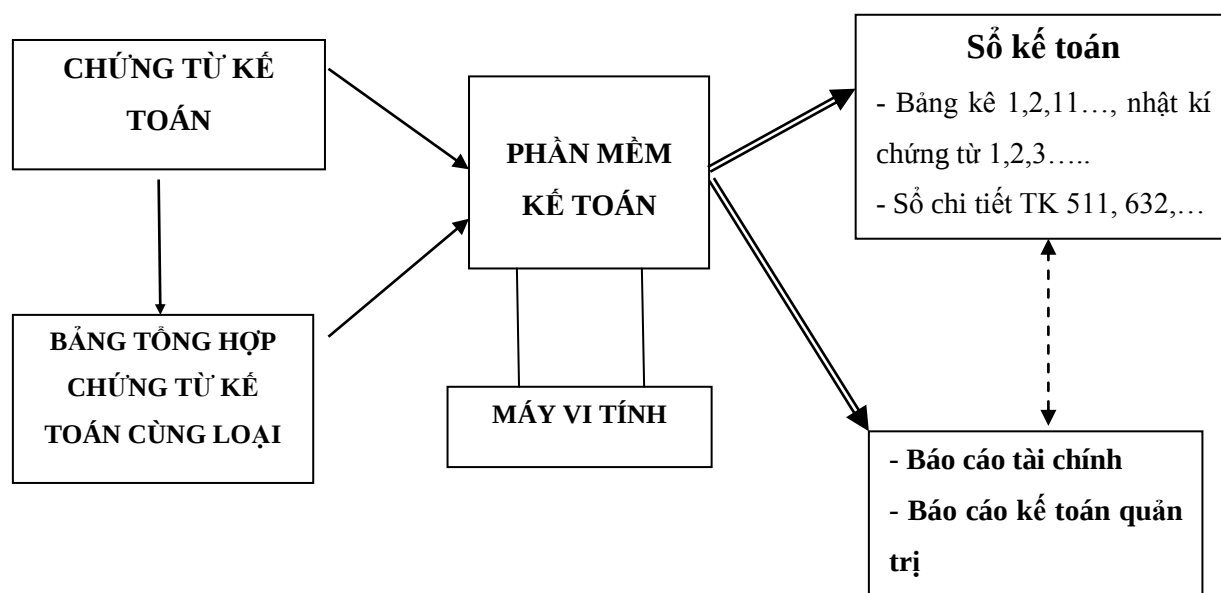
Công ty tổ chức kế toán theo mô hình tập trung, loại hình tổ chức bộ máy tập trung tạo mối liên hệ giữa các cán bộ kế toán. Cách tổ chức này giúp cho việc thu thập thông tin vừa chính xác, vừa kịp thời, thuận tiện cho công tác kế toán và dễ phân công công việc. Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được chuyển về phòng kế toán để kiểm tra và ghi sổ kế toán.

- Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên
- Giá vốn hàng bán được tính theo phương pháp: phương pháp đích danh
- Thuế GTGT được tính theo phương pháp khấu trừ
- Khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản:
 - + Nhà cửa, vật kiến trúc: 5- 50 năm
 - + Máy móc, thiết bị: 5- 7 năm
 - + Phương tiện vận tải: 5- 7 năm
- Hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán của công ty áp dụng theo chuẩn mục kế toán ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

- Hình thức kế toán công ty áp dụng: sử dụng hình thức kế toán máy, công ty đang sử dụng phần mềm Esoft Financials theo nguyên tắc của hình thức nhật ký chứng từ.

Theo hình thức này hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán lấy số liệu tiến hành nhập số liệu vào phần mềm kế toán. Cuối tháng tiến hành các thao tác thực hiện bút toán khóa sổ. Các sổ sách liên quan phần mềm sẽ tự động cập nhật.

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- ====→ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra

Từ màn hình Window, kích đúp chuột vào biểu tượng của phần mềm kế toán Esoft Financials, màn hình hiện ra:

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cơ điện Uông Bí-Vinacomin



Giao diện phần mềm Esoft Financials

2.1.5 Thuận lợi, khó khăn của công ty cổ phần cơ điện Uông Bí- Vinacomin trong quá trình hoạt động kinh doanh.

2.1.5.1 Thành tích đạt được

Trải qua gần 50 năm phát triển và trưởng thành, tập thể cán bộ công nhân viên nhà máy cơ điện Uông Bí đã không ngừng tích cực góp phần đưa công ty phát triển ngày càng lớn mạnh.

Trong những năm gần đây với sự cố gắng và nỗ lực, sự khéo léo trong điều hành sản xuất kinh doanh của lãnh đạo công ty và nắm bắt kịp với nhu cầu của thị trường đã làm cho hoạt động dần đi vào ổn định và tạo thế đứng cho sản phẩm cơ khí, cơ điện trên thị trường.

Công ty đã khẳng định ưu thế của mình trên thị trường bằng uy tín chất lượng sản phẩm, sản phẩm được tiêu thụ phần lớn ở thị trường các tỉnh phía Bắc, cụ thể là phục vụ thiết bị cơ khí, cơ điện cho tất cả các xí nghiệp hầm lò thuộc ngành than.

2.1.5.2 Thuận lợi

Công ty được sự chỉ đạo trực tiếp của bộ công nghiệp và tổng công ty than Việt Nam, công ty đã chủ động xây dựng kế hoạch, xác định nhiệm vụ ,mục tiêu của quá trình đổi mới. Trên cơ sở đó lựa chọn những công việc trọng tâm cần làm trước để rút kinh nghiệm điều chỉnh kế hoạch thực hiện. Trong đó chú trọng xây dựng chiến lược phát triển công ty ,xây dựng mô hình tổ chức quản lý, mở rộng mạng lưới kinh doanh ... để nâng cao hiệu quả sxkd.

Trải qua hơn 50 năm phát triển công ty đã có uy tín chiếm được lòng tin của nhiều khách hàng trên thị trường.

Đội ngũ công nhân lành nghề giàu kinh nghiệm và có trình độ cao đã giúp công ty nhiều năm liên đạt danh hiệu DN vững mạnh.

Chiếm được lòng tin của nhà cung cấp vì vậy nguồn cung cấp nguyên vật liệu đầu vào luôn đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất.

2.1.5.3 Khó khăn

Bên cạnh những thuận lợi kể trên doanh nghiệp cũng gặp không ít khó khăn:

Nhu cầu về hàng hóa trên thị trường chưa nhiều, nhiều thành phần kinh tế tham gia ,thị trường có nhiều biến động, cạnh tranh gay gắt làm cho hiệu quả kinh doanh chưa cao

Trình độ quản lý còn nhiều giới hạn, quan liêu.

Cơ sở hạ tầng, dây chuyền sản xuất chưa đáp ứng được nhu cầu sản xuất

Nguồn vốn chưa cao để có khả năng thanh toán cho nhà cung cấp nên tạo ra công nợ lớn

2.2 Kế toán doanh thu.

2.2.1 Doanh thu bán hàng

2.2.1.1 Xác định doanh thu

- Tiêu thụ các sản phẩm cơ khí do công ty sản xuất là những hoạt động chủ yếu mang lại doanh thu.

- Sản phẩm hàng hóa tiêu thụ thuộc diện chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng là giá bán chưa có thuế GTGT.

- Thuế suất áp dụng là 10%

2.2.1.2 Tài khoản sử dụng

TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

2.2.1.3 Chứng từ và sổ sách sử dụng

* *Chứng từ*

- Hóa đơn GTGT: được lập làm 3 liên

Liên 1: Lưu lại tại quyền hóa đơn

Liên 2: Giao cho khách hàng

Liên 3: Làm căn cứ ghi sổ kế toán

Trên hóa đơn yêu cầu phải có đầy đủ các thông tin:

+ Số HĐ, thời gian phát sinh nghiệp vụ

+ Thông tin nhà về nhà cung cấp: mã số thuế, địa chỉ, số tài khoản, hình thức thanh toán

+ Thông tin về hàng hóa: loại hàng hóa, số lượng, đơn giá, thuế suất, tổng giá thanh toán...

-Phiếu thu: nếu khách hàng thanh toán bằng tiền mặt (số tiền < 20.000.000) kế toán tiến hành viết phiếu thu. Phiếu thu được lập thành 3 liên:

Liên 1: lưu tại quyền

Liên 2: Giao cho khách hàng

Liên 3: Làm căn cứ ghi sổ

-Giấy báo có: trường hợp khách hàng thanh toán bằng chuyển khoản thì công ty sẽ nhận được giấy báo có của ngân hàng.

-Một số chứng từ khác liên quan:

+ Hợp đồng mua bán hàng hóa

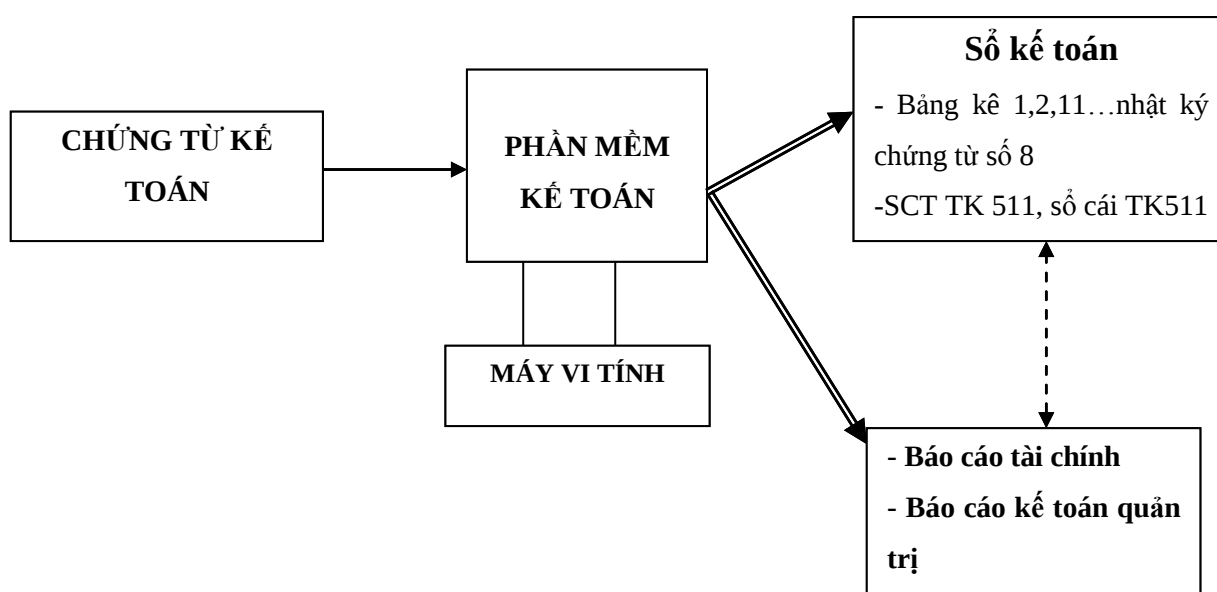
+ Phiếu xuất kho

.....

*Sổ sách:

- Sổ chi tiết TK511
- Bảng kê có liên quan (Bảng kê 1, bảng kê 2, bảng kê 11)
- Nhật ký chứng từ số 8
- Sổ cái TK511
- Sổ chi tiết thanh toán với người mua.

**Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty cổ phần
cơ điện Uông bí- Vinacomin**



VD:

Ngày 1 tháng 12 năm 2011 xuất bán cho cty CP than Dương Huy -Vinacomin 7 bộ máy cào 80/15 ĐC 18,5 KW cầu HK 1,5m với giá bán chưa thuế VAT10% là 282.571.000/bộ, chưa thanh toán.

☞ Kế toán định khoản:

Nợ 131	2.175.796.700
Có 511	1.977.997.000
Có 3331	197.799.700

☞ Sau khi tiếp nhận phiếu xuất kho thành phẩm của phòng kế hoạch, kế toán tiến hành viết hóa đơn số 0160084 (biểu số 2.1).

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Công ty cổ phần cơ điện Ưông Bí-Vinacomin

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: **01GTKT3/001**

Liên 3: Nội bộ

Kí hiệu: AA/11P

Ngày 1 tháng 12 năm 2011

Số: 0160084

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CP CƠ ĐIỆN ƯƠNG BÍ-VINACOMIN**

Mã số thuế:

5	7	0	0	5	2	6	3	4	0
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Địa chỉ: P.Bắc Sơn - TP.Ưông Bí- Tỉnh Quảng Ninh

Số tài khoản:102010000225726

Điện thoại: 0333.854.392

Họ và tên người mua hàng: Nguyễn Kiên Cường

Tên đơn vị: **CÔNG TY CP THAN DƯƠNG HUY - VINACOMIN**

Địa chỉ: P.Quang Trung - Ưông Bí - QN

Số tài khoản:102010000225320

Hình thức thanh toán: Chưa thanh toán MST: **5700100891**

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1	Máng cào 80/15 ĐC 18,5 KW cầu HK 1,5m	Bộ	7	282.571.000	1.977.997.000
Cộng tiền hàng:				1.977.997.000	
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:				197.799.700	
Tổng cộng tiền thanh toán:				2.175.796.700	
Số tiền viết bằng chữ: Hai tỷ một trăm bảy mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm đồng chẵn					

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT số 160084 tháng 12/2011

C.TY CP CƠ ĐIỆN UÔNG BÍ- VINACOMIN

Số: 0160084

Phường Bắc Sơn, tp Uông Bí, Quảng Ninh

Tel: 0333854392

MST: 5700526340

HÓA ĐƠN BÁN HÀNG

Ngày 1 tháng 12 năm 2011

Họ tên người mua hàng:

Đơn vị giao hàng: CTTNHH1TV Th Dương Huy - Vinacomin

MST: 5700100891

Địa chỉ: P.Quang Trung - Ubi - QN

Diễn giải:

Xuất tại kho: Kho thành phẩm

Hình thức thanh toán:

STT	Tên,quy cách vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Máng cào 80/15 ĐC 18,5 KW cầu HK1,5m	Bộ	7	282.571.000	1.977.997.000

Tổng tiền hàng:

1.977.997.000

Thuế GTGT(10%)

197.799.700

Tổng tiền thanh toán

2.175.796.700

Số tiền bằng chữ: hai tỷ một trăm bảy mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn
bảy trăm đồng chẵn.

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên)

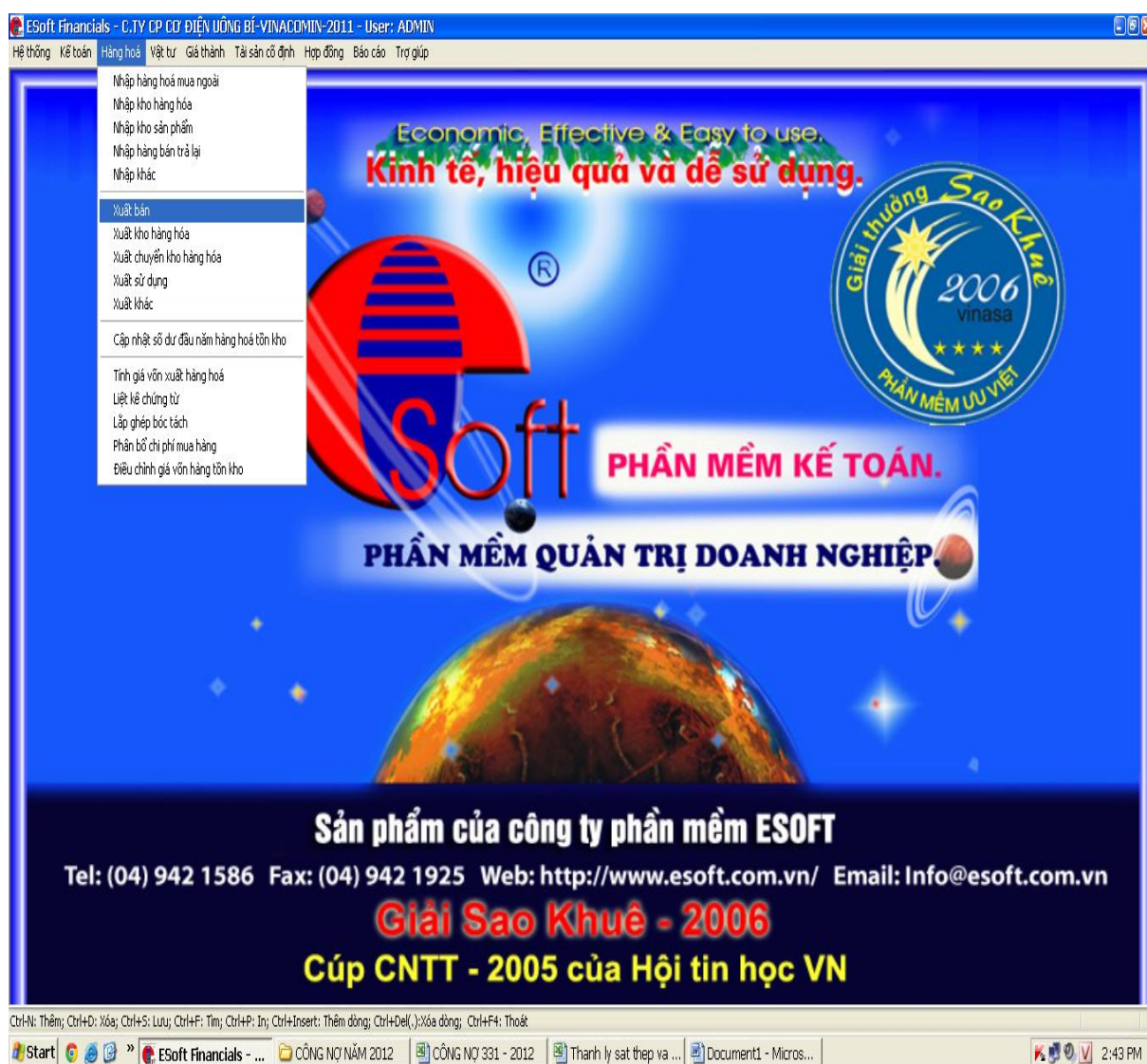
Biểu số 2.2: Hóa đơn bán hàng do phần mềm tự động cập nhật tháng 12/2011

Căn cứ vào hóa đơn bán hàng số 0160084 (biểu số 2.1) kế toán tiến hành nhập số liệu vào máy vi tính theo trình tự sau:

Từ màn hình Window kích đúp chuột vào biểu tượng của phần mềm Esoft Financials cho chương trình xuất hiện, khai báo mật khẩu. Chọn phân hệ hàng hóa → xuất bán → cửa sổ xuất hiện → nhập đầy đủ dữ liệu theo yêu cầu như số hóa đơn, ngày tháng HĐ....

Sau khi nhập đầy đủ thông tin nhấn tổ hợp phím Ctrl+Enter để lưu.

Tiến hành tương tự với các nghiệp vụ bán hàng khác phát sinh trong kỳ.



Giao diện phân hệ hạch toán hàng bán ra

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Công ty cổ phần cơ điện Uông Bí-Vinacomin

Esoft Financials - C.TY CP CƠ ĐIỆN UÔNG BÍ-VINACOMIN-2011 - User: ADMIN

Hệ thống Kế toán Hàng hoá Vật tư Giá thành Tài sản cố định Hợp đồng Báo cáo Trợ giúp

Thêm Tìm Copy Lưu In Hủy Xóa Nạp Loc Excel

Economic, Effective & Easy to use.
Kinh tế, hiệu quả và dễ sử dụng.

Xuất bán hàng hoá - Số chứng từ cuối: 0160127

Số cũ: 0160084 Ngày nhập: 01/12/2011 Tiệ: VND ☐ Hàng
Ngày vào số: 01/12/2011 Số serie: AA/11P Hợp đồng: 59 Tỷ giá it:
Số hóa đơn: 0160084 Ngày khai: 01/12/2011 Ngày hóa đơn: 29/11/2011

Phn: XB ☐ Xuất bán nội địa Kho xuất: 09 Kho thành phẩm
Họ tên: Đt: 111 C.ty TNHH MTV than Dương Huy - vinacomin
Kh VAT: 111 Địa chỉ:
Mã số thuế: 5700100591 Pt toán: Ngày toán:
Cán bộ td: Ghi chú:

Vật tư	Tên vth	Th	T	Đvt	Số lượng	Giá hàng	Tiền hàng	L...	Tiền thuế	Tk
05011	Máng cáo 80/15...			BO	7,00	282 571 000,00	1 977 997 000	10	197 799 700	511
					7,00		1 977 997 000		197 799 700	

Phím F4 để theo dõi tồn kho hiện tại.

Tiền hàng: Nợ: 13127 Có: 51127 1 977 997 000 Công nợ Tiền vốn: Nợ: 63227 Có: 1557 1 805 973 694
VAT: Nợ: 13127 Có: 33311 197 799 700

Khuyến mại

Tel: (04) 942 1586 Fax: (04) 942 1925 Web: <http://www.esoft.com.vn/> Email: Info@esoft.com.vn

Giải Sao Khuê - 2006

Ctrl+N: Thêm; Ctrl+D: Xóa; Ctrl+S: Lưu; Ctrl+F: Tìm; Ctrl+P: In; Ctrl+Insert: Thêm dòng; Ctrl+Del(,): Xóa dòng; Ctrl+F4: Thoát

Start Esoft Financials - ... CÔNG NỢ NĂM 2012 CÔNG NỢ 331 - 2012 Thanh lý sát thép và ... Document1 - Micros... 2:45 PM

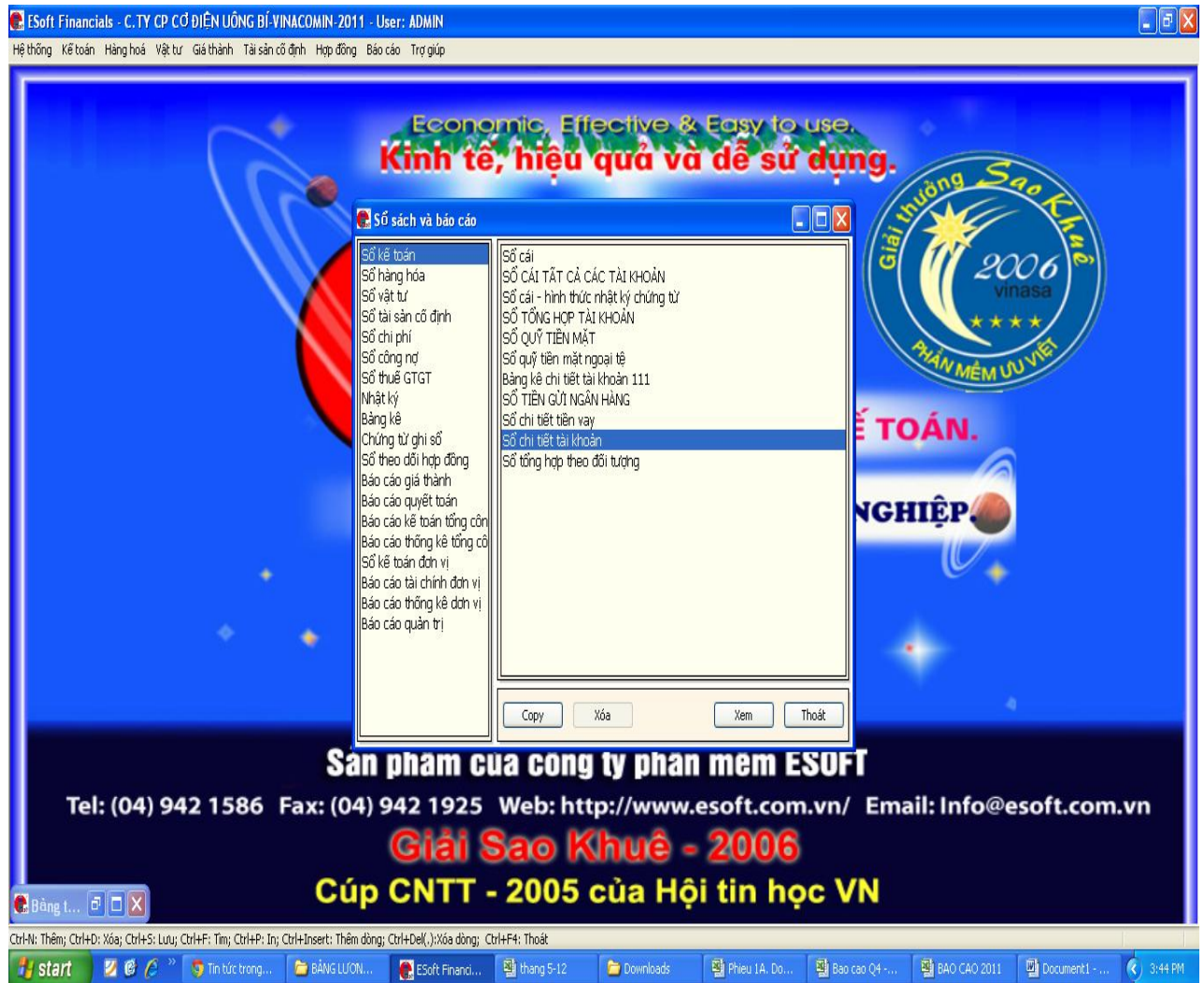
Giao diện nhập hóa đơn số 0160084

Sau khi kế toán tiến hành định khoản và nhập đầy đủ số liệu phần mềm sẽ tự động cập nhật thông tin vào sổ sách liên quan như: bảng kê số 11, nhật ký chứng từ số 8, sổ chi tiết công nợ, sổ chi tiết tài khoản 511.

Để tiến hành xem xét, đối chiếu số liệu ta vào phân hệ báo cáo và chọn sổ sách tương ứng.

Để xem sổ chi tiết công nợ TK131: kế toán chọn phân hệ báo cáo → sổ kế toán → sổ chi tiết tài khoản 131 (biểu số 2.3), bảng tổng thanh toán (biểu số 2.4), sổ chi tiết TK511 (biểu số 2.5) → cửa sổ xuất hiện nhập TK tương ứng → Xem.

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Công ty cổ phần cơ điện Uông Bí-Vinacomin



Giao diện phân hệ sổ sách và báo cáo

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Công ty cổ phần cơ điện Uông Bí-Vinacomin

CTY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN UÔNG BÍ-VINACOMIN

Phường Bắc Sơn, tp Uông Bí, Qninh

SỔ CHI TIẾT CÔNG NỢ

Tài khoản: 131-Phải thu khách hàng

Đối tượng pháp nhân: 100 - Cty TNHH 1TV than Dương Huy

Tháng 12 năm 2011

Số dư đầu kỳ Nợ 55.229.408

Có

Ngày tháng ghi số	Số chứng từ	Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
				Nợ	Có
01/12	0160084	Máng cào 80/15 ĐC 18.5KW cầu HK1,5m	51127	1.977.997.000	
01/12	0160084	Thuế VAT 10%	33311	197.799.700	
08/12	0160091	Cầu máng cào MC 80/15 HK dài 1,2m	51127	240.000.000	
08/12	0160091	Thuế VAT 10%	33311	24.000.000	
12/12	PT54/12	Công ty than Dương Huy trả tiền theo BB ĐCCN ngày 1/12	11211		2.175.796.700
.....					
18/12	0160109	Xe goong 3 tấn	51127	1.544.000.000	
18/12	0160109	Thuế VAT 10%	33311	15.440.000	
22/12	PT97/12	Công ty than Dương Huy trả tiền theo BBĐCCN	11215		2.839.643.000
.....					
28/12	0160119	Sửa chữa máy xúc đá	51127	660.031.819	
28/12	0160119	Thuế VAT 10%	33311	66.003.182	
.....					
Tổng cộng				7.003.427.200	6.994.693.200

Phát sinh lũy kế Nợ 61.678.168.491

Có 60.678.233.490

Số dư cuối kỳ Nợ 63.963.408

Có

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.3: Trích sổ chi tiết tài khoản phải thu theo đối tượng khách hàng tháng 12/2011

CTY CP CƠ ĐIỆN UÔNG BÍ – VINACOMIN

Phường Bắc Sơn- tp Uông Bí- Quảng Ninh

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)

Tài khoản: Phải thu khách hàng

Số hiệu: 131

Tháng 12 năm 2011

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Khách vãng lai			5 500 000	5 500 000		
2	Cty cp than Vàng Danh	6 460 673 059		3 582 036 501	9 042 774 559	999 935 001	
3	CTTNHH 1TV than Nam mẫu- Vinacomin	4 865 913 941		147 422 000	3 458 455 000	1 554 880 941	
.....							
12	Cty cp than Mông Dương	2 482 461 508		892 386 000	2 300 000 000	1 047 847 508	
13	Cty TNHH 1TV than Dương Huy- Vinacomin	55 229 408		7 003 427 200	6 994 693 200	63 963 408	
14	Cty than Hà Lâm	19 920 600				19 920 600	
.....							
20	Cty cp Vương Huy	35 579 500		16 533 000	39 440 500	12 672 000	
Tổng cộng tháng 12		24 261 251 970		20 238 957 217	31 492 973 035	13 007 236 152	

Ngày.....tháng.....năm 2011

Người ghi sổ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.4: Trích bảng tổng hợp thanh toán với người mua, người bán tháng 12.

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Công ty cổ phần cơ điện Uông Bí-Vinacomin

CTY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN UÔNG BÍ-VINACOMIN

Phường Bắc Sơn, tp Uông Bí, Quảng Ninh

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Khoản mục chi phí: Máng cào 80/15 ĐC 18,5KW cầu HK1,5m

Tài khoản: 511-doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tháng 12 năm 2011

Số dư đầu kỳ Nợ
Có

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B		C	D	1	2
01/12	0160083	01/12	Bán cho cty than Nam Mẫu	131		466 200 000
01/12	0160084	01/12	Bán cho cty than Dương Huy	131		2.175.796.700
07/12	0160059	07/12	Bán cho công ty kho vận Đá Bạc	131		77 700 000
.....						
18/12	0160109	18/12	Bán cho cty than Vàng Danh	131		847.713.000
.....						
31/12	PKT8912	31/12	K/c doanh thu	911	7 808 850 000	
			Cộng số phát sinh		7 808 850 000	7 808 850 000

Phát sinh lũy kế Nợ 64 832 000 000

Có 64 832 000 000

Số dư cuối kỳ Nợ

Có

Ngày.....tháng.....năm 2011

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.5: Trích sổ chi tiết TK511 theo từng đối tượng tháng 12/2011

C.TY CP CƠ ĐIỆN UÔNG BÍ- VINACOMIN

P.Bắc Sơn, tp Uông Bí, Quảng Ninh

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Khoản mục chi phí: Tất cả

Tài khoản: 511-doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tháng 12 năm 2011

Số dư đầu kỳ Nợ
Có

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ	Diễn giải	TKĐ Ư	Số phát sinh	
				Nợ	Có
A	B	C	D	1	2
01/12	0160083	Máng cào 80/15 ĐC 18,5KW 54 cầu HK1,5m	131		466 200 000
01/12	0160084	Máng cào 80/15 ĐC 18,5KW 54 cầu HK1,5m	131		1 977 997 000
.....					
03/12	0160052	Bánh xe goong 3 tấn	131		105 405 000
....					
18/12	0160109	Xe goong 3 tấn	131		1 554 000 000
19/12	0160087	Cầu máng cào MC...	131		240 000 000
.....					
29/12	0160125	Sửa chữa cạp trục bánh xe XD 900	131		9 271 866
.....					
31/12	PKT8912	Kết chuyển doanh thu	911	18 350 463 599	
		Cộng số phát sinh		18 350 463 599	18 350 463 599

Phát sinh lũy kế Nợ 158 172 517 643

Có 158 172 517 643

Số dư cuối kỳ Nợ

Có

Người ghi sổ

(Ký, ghi rõ họ tên)

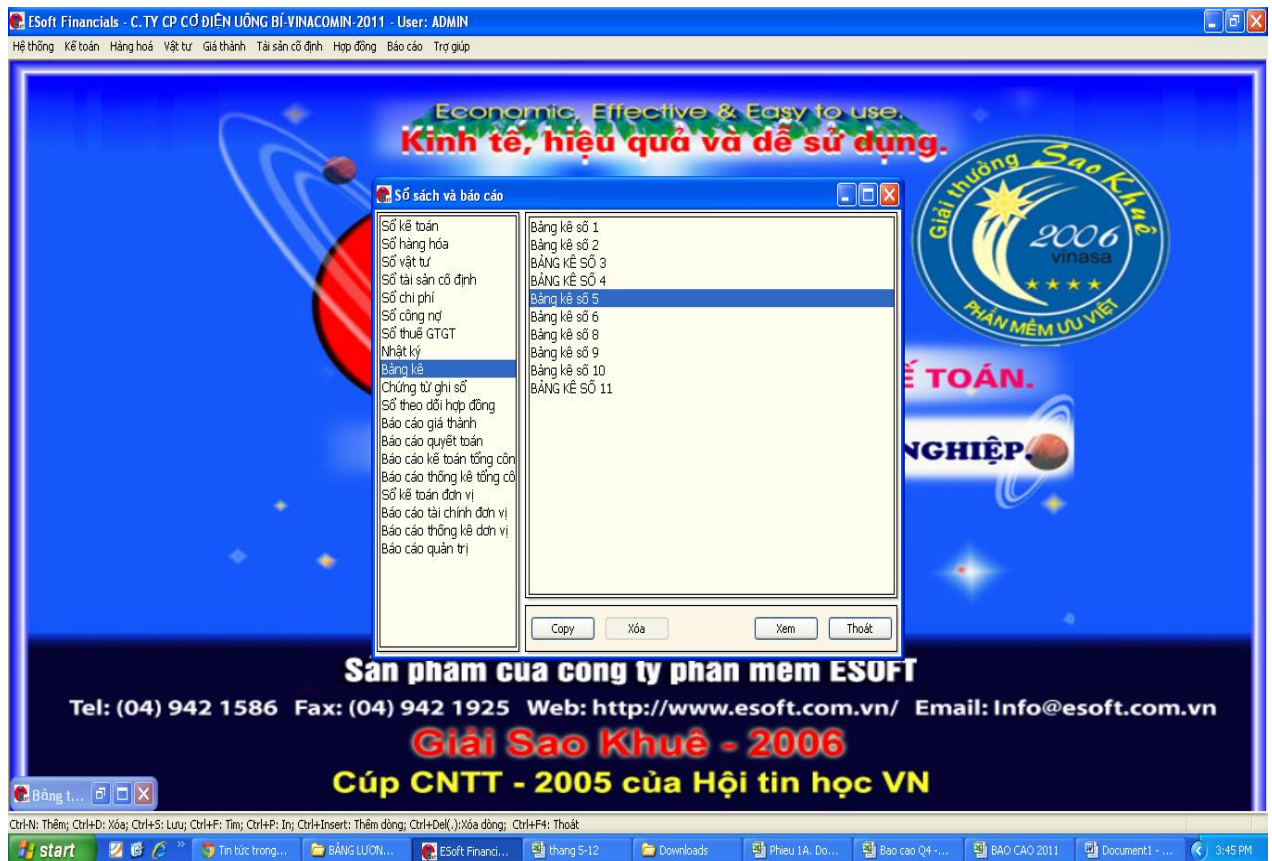
Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.6: Trích bảng tổng hợp chi tiết TK511 tháng 12/2011

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Công ty cổ phần cơ điện Uông Bí-Vinacomin

Để xem bảng kê số 11: kế toán chọn phân hệ báo cáo →bảng kê →bảng kê
11(biểu số 2.6) → xem.



C.TY CP CƠ ĐIỆN UÔNG BÍ- VINACOMIN

Phường Bắc Sơn, tp Uông Bí, QN

BẢNG KÊ SỔ 11

Tài khoản: 131- Phải thu khách hàng

Tháng 12 năm 2011

Phần I

Mã	Diễn giải	Dư đầu kỳ		Ghi nợ TK131, Ghi có các TK				
		Nợ	Có	11211	33311	51127	7118	Cộng nợ
00	Khách vãng lai				500 000	5 000 000		5 500 000
01	C.ty CP than Vàng Danh	6 460 673 059			325 639 682	3 256 396 819		3 582 036 501
100	CTTNHH1TV than Nam mầu	4 865 913 941			13 102 000	134 020 000		147 422 000
10036	Nguyễn Trọng Quảng				2 710 855		2 718 545	2 990 400
101	CTTNHH1TV Th Đồng Vông- TUB	439 358 898						
10101	Công ty th Cẩm Thành	229 000 000						
102	CTTNHH1TV Th Hồng Thái	392 778 100						
106	CTTNHH1TV than Mạo Khê	3 099 322 600		33 923 857				33 923 857
1062	Xí nghiệp than Hà Ráng	17 127 000						
1085	C.ty xây dựng mỏ hầm lò 2	65 901 000			21 178 035	211 780 342		232 958 377
1087	Cty xây dựng mỏ hầm lò 1	51 381 000						

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cơ điện Uông Bí-Vinacomin

109	CTCP than Mông Dương	2 482 461 508			81 126 000	811 260 000		892 386 000
111	CTTNHH1TV than Dương Huy	55 229 408			636 675 200	6 366 752 000		7 0034 27 200
112	CT TNHH1TV 86				17 713 000	177 130 000		194 843 000
114	Công ty than Hà Lâm	19 920 600						
120	Xí nghiệp than Thành Công	664 464 927			762 500	7 625 000		8 387 500
138	CTTNHH MTV 45- TCT Đông Bắc	562 229 280						
144	CT TNHH 1TV Than Quang Hanh	789 768 119			26 745 000	267 450 000		294 195 000
146	CT CP cơ khí ô tô UB				50 000	500 000		550 000
159	CT kho vận Đá Bạc	4 030 143 030			6 823 36 473	6 823 364 727		7 505 701 200
58	CT CP Vương Huy	35 579 500			1 503 000		15 030 000	16 533 000
Tổng cộng		24 261 251 970		33 923 857	1 836 821 216	18 350 463 599	17 748 545	20 238 957 217

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cơ điện Uông Bí-Vinacomin

Phần 2

Mã	Diễn giải	Ghi có Tk131, ghi nợ các tài khoản									Dư cuối kỳ	
		1111	11211	11213	11214	11215	3311	33127	3341	Cộng có	Nợ	Có
00	Khách vãng lai	5500 000								5500000		
01	C.ty CP than Vàng Danh		3 585730059			5 457044500				9042774559	999935001	
100	CTTNHH1TV than Nam mầu		1 412855000		1 500000000			54 600000		3458455000	1 554880941	
10036	Nguyễn Trọng Quảng								2990400	2990400		
101	CTTNHH1TV Th Đồng Vông- TUB					439358898				439358898		
10101	Công ty th Cẩm Thành										229000000	
102	CTTNHH1TV Th Hồng Thái		246218182			392778100				638996282	71885000	
106	CTTNHH1TV than Mạo Khê		2 818522600			314723857				3133246457		
1062	Xí nghiệp than Hà Ráng		17127000							17127000		
1085	C.ty xây dựng mỏ hầm lò 2		65901000					2647590		68548590	230310787	
1087	Cty xây dựng mỏ hầm lò 1		51381000							51381000		
109	CTCP than Mông Dương					2 300000000				2300000	1 074847508	
111	CTTNHH1TV than Dương Huy		6375608000			619085200				6994693200	63963408	

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cơ điện Uông Bí-Vinacomin

112	CT TNHH1TV 86										194843000	
114	Công ty than Hà Lâm										19920600	
120	Xí nghiệp than Thành Công		280000000							280000000	392852427	
138	CTTNHH MTV 45- TCT Đông Bắc		200000000							200000000	362229280	
144	CT TNHH 1TV Than Quang Hanh			789768119						789768119	294195000	
146	CT CP cơ khí ô tô UB	550000								550000		
159	CT kho vận Đá Bạc		2 880986260			1 149156770				4 030143030	7 505701200	
58	CT CP Vương Huy		35 579 500				3861000			39440500	12672000	
		6050000	17 969908601	789768119	1 500000000	10 672147325	3861000	548247590	2990400	31 492973035	13 007236152	

Ngày 30 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.7: Trích bảng kê số 11 tháng 12/2011

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Công ty cổ phần cơ điện Uông Bí-Vinacomin

Số liệu ở nhật ký chứng từ số 8 sẽ được tự động cập nhật từ bảng kê số 1,2,11... Để xem nhật ký chứng từ số 8: kế toán chọn phân hệ báo cáo → nhật ký → nhật ký chứng từ số 8 (biểu số 2.7) → xuất hiện của sổ (nhập ngày tháng, tài khoản) → xem.



Để xem sổ cái chọn phân hệ: báo cáo → sổ kế toán → sổ cái Tk511 (biểu số 2.8) - hình thức nhật ký chứng từ → chọn TK → xem.



C.TY CP CƠ ĐIỆN UÔNG BÍ- VINACOMIN

Phường Bắc Sơn, tp Uông Bí, Qn

Nhật ký chứng từ số 8

Tài khoản: 131, 155, 511, 515, 632, 635, 641, 642, 711, 811, 821, 911

Tháng 12 năm 2011

Mã	Diễn giải	Ghi nợ TK, ghi có các tài khoản												
		131	155	511	515	632	635	641	642	711	811	821	911	Cộng nợ
1111	Tiền mặt Việt Nam	6050000												6050000
11211	NH Đầu tư và phát triển Tây Nam -UB	17969908601			5417346									17975325947
11213	NH TMCP Quốc tế	789768119			404776									790172895
11214	NH TMCP Hàng Hải Uông Bí	1500000000			334385									1500334385
11215	NH SHB Quảng Ninh-PGD UBí	10672147325			3221438									10675368763
1311	Phải thu của khách hàng ngoài			5000000						17 748 545				22748545
13127	Thu về tiền cơ khí			18345463599										18345463599
15211	Nguyên vật liệu chính									21 853 252				21853252

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cơ điện Uông Bí-Vinacomin

1531	Công cụ, dụng cụ									294 464				294464
1547	Chi phí SX, KD dở dang cơ khí		3917399											3917399
3311	Phải trả cho người bán ngoài tập đoàn	3861000												3861000
33127	Phải trả tiền cơ khí	548247590												548247590
3341	Phải trả CNV	2990400												2990400
352	Dự phòng phải trả									2720817 403				2720817403
51127	Doanh thu cơ khí												18350463599	18350463599
5151	Tiền lãi												9377945	9377945
63227	Giá vốn hàng bán cơ khí		15236521466											15236521466
7118	Các khoản thu nhập khác												2760713664	2760713664
9115	Xác định kết quả KD cơ khí					15238393466	748379481	204053959	1641516346		3311439	488297779		18323952470
Tổng cộng		31492973035	15240438865	18350463599	9377945	15238393466	748379481	204053959	1641516346	2760713664	3311439	488297779	21120555208	107298474786

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.8: Trích nhật ký chứng từ số 8 tháng 12/20

C.TY CP CƠ ĐIỆN UÔNG BÍ- VINACOMIN

Phường Bắc Sơn, tp Uông Bí, QN

Sổ cái- hình thức nhật ký chứng từ

Tài khoản: 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tháng 12 năm 2011

Số dư đầu năm	NỢ
	CÓ

Ghi có các TK, đối ứng nợ với TK này	Tháng 1	Tháng 2		Tháng 11	Tháng 12	Cả năm
9115					18 350 463 599	158 172 517 643
Phát sinh nợ					18 350 463 599	158 172 517 643
Phát sinh có					18 350 463 599	158 172 517 643
Số dư NỢ						
CÓ						

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.9: Trích sổ cái TK511 tháng 12/2011

2.2.2 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

2.2.2.1 Xác định doanh thu HĐTC

- Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong tháng 12 năm 2011 tại công ty cổ phần cơ điện Uông Bí là lãi tiền gửi ngân hàng.

2.2.2.2 Chứng từ, sổ sách kế toán

➤ Chứng từ

- + Giấy báo có
- + Sao kê tài khoản ngân hàng

➤ Sổ sách

- + Nhật ký chứng từ số 8
- + Sổ cái

➤ TK sử dụng

- + TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

❖ Thực tế tại công ty

VD:

Ngày 31/12/2011 nhận được giấy báo có về số lãi tiền gửi NH SHB số tiền 3.221.438

☞ Định khoản kế toán:

Nợ 11215	3.221.438
Có 511	3.221.438

SHB
NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN – HÀ NỘI

Ngày in/print date: 31/12/2012
Giao dịch viên/Teller: ANHBT
Số giao dịch/Trans no: A2SF190112776175

GIẤY BẢO CỐ/CREDIT SLIP

Ngày/date: 31/12/2011

ĐƠN VỊ THỤ HƯỞNG/BENEFICIARY

Tên tài khoản/Customer name: CTY CO PHAN CO DIEN UONG BI VINACOMIN

Số tài khoản/Account number: 1000041633

Tổng số tiền bằng số/Amount 3,221,438.00 VND

ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN/PAYMENT

Tên tài khoản/Customer name: NGAN HANG TMCP SAI GON – HA NOI

Số tài khoản/Account number: 1000011298

Số tiền bằng chữ/Amount in words: Ba triệu hai trăm hai mươi một nghìn bốn trăm ba tám đồng.

Nội dung/Content: NH SHB TT TIEN LAI THANG 12 CHO CTCP CO DIEN UBI

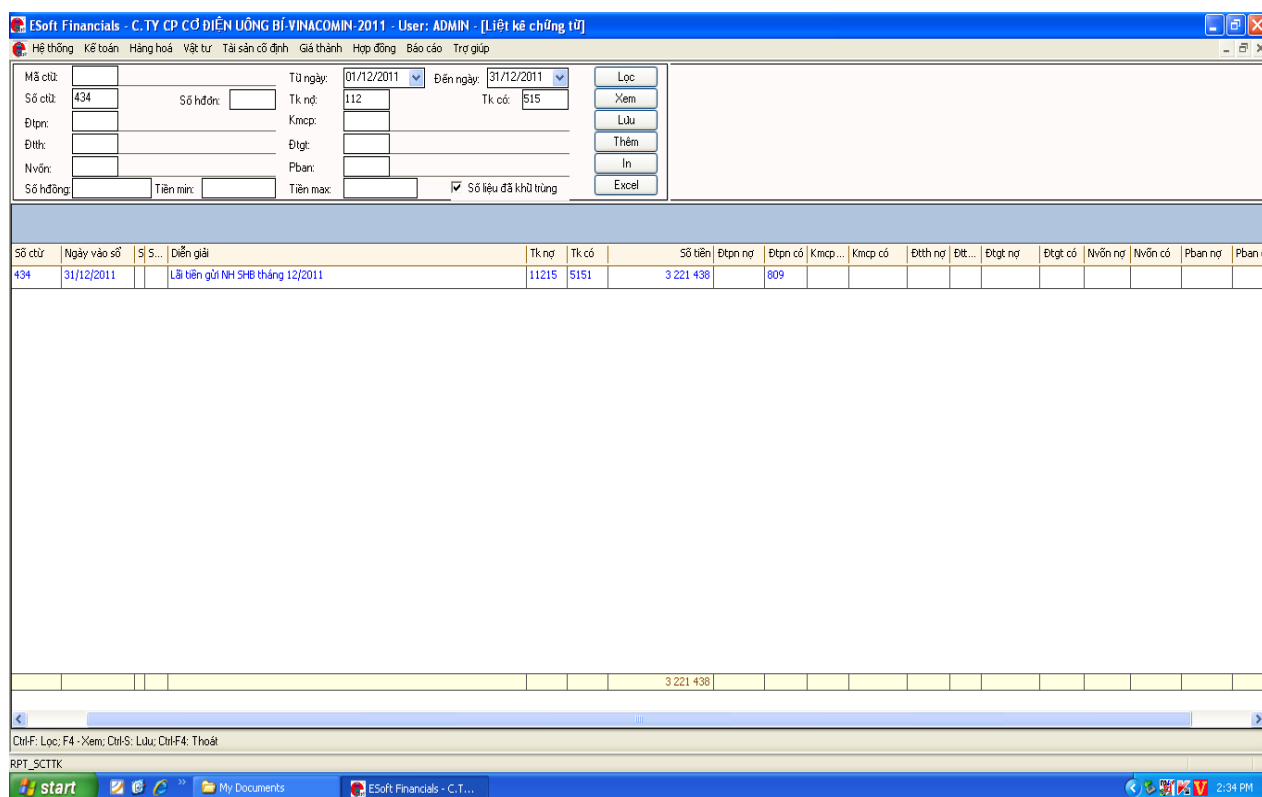
GIAO DỊCH VIÊN
TELLER

KIỂM SOÁT
CHECKER

Biểu số 2.10: Giấy bảo cố của ngân hàng SHB

- ☞ Căn cứ vào giấy bảo cố (biểu số 2.9) kế toán tiến hành nhập số liệu phân hệ kế toán → chứng từ ngân hàng → nhập số liệu → lưu.
- ☞ Số liệu được cập nhật sẽ tự động chuyển vào sổ sách có liên quan: sổ tiền gửi, sổ chi tiết TK 112, sổ chi tiết TK515(biểu số 2.11) , bảng kê 2, nhật ký chứng từ 2, nhật ký chứng từ 8, sổ cái TK515(biểu số 2.12)....

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cơ điện Uông Bí-Vinacomin



Giao diện phần mềm chứng từ ngân hàng

C.TY CP CƠ ĐIỆN ƯƠNG BÍ-VINACOMIN

Phường Bắc Sơn, tp Ưông Bí, Qn

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Khoản mục chi phí: Tất cả

Tài khoản: 515-doanh thu hoạt động tài chính

Tháng 12 năm 2011

Số dư đầu kỳ Nợ
Có

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ	Diễn giải	TKĐ Ư	Số phát sinh	
				Nợ	Có
A	B	C	D	1	2
31/12	2099	Lãi tiền gửi NH Quốc tế tháng 12/2011	11213		404 776
31/12	434	Lãi tiền gửi NH SHB tháng 12/2011	12115		3 221 438
31/12	065	Lãi tiền gửi NH BIDV	12111		5 417 346
31/12	01	Lãi tiền gửi NH Hàng Hải	11214		334 385
31/12	PKT8912	Kết chuyển doanh thu	911	9 377 945	9 377 945
		Cộng số phát sinh		9 377 945	9 377 945

Phát sinh lũy kế Nợ 76 929 460

Có 76 929 460

Số dư cuối kỳ Nợ
Có

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.11: Trích sổ chi tiết TK515 tháng 12/2011

C.TY CP CƠ ĐIỆN UÔNG BÍ- VINACOMIN

Phường Bắc Sơn, tp Uông Bí, Qn

Sổ cái – hình thức nhật ký chứng từ

Tài khoản: **515-** Thu nhập hoạt động tài chính

Tháng 12 năm 2011

Số dư đầu năm	NỢ
	CÓ

Ghi có các TK, đối ứng nợ với TK này	Tháng 1	Tháng 2	Tháng	Tháng 11	Tháng 12	Cả năm
9115					9 377 945	76 929 460
Phát sinh nợ					9 377 945	76 929 460
Phát sinh có					9 377 945	76 929 460
Số dư NỢ						
CÓ						

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.12: Trích sổ cái TK515 tháng 12/2011

2.2.2 Kế toán thu nhập khác

2.2.3.1 Xác định thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác tại công ty cổ phần cơ điện Uông Bí là những khoản thu không thường xuyên xảy ra chủ yếu từ hoạt động:

- + Thanh lý, nhượng bán
- + Nhận biểu tặng

2.2.3.2 Chứng từ, sổ sách sử dụng

➤ *Tài khoản*

- + TK 711: Thu nhập khác

➤ *Chứng từ*

- + Biên bản thanh lý
- + HĐ GTGT
- + Phiếu thu
- + Giấy báo có

.....

➤ *Sổ sách*

- + Sổ chi tiết TK711, 131, 152....
- + Bảng kê 1,2,11...
- + Nhật ký chứng từ số 8

.....

➤ *Thực tế tại công ty cp cơ điện Uông Bí- Vinacomin*

VD:

+Ngày 31/12/2011 công ty tiến hành hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm 2.720.817.403

+Ngày 31/12/2011 PXA3 nhập VTTH- Thép phế liệu

C.TY CP CƠ ĐIỆN ƯƠNG BÍ- VINACOMIN

Mẫu số 01- VT

P.Bắc Sơn, Ưông Bí, Quảng Ninh

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Số: 1484

Ngày 27 tháng 12 năm 2011

Họ tên người giao hàng: Đỗ Mạnh Toàn Đơn vị bán:.....

Theo:.....

Biên bản kiểm nhập:.....Ngày.....tháng.....năm 2011

Của:

Nhập tại kho: KHO NGUYÊN VẬT LIỆU CHÍNH

STT	Tên, quy cách vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực nhập		
1	Thép		KG		2.300,3	9.500	21.200.000
	Tổng cộng						21.200.000

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Hai mươi một triệu hai trăm nghìn đồng chẵn.

Số chứng từ gốc kèm theo:.....

Ngày.....tháng.....năm 2011

Người lập biểu

Người giao hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.13: Phiếu nhập kho tháng 12/2011

☞ Định khoản kế toán

1. Nợ TK352	2.720.817.403
Có TK711	2.720.817.403
2. Nợ TK152	21.200.000
Có TK711	21.200.000

☞ Căn cứ vào số dư trên TK352 kế toán tiến hành các bút toán hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm. Kế toán chọn phân hệ *kế toán* → *chứng từ kế toán khác* → *nhập tài khoản đối ứng và số liệu liên quan* → *lưu*.

Căn cứ vào phiếu nhập kho số 1484 (biểu số 2.13) và biên bản kiểm kê kế toán chọn phân hệ *vật tư* → *nhập kho vật tư* → *nhập đầy đủ thông tin* → *lưu*.

Số liệu sẽ tự động cập nhật vào sổ sách liên quan như: sổ chi tiết Tk711(biểu số 2.14), sổ chi tiết Tk352, sổ cái các TK711 (biểu số 2.15)....

ESoft Financials - C. TY CP CƠ ĐIỆN UÔNG BÍ-VINACOMIN-2011 - User: ADMIN

Hệ thống Kế toán Hàng hoá Vật tư Giá thành Tài sản cố định Hợp đồng Bảo cáo Trợ giúp

Economic, Effective & Easy to use.
Kinh tế, hiệu quả và dễ sử dụng.

Liệt kê chứng từ

Mã chủ: [] Số chủ: 000567 Từ ngày: 01/12/2011 Đến ngày: 31/12/2011

Số hđơn: [] Tk nợ: 352 Tk có: []

Đtpr: [] Kmcp: []

Đtth: [] Đtgr: []

Nvôn: [] Pban: []

Số hđồng: [] Tiền min: [] Tiền max: [] ☒ Số liệu đã khử trùng

Loại: [] Xem: [] Lưu: [] Thêm: [] In: [] Excel: []

Số chủ	Ngày vào sổ	S/ S...	Diễn giải	Tk nợ	Tk có	Số tiền	Đt
000567	31/12/2011		Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm	352	7118	2 720 817 403	

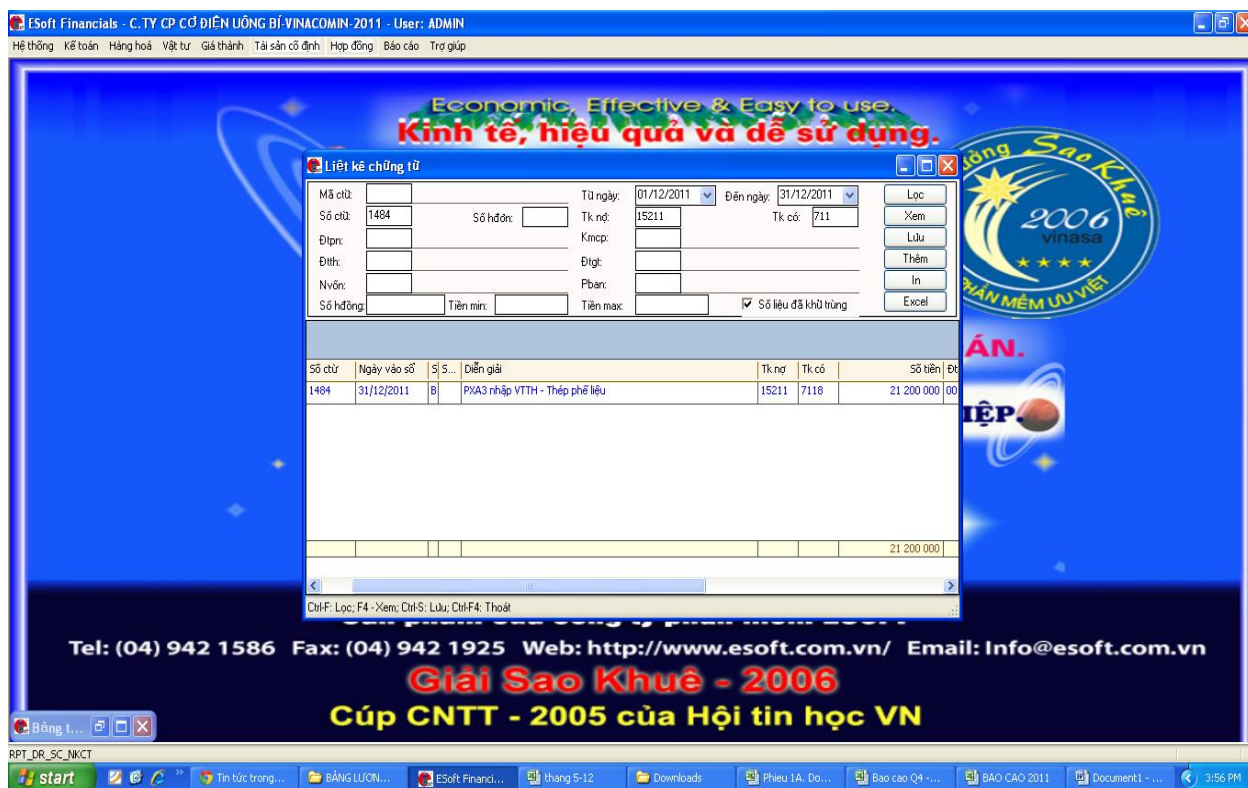
Chú ý: Loại: F4 - Xem: ChitS: Lưu: ChitF4: Thoát

Tel: (04) 942 1586 Fax: (04) 942 1925 Web: <http://www.esoft.com.vn/> Email: Info@esoft.com.vn

Giải Sao Khuê - 2006
Cúp CNTT - 2005 của Hội tin học VN

start Tin tức trong... BẢNG LƯƠN... ESoft Financi... tháng 5-12 Downloads Phiếu 1A. Do... Báo cáo Q4 -... BAO CAO 2011 Document1 - ... 3:53 PM

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cơ điện Uông Bí-Vinacomin



Giao diện phân hệ vật tư

C.TY CP CƠ ĐIỆN UÔNG BÍ-VINACOMIN

Phường Bắc Sơn – Uông Bí – Quảng Ninh

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Khoản mục chi phí: Tất cả

Tài khoản: 711-Thu nhập khác

Tháng 12 năm 2011

Số dư đầu kỳ

Nợ

Có

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ	Diễn giải	TKĐ Ư	Số phát sinh	
				Nợ	Có
A		D	E	1	2
31/12	PN1484	PXA3 nhập VTTH- Thép phế liệu	15211		21 200 000
31/12	HN567	Hoàn nhập dự phòng bảo hành sp	352		2 720 817 403
31/12	PN1492	Thừa sau kiểm kê- Bàn ren M10	1531		38 797
31/12	PN1492	Thừa sau kiểm kê- mũi khoan phi 12	1531		207 667
31/12	PN1492	Nhập thừa sau kiểm kê	1531		48 000
.....			...		
31/12	0160121	Dịch vụ vận tải	1311		2 718 545
31/12	PKT8912	Kết chuyển thu nhập khác	911	2 760 713 664	
		Cộng số phát sinh		2 760 713 664	2 760 713 664

Phát sinh lũy kế

Nợ 3 226 014 663

Có 3 226 014 663

Số dư cuối kỳ

Nợ

Có

Người ghi sổ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.14: Trích sổ chi tiết TK711 tháng 12/2011

C.TY CP CƠ ĐIỆN UÔNG BÍ- VINACOMIN

Phường Bắc Sơn, tp Uông Bí, QN

Sổ cái – hình thức nhật ký chứng từ

Tài khoản: **711-** Thu nhập khác

Tháng 12 năm 2011

Số dư đầu năm	NỢ
	CÓ

Ghi có các TK, đối ứng nợ với TK này	Tháng 1	Tháng 2	Tháng	Tháng 11	Tháng 12	Cả năm
9115					2 760 713 664	3 226 014 663
Phát sinh nợ					2 760 713 664	3 226 014 663
Phát sinh có					2 760 713 664	3 226 014 663
Số dư NỢ						
CÓ						

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.15: Trích sổ cái TK711 tháng 12/2011

2.2 Kế toán chi phí

Chi phí tại công ty cổ phần cơ điện Uông Bí bao gồm các loại chi phí sau:

- ✓ *Giá vốn hàng bán* trong hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh:
 - + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
 - + Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
 - + Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
 - + Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.
 - + Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).
- ✓ *Chi phí bán hàng*: là toàn bộ chi phí liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp như:
 - + Chi phí nhân viên
 - + Chi phí vật liệu bao bì,
 - + Chi phí khấu hao TSCĐ
 - + Chi phí dụng cụ, đồ dùng
 - + Chi phí bảo hành
 - + Chi phí bằng tiền khác
- ✓ *Chi phí quản lý doanh nghiệp*: Là toàn bộ chi phí liên quan đến việc quản lý, điều hành chung của doanh nghiệp:
 - + Chi phí nhân viên quản lý
 - + Chi phí vật liệu quản lý
 - + Chi phí đồ dùng văn phòng
 -

- ✓ *Chi phí hoạt động tài chính*: là các khoản chi phí phát sinh như: lãi vay ngân hàng, lãi vay của cán bộ công nhân viên...
- ✓ *Chi phí khác*: Chi phí thanh lý nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, và một số khoản chi khác.

2.2.1 Kế toán giá vốn hàng bán

- *Phương pháp tính giá vốn hàng bán*: Phương pháp đích danh
- *Tài khoản sử dụng*: TK632: giá vốn hàng bán
- *Chứng từ sử dụng*:
 - +Thẻ tính giá thành
 - +Phiếu xuất kho
- *Sổ sách kế toán*
 - +Sổ chi tiết TK632
 - +Sổ cái TK632
- *Nghiệp vụ thực tế phát sinh tại doanh nghiệp*

VD:

Ngày 1 tháng 12 năm 2011 xuất bán cho cty TNHH1TV than Dương Huy 7 bộ máng cào 80/15 ĐC 18.5KW 54 cầu HK 1,5m theo HĐ GTGT số 0160084 lô hàng có tổng giá thanh toán là 2.175.796.700.

Sản phẩm được tập hợp chi phí giá thành theo đối tượng vì vậy khi kế toán ghi nhận doanh thu, giá vốn thành phẩm sẽ tự động được phản ánh sau khi chọn mã thành phẩm.

Đồng thời phần mềm cũng tự động chuyển số liệu vào các sổ sách liên quan.

C.TY CP CƠ ĐIỆN UÔNG BÍ- VINACOMIN

P.Bắc Sơn, tp Uông Bí, Quảng Ninh

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Khoản mục chi phí: Tất cả

Tài khoản: 632-Giá vốn hàng bán

Tháng 12 năm 2011

Số dư đầu kỳ

Nợ

Có

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ	Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
				Nợ	Có
A	B	C	D	1	2
01/12	0160081	Sọc then hoa bích bắt các đăng xe SCANIA	1557	434 391	
.....					
01/12	0160084	Máng cào 80/15 ĐC 18,5KW cầu HK1,5m	1557	1.805.973.855	
03/12	0160085	Bánh xe goong 3 tấn	1557	93 615 477	
....					
18/12	0160096	Xe goong 3 tấn	1557	1 473 003 604	
19/12	0160097	Cầu máng cào MC...	1557	218 136 870	
.....					
29/12	01600125	Máy xúc đá hầm lò	131	830.236.886	
.....					
31/12	PKT9012	Kết chuyển giá vốn	911		15 238 393 466
		Cộng số phát sinh		15 238 393 466	15 238 393 466

Phát sinh lũy kế

Nợ 158.172.517.643

Có 158.172.517.643

Số dư cuối kỳ

Nợ

Có

Người ghi sổ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.17: Trích sổ chi tiết Tk632 tháng 12/2011

C.TY CP CƠ ĐIỆN UÔNG BÍ- VINACOMIN

P.Bắc Sơn, tp Uông Bí, Quảng Ninh

Sổ cái- hình thức nhật ký chứng từ

Tài khoản: **632-** Giá vốn hàng bán

Tháng 12 năm 2011

Số dư đầu kỳ	NỢ
	CÓ

Ghi có các TK đối ứng nợ TK này	Tháng 1	Tháng 2	...	Tháng 11	Tháng 12	Cả năm
1557					15 238 393 466	
Phát sinh nợ					15 238 393 466	134 144 874 726
Phát sinh có					15 238 393 466	134 144 874 726
Số dư NỢ						
CÓ						

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.18: Trích sổ cái TK632 tháng 12/2011

2.2.3 Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

- *Tài khoản sử dụng*
 - + TK 641: Chi phí bán hàng
 - + TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp
- *Chứng từ sử dụng*
 - + HĐ GTGT
 - + Bảng phân bổ tiền lương
 - + Bảng phân bổ TSCĐ
 - + Phiếu thu, phiếu chi (Tiền điện, nước, điện thoại...)
 - +.....
- *Sổ sách sử dụng*
 - + Bảng kê 5
 - +Sổ cái
 - +.....
- *Thực tế tại công ty cổ phần cơ điện Uông Bí- Viancomin*

VD

+Ngày 23/12/2011 thanh toán tiền tiếp khách- Nguyễn Thành Long số tiền 2.860.000

+Ngày 31/12/2011phân bổ khấu hao TSCĐ (nhà văn phòng) 27.482.969, bộ phận bán hàng 33.202.225.

☞ Định khoản kế toán:

1. Nợ TK642	2 600 000
Nợ TK133	260 000
Có TK111	2 860 000
2. Nợ TK641	33 202 225
Nợ TK642	27 482 969
Có TK214	60 685 194

Căn cứ vào HĐGTGT (biểu số 3.4), giấy đề ghi thanh toán (biểu số 3.5), phiếu chi (biểu số 3.6) kế toán vào phân hệ kế toán → *chứng từ tiền mặt* → *giao diện chứng từ tiền mặt hiện ra* → *nhập các thông tin* → *lưu*.

Căn cứ vào các chứng từ tăng, giảm TSCĐ kế toán nhập liệu vào phân hệ TSCĐ theo các bảng biểu được thiết kế sẵn. Cuối tháng kế toán TSCĐ tiến hành phân bổ khấu hao TSCĐ vào phân hệ kế toán → *bút toán phân bổ* → *(diễn giải) trích khấu hao TSCĐ tháng 12* → *theo quy trình phần mềm kế toán các thông tin được sẽ tự động được cập nhật vào các bảng phân bổ khấu hao, bảng kê 5, sổ cái TK641, TK642*.

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Công ty cổ phần cơ điện Uông Bí-Vinacomin

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao khách hàng
Ngày 23 tháng 12 năm 2011

Mẫu số: **01GTKT3/001**

Ký hiệu: **AA/11P**

Số: 0002103

Đơn vị bán hàng: **NHÀ HÀNG TRI KỶ**

Địa chỉ: Yên Thanh – Uông Bí - Quảng Ninh

Mã số thuế:

5	7	0	1	4	2	1	9	4	3
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Điện thoại: 0333663638

Fax:

Số tài khoản: 4431000087621

Ngân hàng: Đầu tư và phát triển Tây Nam Quảng Ninh

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Thành Long

Tên đơn vị: Công ty CP cơ điện Uông Bí - Vinacomin

Địa chỉ: Phường Bắc Sơn- tp Uông Bí - Quảng Ninh

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: Tiền mặt

Mã số thuế: 5700526340

TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Mâm cơm loại 1		01	2.600.000	2.600.000

Thuế suất GTGT:10%

Cộng tiền hàng:.....2.600.000

Tiền thuế GTGT:.....260.000

Tổng cộng tiền thanh toán:.....2.860.000

Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.19: Hóa đơn GTGT số 2103

C.TY CP CƠ ĐIỆN UÔNG BÍ – VINACOMIN

Mẫu số 05 - TT

Phường Bắc Sơn – tp Uông Bí – Quảng Ninh

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

(ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Ngày 24 tháng 12 năm 2011

Kính gửi: Công ty cổ phần cơ điện Uông Bí- Vinacomin

-Họ và tên người đề nghị thanh toán: Trần Văn Tuấn

-Bộ phận (hoặc địa chỉ): Phòng Marketing

-Nội dung thanh toán: Chi tiền tiếp khách ngày 23 tháng 12 năm 2011

-Số tiền: 2.779.862 (Viết bằng chữ): Hai triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi hai đồng chẵn.

(Kèm theo 01 chứng từ gốc HĐ GTGT số 2103)

Người đề nghị thanh toán

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người ký duyệt

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.20: Giấy đề nghị thanh toán

C.TY CP CƠ ĐIỆN UÔNG BÍ- VINACOMIN

Mẫu số 01- TT

P.Bắc Sơn, tp Uông Bí, Quảng Ninh

(Ban hành theo QĐ số:15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 24 tháng 12 năm 2011

Số:4812

Có: 1111

Nợ: 642

Họ, tên người nhận tiền: Trần Văn Tuấn

Địa chỉ:

Lý do chi: Thanh toán tiền tiếp khách

Số tiền: 2.779.862 (Viết bằng chữ):Hai triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn

Kèm theo: 01 chứng từ gốc: HĐ GTGT số 2103

Ngày 24 tháng 12 năm 2011

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận	Thủ quỹ
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ)

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý)

+ Số tiền quy đổi

Biểu số 2.21: Phiếu chi số 4812

C.TY CP CƠ ĐIỆN UÔNG BÍ- VINACOMIN

Phường Bắc Sơn, tp Uông Bí ,QN

BẢNG PHÂN BỐ KHẤU HAO TSCĐ

Tháng 12 năm 2011

Số thẻ	Tên tài sản	Nguyên giá	Số khấu hao	3533	6274	6414	6424
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	11 189 794 470	60 120 584	16 927 740	36 087 640		7 105 204
2	Máy móc thiết bị	21 850 628 153	342 570 172		342 289 333		280 839
3	Phương tiện vận tải	3 547 478 500	42 231 887			33 202 225	9 029 662
4	Thiết bị dụng cụ văn phòng	678 037 670	13 479 208		2 411 944		11 067 264
Tổng cộng		37 265 938 793	458 401 851	16 927 740	380 788 917	33 202 225	27 482 969

Ngày.....tháng.....năm 2011

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.22: Trích bảng phân bổ khấu hao TSCĐ tháng 12/2011

C.TY CP CƠ ĐIỆN UÔNG BÍ- VINACOMIN

Phường Bắc Sơn, tp Uông Bí, QN

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Khoản mục chi phí: Tất cả

Tài khoản: 641-Chi phí bán hàng

Tháng 12 năm 2011

Số dư đầu kỳ

Nợ

Có

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ	Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
				Nợ	Có
A		D	E	1	2
.....					
28/12	HĐ462	Thanh toán tiền quảng cáo trên tạp chí Than	112	10 000 000	
30/12	PC5412	Phí kiểm định ATKTK toa xe	3311	103 000 000	
31/12	147	Phân bổ khấu hao	214	33 202 225	
.....					
31/12	PKT9012	Kết chuyển CPBH	911		204 053 959
		Cộng số phát sinh		204 053 959	204 053 959

Phát sinh lũy kế

Nợ 1 142 192 473

Có 1 142 192 473

Số dư cuối kỳ

Nợ

Có

Người ghi sổ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.23: Trích sổ chi tiết chi phí bán hàng tháng 12/2011

C.TY CP CƠ ĐIỆN UÔNG BÍ- VINACOMIN

Phường Bắc Sơn, tp Uông Bí, QN

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Khoản mục chi phí: Tất cả

Tài khoản: 642-Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tháng 12 năm 2011

Số dư đầu kỳ Nợ
Có

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ	Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
				Nợ	Có
A		D	E	1	2
01/12	PC0112	Thanh toán tiền mua tài liệu	1111	623 000	
05/12		Phí bảo lãnh bảo hành-HĐ 130	11211	3 114 540	
.....					
17/12	PC3712	Thanh toán tiền cước điện thoại t11	11211	2 779 862	
.....					
24/12	PC4812	Thanh toán tiền tiếp khách	1111	2 860 000	
.....					
31/12	147	Phân bổ khấu hao TSCĐ	214	27 482 969	
.....					
31/12	PKT9012	Kết chuyển chi phí QLDN	911		1 641 516 346
		Cộng số phát sinh		1 641 516 346	1 641 516 346

Phát sinh lũy kế Nợ 13 161 824 962

Có 13 161 824 962

Số dư cuối kỳ Nợ

Có

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.24: Trích sổ chi tiết chi phí QLDN tháng 12/2011

C.TY CP CƠ ĐIỆN UÔNG BÍ- VINACOMIN

Phường Bắc Sơn, tp Uông Bí, QN

BẢNG KÊ 5

Tài khoản: 241, 641, 642

Tháng 12 năm 2011

Mã	Diễn giải	Ghi nợ TK chọn, ghi có các tài khoản																					
		1111	11211	1121 3	11214	11215	141	15212	1522	1523	1531	2141	242	3311	3341	3342	336311	3382	33831	33831	3388	3389	Tổng cộng
64 12	Chi phí vật liệu, bao bì																						51 576 682
64 13	Chi phí dụng cụ đồ dùng										2 462 552												2 465 552
64 14	Chi phí khấu hao TSCĐ											33 202 225											33 202 225
64 17	Chi phí dịch vụ mua ngoài		10 000 000										3 812 500	103 000 000									116 812 500
64 21	Chi phí nhân viên quản lý														723 142 766	27 030 000		14 462 855	21 171 773	4 100 700		1 322 236	791 230 330
64 22	Chi phí vật liệu quản lý							85 723 184	33 039 875	13 393 000													132 156 059
64 23	Chi phí đồ dùng văn phòng										15 639 472		4 975 000										20 614 472

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cơ điện Uông Bí-Vinacomin

64 24	Chi phí khấu hao TSCĐ											27 482 969											27 482 969
64 27	Chi phí dịch vụ mua ngoài	4 847 854	10 303 862				700 000							70 380 071									86 231 787
64 28	Chi phí khác bằng tiền	130 312 849	78 161 781	241 904	57 428	88 110 981	22 247 045						2 500 000	37 047 643			171 121 098				54 000 000		583800 729
Tổng cộng		135 160 703	98 465 643	241 904	57 428	88 110 981	22 947 045	85 986 184	84 353 557	13 393 000	18 102 024	60 685 194	11 287 500	210 427 714	723 142 766	27 030 000	171 121 098	14 462 855	21 171 773	4 100 700	54 000 000	1 322 236	1 845 570 305

Ngày....tháng....năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.25: Trích bảng kê số 5 tháng 12/2011

C.TY CP CƠ ĐIỆN UÔNG BÍ- VINACOMIN

P.Bắc Sơn, tp Uông Bí, Quảng Ninh

Sổ cái- hình thức nhật ký chứng từ

Tài khoản: **641**- Chi phí bán hàng

Tháng 12 năm 2011

Số dư đầu kỳ	NỢ
	CÓ

Ghi có các TK đối ứng nợ TK này	Tháng 1	Tháng 2		Tháng 11	Tháng 12	Cả năm
11211					10 000 000	
15212					263 000	
1522					51 313 682	
1531					2 462 552	
2141					33 202 225	
242					3 812 500	
3311					103 000 000	
Phát sinh nợ					204 053 959	1 142 192 473
Phát sinh có					204 053 959	1 142 192 473
Số dư NỢ						
CÓ						

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Biểu số 2.26: Trích sổ cái chi phí bán hàng tháng 12/2011

C.TY CP CƠ ĐIỆN ƯƠNG BÍ- VINACOMIN

P.Bắc Sơn, tp Ưông Bí, Quảng Ninh

Sổ cái- hình thức nhật ký chứng từ

Tài khoản: **642-** Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tháng 12 năm 2011

Số dư đầu kỳ	NỢ
	CÓ

Ghi có các TK đối ứng nợ TK này	Tháng 1	Tháng 2		Tháng 11	Tháng 12	Cả năm
1111					135 160 703	
11211					88 465 643	
11213					241 904	
11214					57 428	
11215					88 110 981	
141					22 947 045	
15212					85 723 184	
1522					33 039 875	
1523					13 393 000	
1531					115 639 472	
2141					27 482 969	
242					7 475 000	
3311					107 427 714	
3341					723 142 766	
3342					27 030 000	
336311					171 121 098	
3382					14 462 855	
33831					21 171 773	
33832					4 100 700	
3388					54 000 000	
3389					1 322 236	
Phát sinh nợ					1 641 516 346	13 161 824 962
Phát sinh có					1 641 516 346	13 161 824 962
Số dư NỢ						
CÓ						

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.27: Trích sổ cái chi phí QLDN tháng 12/2011

2.2.4 Kế toán chi phí hoạt động tài chính

- Tài khoản sử dụng
 - +TK 635: Chi phí hoạt động tài chính
- Chứng từ sử dụng
 - +Phiếu chi
 - +Giấy báo nợ
 - +.....
- Sổ sách
 - +Sổ chi tiết TK635
 - +Sổ cái
 - +.....
- Thực tế phát sinh tại doanh nghiệp

VD:

+ Ngày 26/12/2011 trả lãi vay ngắn hạn tháng 12/2011 số tiền 13.059.266

+ Ngày 31/12/2011 trích trước lãi tiền vay ngắn hạn phải trả NH Công Thương tháng 12/2011 số tiền 15.877.215.

☞	Định khoản kế toán	
1.	Nợ TK635	13 059 266
	Có TK11211	13 059 266
2.	Nợ TK635	15 877 215
	Có TK335	15 877 215

Căn cứ vào giấy báo nợ của ngân hàng và các chứng từ tiền vay hàng tháng tiến hành hạch toán chi phí lãi vay vào TK635. Phân hệ phần mềm sử dụng kế toán → chứng từ ngân hàng (chứng từ nghiệp vụ khác) → giao diện nhập liệu xuất hiện → nhập các thông tin cần thiết.

Khoản lãi vay ngày 31/12 là khoản chi phí vay ngắn hạn trong trường hợp hợp đồng vay trả gốc và lãi vay khi hết thời hạn. Phân hệ hạch toán kế toán → chứng từ khác.

C.TY CP CƠ ĐIỆN UÔNG BÍ- VINACOMIN

Phường Bắc Sơn- tp Uông Bí- Quảng Ninh

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Khoản mục chi phí: Tất cả

Tài khoản:635-Chi phí hoạt động tài chính

Tháng 12 năm 2011

Số dư đầu kỳ

Nợ

Có

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ	Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
				Nợ	Có
A	B	C	D	1	2
16/12	PC3512	Lãi vay ngắn hạn CBCNV-N.T.Bé	3313	2 282 920	
.....					
22/12	GBN447	Trả lãi tiền vay ngắn hạn GNN...	11211	10 357 224	
.....					
26/12	GBN452	Trả lãi vay ngắn hạn NH BIDV	11211	13 059 266	
29/12	GBN458	Trả lãi vay trung hạn quý 4/2011 NH BIDV	11211	77 129 857	
31/12	GBN568	Trích trước lãi vay NH công thương	335	15 877 215	
.....					
31/12	PKT9012	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911		748 379 481
		Cộng số phát sinh		748 379 481	748 379 481

Phát sinh lũy kế

Nợ 4 667 615 304

Có 4 667 615 304

Số dư cuối kỳ

Nợ

Có

Người ghi sổ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.28: Trích sổ chi tiết chi phí hoạt động tài chính tháng 12/2011

C.TY CP CƠ ĐIỆN UÔNG BÍ- VINACOMIN

P.Bắc Sơn, tp Uông Bí, Quảng Ninh

Sổ cái- hình thức nhật ký chứng từ

Tài khoản: **635-** Chi phí hoạt động tài chính

Tháng 12 năm 2011

Số dư đầu kỳ	NỢ
	CÓ

Ghi có các TK đối ứng nợ TK này	Tháng 1	Tháng 2		Tháng 11	Tháng 12	Cả năm
11211					244 418 883	
3113					488 083 383	
33541					15 877 215	
Phát sinh nợ					748 379 781	4 667 615 304
Phát sinh có					748 379 781	4 667 615 304
Số dư NỢ						
CÓ						

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.29: Trích sổ cái chi phí hoạt động tài chính tháng 12/2011

2.2.5 Kế toán chi phí khác

- Tài khoản
 - + TK811: Chi phí khác
- Chứng từ sử dụng
 - + Biên bản thanh lý TSCĐ
 - + Biên bản đánh giá lại TSCĐ, vật tư hàng hóa
 - + Phiếu chi
 - + Biên bản kiểm kê
 -
- Sổ sách
 - + Sổ chi tiết TK811
 - + Nhật ký chứng từ số 8
 - + Sổ cái
- Thực tế phát sinh tại công ty

VD:

+ Ngày 31/12 bộ phận KHVT tiến hành kiểm kê phát hiện công cụ và vật liệu thiếu,

xuất hủy như:	- Mũi khoan phi 12.5 giá trị:	202.600
	- Thép hình U200 giá trị:	660.645
	- Phốt cao su 38x60	242.666

☞ Định khoản kế toán

Nợ TK811	863.245
Có TK15211	660 645
Có TK1531	202 600

Căn cứ vào biên bản kiểm kê ngày 31/12 kế toán hạch toán vào phân hệ kế toán
→ chứng từ nghiệp vụ khác.

C.TY CP CƠ ĐIỆN UÔNG BÍ- VINACOMIN

Phường Bắc Sơn, tp Uông Bí, QN

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Khoản mục chi phí: Tất cả

Tài khoản: 811-chi phí khác

Tháng 12 năm 2011

Số dư đầu kỳ

Nợ

Có

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ	Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
				Nợ	Có
A		D	E	1	2
31/12	561A	Thiếu sau kiểm kê- Mũi khoan phi 12.5	1531	202 600	
31/12	561A	Thiếu sau kiểm kê- Thước cuộn 5m	1531	60 535	
31/12	207B	Xuất chuyển Pl sau kiểm kê- Thép U200	15211	660 645	
.....					
31/12	1367A	Xuất hủy sau kiểm kê- Phốt cao su 38x60	15212	242 666	
.....					
31/12	PKT9012	Kết chuyển chi phí khác	911		3 311 439
		Cộng số phát sinh		3 311 439	3 311 439

Phát sinh lũy kế

Nợ

132 018 668

Có

132 018 668

Số dư cuối kỳ

Nợ

Có

Người ghi sổ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.30: Trích sổ chi tiết chi phí khác tháng 12/2011

C.TY CP CƠ ĐIỆN UÔNG BÍ- VINACOMIN

P.Bắc Sơn, tp Uông Bí, Quảng Ninh

Sổ cái- hình thức nhật ký chứng từ

Tài khoản: **811-** Chi phí khác

Tháng 12 năm 2011

Số dư đầu kỳ	NỢ
	CÓ

Ghi có các TK đối ứng nợ TK này	Tháng 1	Tháng 2	...	Tháng 11	Tháng 12	Cả năm
15211					660 645	
15212					1 922 130	
1523					464 863	
1531					263 801	
Phát sinh nợ					3 311 439	132 018 668
Phát sinh có					3 311 439	132 018 668
Số dư NỢ						
CÓ						

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.31: Trích sổ cái chi phí khác tháng 12/2011

2.3 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh là biểu hiện bằng tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh thông thường và hoạt động khác của doanh nghiệp.

2.3.1 Nguyên tắc hạch toán

Sau một kỳ kế toán cần xác định kết quả của hoạt động kinh doanh trong kỳ với yêu cầu kịp thời và chính xác. Chú ý nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ kế toán.

Trên TK 911 cần phản ánh chính xác, đầy đủ các khoản doanh thu và chi phí của kỳ hạch toán theo đúng quy định của chế độ quản lý tài chính.

Các khoản doanh thu và thu nhập được kết chuyển vào tài khoản này là số doanh thu thuần và thu nhập thuần.

2.3.2 Phương pháp xác định kết quả kinh doanh

Cuối mỗi quý, kế toán tổng hợp thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí để xác định kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

✓ Kết quả từ hoạt động kinh doanh thông thường

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lợi} & & & & & & \\ \text{nhuận} & & & & & & \\ \text{thuần} & & & & & & \\ \text{từ} & & & & & & \\ \text{HĐKD} & = & \text{DTT về} & - & \text{Giá} & + & \text{Doanh} & - & \text{Chi phí} & - & \text{CPBH và} \\ & & \text{BH và} & & \text{vốn} & & \text{thu hoạt} & & \text{hoạt} & & \text{QLDN tính} \\ & & \text{cung} & & \text{hàng} & & \text{động tài} & & \text{động tài} & & \text{cho hàng} \\ & & \text{cấp DV} & & \text{bán} & & \text{chính} & & \text{chính} & & \text{tiêu thụ} \\ & & & & & & & & & & \text{trong kỳ} \end{array}$$

✓ Kết quả hoạt động khác

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

✓ Xác định lãi (lỗ)

$$\text{Tổng lợi nhuận} = \text{Lợi nhuận thuần từ HĐKD} + \text{Lợi nhuận khác}$$

2.3.3 Tài khoản, chứng từ, sổ sách kế toán

➤ Tài khoản

+TK911: Xác định kết quả kinh doanh

+TK421: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

+TK821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

➤ *Chứng từ*

+Các chứng từ, sổ sách có liên quan: Sổ cái TK511, 515, 711, 632, 635.....

✓ Căn cứ vào sổ cái các Tk có liên quan cuối kỳ kế toán hành kết chuyển sang TK911 để xác định lãi (lỗ). Từ kết quả tính toán được sẽ là cơ sở xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp(3334), lợi nhuận sau thuế (421)

➤ *Sổ sách*

+Sổ chi tiết các TK

+Nhật ký chứng từ số 8, nhật ký chứng từ số 10

+Sổ cái

➤ *Thực tế tại công ty*

VD:

+Ngày 31/12/2011 tiến hành kết chuyển toàn bộ doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

☞ Kế toán định khoản:

1.	Nợ TK511	18 350 463 599
	Nợ TK515	9 377 945
	Nợ TK711	2 760 713 664
	Có TK911	21 120 555 208
2.	Nợ TK911	17 835 654 691
	Có TK632	15 238 393 466
	Có TK641	204 053 959
	Có TK642	1 641 516 346
	Có TK635	748 379 481
	Có TK811	3 311 439
3.	Nợ TK 821	821 225 128
	Có TK 3334	821 225 128

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Công ty cổ phần cơ điện Uông Bí-Vinacomin

4.	Nợ TK911	821 225 128
	Có TK821	821 225 128
5.	Nợ TK911	2 463 675 383
	Có TK421	2 463 675 383

Cuối tháng kế toán tiến hành kết chuyển doanh thu, chi phí, xác định KQKD qua phân hệ kế toán → bút toán kết chuyển → phần mềm sẽ tự động cập nhật dữ liệu vào các phiếu kế toán (biểu số 3.16 đến biểu số 3.20)

C.TY CP CƠ ĐIỆN UÔNG BÍ- VINACOMIN

Phường Bắc Sơn - tp Uông Bí - Quảng Ninh

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số:8912

STT	Nội dung	Tài khoản		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	18 350 463 599
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	9 377 945
3	Kết chuyển thu nhập khác	711	911	2 760 713 664
Cộng				21 120 555 208

Người lập

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.32: Phiếu kế toán số 8912 kết chuyển doanh thu tháng 12/2011

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Công ty cổ phần cơ điện Ưông Bí-Vinacomin

C.TY CP CƠ ĐIỆN ƯƠNG BÍ – VINACOMIN

Phường Bắc Sơn – tp Ưông Bí – Quảng Ninh

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 9012

STT	Nội dung	Tài khoản		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	15 238 393 466
2	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	204 053 959
3	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	1 641 516 346
4	Kết chuyển chi phí HĐTC	911	635	748 379 481
5	Kết chuyển chi phí khác	911	811	3 311 439
Tổng cộng				17 835 654 691

Người lập

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.33: Phiếu kế toán số 9012 kết chuyển chi phí tháng 12/2011

C.TY CP CƠ ĐIỆN ƯƠNG BÍ – VINACOMIN

Phường Bắc Sơn – tp Ưông Bí – Quảng Ninh

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 9112

STT	Nội dung	Tài khoản		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Xác định thuế TNDN tạm tính	821	3334	821 225 128
Tổng cộng				821 225 128

Người lập

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.34: Phiếu kế toán số 9112 xác định thuế TNDN tạm tính quý IV/2011

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Công ty cổ phần cơ điện Ưông Bí-Vinacomin

C.TY CP CƠ ĐIỆN ƯƠNG BÍ – VINACOMIN

Phường Bắc Sơn – tp Ưông Bí – Quảng Ninh

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 9312

STT	Nội dung	Tài khoản		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển thuế TNDN	911	821	821 225 128
Tổng cộng				821 225 128

Người lập

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.35: Kết chuyển thuế TNDN tháng 12 năm 2011

C.TY CP CƠ ĐIỆN ƯƠNG BÍ – VINACOMIN

Phường Bắc Sơn – tp Ưông Bí – Quảng Ninh

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 9412

STT	Nội dung	Tài khoản		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Xác định lợi nhuận sau thuế TNDN	911	421	2 463 675 383
Tổng cộng				2 463 675 383

Người lập

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.36: Xác định lợi nhuận sau thuế TNDN tháng 12/2011

C .TY CP CƠ ĐIỆN UÔNG BÍ- VINACOMIN

P.Bắc Sơn, tp Uông Bí, Quảng Ninh

Sổ cái- hình thức nhật ký chứng từ

Tài khoản: **821-** Chi phí khác

Tháng 12 năm 2011

Số dư đầu kỳ	NỢ
	CÓ

Ghi có các TK đối ứng nợ TK này	Tháng 1	Tháng 2	...	Tháng 11	Tháng 12	Cả năm
TK3334					821 225 128	
Phát sinh nợ					821 225 128	2 056 733 908
Phát sinh có					821 225 128	2 056 733 908
Số dư Nợ						
Có						

Người ghi sổ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.37: Trích sổ cái chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tháng 12/2011

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Công ty cổ phần cơ điện Uông Bí-Vinacomin

C.TY CP CƠ ĐIỆN UÔNG BÍ- VINACOMIN

P.Bắc Sơn, tp Uông Bí, Quảng Ninh

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tài khoản:911

Tháng 12 năm 2011

Số dư đầu kì Nợ
Có

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ	Diễn giải	TKĐ Ư	Số phát sinh	
				Nợ	Có
A	B	C	D	1	2
31/12	PKT8912	K/c doanh thu BH và cung cấp DV	511		18 350 463 599
31/12	PKT8912	K/c doanh thu HĐTC	515		9 377 945
31/12	PKT8912	K/c thu nhập khác	711		2 760 713 664
31/12	PKT9012	K/c giá vốn	632	15 238 393 466	
31/12	PKT9112	K/c CPBH	641	204 053 959	
31/12	PKT9112	K/c CPQLDN	642	1 641 516 346	
31/12	PKT9112	K/c CPHĐTC	635	748 379 481	
31/12	PKT9112	K/c chi phí khác	811	3 311 439	
31/12	PKT9312	Xđ thuế TNDN	821	821 225 128	
31/12	PKT9412	Lợi nhuận sau thuế	421	2 463 675 383	
		Cộng số phát sinh		21 120 555 208	21 120 555 208

Phát sinh lũy kế Nợ 162 835 961 430

Có 162 835 961 430

Số dư cuối kỳ Nợ

Có

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.38: Trích sổ chi tiết xác định kết quả kinh doanh tháng 12/2011

C.TY CP CƠ ĐIỆN ƯƠNG BÍ- VINACOMIN

P.Bắc Sơn, tp Ưông Bí, Quảng Ninh

Sổ cái- hình thức nhật ký chứng từ

Tài khoản: **911-** Xác định kết quả kinh doanh

Tháng 12 năm 2011

Số dư đầu kỳ	NỢ
	CÓ

Ghi có các TK đối ứng nợ TK này	Tháng 1	Tháng 2	...	Tháng 11	Tháng 12	Cả năm
632					15 238 393 466	
641					204 053 959	
642					1 641 516 346	
635					748 379 481	
811					3 311 439	
821					821 225 128	
421					2 463 675 388	
Phát sinh nợ					21 120 555 208	162 835 961 430
Phát sinh có					21 120 555 208	162 835 961 430
Số dư NỢ						
CÓ						

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.40: Trích sổ cái TK911 tháng 12/2011

C.TY CP CƠ ĐIỆN UÔNG BÍ- VINACOMIN

P.Bắc Sơn, tp Uông Bí, Quảng Ninh

Sổ cái- hình thức nhật ký chứng từ

Tài khoản: **421-** Lợi nhuận chưa phân phối

Tháng 12 năm 2011

Số dư đầu kỳ	NỢ
	CÓ

Ghi có các TK đối ứng nợ TK này	Tháng 1	Tháng 2	...	Tháng 11	Tháng 12	Cả năm
Phát sinh nợ					2 463 675 383	8 065 410 548
Phát sinh có					2 463 675 383	8 065 410 548
Số dư Nợ						
Có						

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.41: Trích sổ cái TK421-Lợi nhuận chưa phân phối tháng 12/2011

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Công ty cổ phần cơ điện Uông Bí-Vinacomin

C.TY CP CƠ ĐIỆN UÔNG BÍ-VINACOMIN

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2011

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm ngoái
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	158 172 517 643	122 353 114 287
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	0	0
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	158 172 517 643	122 353 114 287
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.28	134 144 874 726	101 531 728 216
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24 027 642 917	20 821 386 071
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	76 929 460	131 419 104
7 Chi phí tài chính	22	VI.30	3 667 615 304	2 007 151 298
<i>-Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23			1 131 689 596
8 Chi phí bán hàng	24		1 142 192 473	
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13 161 824 962	10 746 447 972
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5 132 939 623	6 067 516 309
11 Thu nhập khác	31		3 226 014 663	1 349 482 790
12 Chi phí khác	32		132 018 668	93 535 913
13 Lợi nhuận khác	40		3 093 995 995	1 255 946 877
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8 226 935 633	7 323 463 186
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	2 056 733 908	1 830 865 797
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32		
17 Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		6 170 201 725	5 492 597 390
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Ngày...tháng....năm

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.42: Trích báo cáo kết quả kinh doanh năm 2011

CHƯƠNG III:
MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN UÔNG BÍ-VINACOMIN

3.1 Những nhận xét, đánh giá khái quát công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần cơ điện Uông Bí-Vinacomin.

3.1.1 Nhận xét chung về công tác kế toán.

- Nhìn chung công tác kế toán của công ty đảm bảo tuân thủ đúng chế độ kế toán của Nhà nước ban hành, phù hợp với điều kiện thực tế của công ty, đáp ứng yêu cầu quản lý, phản ánh được tình hình sử dụng vật tư, lao động, xác định doanh thu, chi phí hợp lý làm cơ sở để xác định kết quả kinh doanh, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước.

- Về hình thức kế toán: công ty áp dụng kế toán máy theo hình thức Nhật ký chứng từ hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký-chứng từ hoặc bảng kê, sổ chi tiết có liên quan. Từ năm 2007 công ty đã ứng dụng phần mềm Esoft Financials phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty. Với hình thức này đã giảm bớt được khối lượng lớn công việc ghi chép cho bộ phận kế toán.

- Bộ máy kế toán được tổ chức theo mô hình tập trung, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được gửi lên phòng kế toán để kiểm tra và tiến hành hạch toán. Hình thức này gọn nhẹ, đảm bảo công tác kế toán được thực hiện một cách hiệu quả. Việc bố trí và phân chia trách nhiệm cụ thể cho các kế toán viên phù hợp với yêu cầu công việc và chuyên môn của từng người. Theo mô hình này, các kế toán viên có mối quan hệ chặt chẽ, qua lại với nhau nên đảm bảo công tác hạch toán kế toán được tiến hành liên tục, chính xác và kịp thời.

- Hệ thống chứng từ công ty sử dụng nhìn chung là đúng với mẫu biểu của Bộ tài chính ban hành. Những thông tin cần thiết đều được ghi chép đầy đủ, chính xác, đúng thời điểm vào chứng từ tạo điều kiện cho việc kiểm tra số liệu thực tế và số liệu

trên sổ sách kế toán. Chứng từ được kế toán phân loại và lưu trữ một cách khoa học nên việc tìm kiếm, đối chiếu số liệu rất thuận lợi.

- Công ty áp dụng hệ thống tài khoản và chuẩn mực kế toán theo quy định của Bộ tài chính.

3.1.2 Những ưu điểm về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần cơ điện Uông Bí- Vinacomin.

3.1.2.1 Về sản xuất kinh doanh tại công ty

Công ty luôn nắm bắt kịp xu hướng phát triển của nền kinh tế không ngừng mở rộng sản xuất những sản phẩm cơ khí hiện đại phù hợp với bước phát triển ngành công nghiệp nặng. Nhờ vậy, trong những năm qua quy mô sản xuất của công ty mở rộng đáng kể cả về mặt số lượng và chất lượng. Doanh thu trong những năm gần đây tăng lên mạnh mẽ:

Năm 2009: 108.718.723.026

Năm 2010: 122.353.114.287

Năm 2011: 158.172.517.643

3.1.2.2 Về tổ chức của bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh

Tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, mỗi bộ phận được phân công chịu trách nhiệm những công việc riêng tạo nên sự chuyên môn hóa cao. Các phòng ban đều có chức năng tham mưu, giúp quản lý, điều hành và tổ chức sản xuất kinh doanh, chăm lo đời sống cho cán bộ công nhân viên trong tập thể công ty. Tổ chức bộ máy công ty khoa học đã góp phần phân công công việc hợp lý, giảm quá tải cho giám đốc, tạo chuyên nghiệp, hiệu quả cho bộ phận quản lý.

3.1.2.3 Về tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

Trải qua một quá trình đổi mới và phát triển, công ty cổ phần cơ điện Uông Bí – Vinacomin đã dần hoàn thiện và đi vào ổn định công tác hạch toán của mình. Công ty cổ phần cơ điện Uông Bí là đơn vị nắm bắt nhanh những thông tin kinh tế và những thay đổi về chế độ kế toán từ đó áp dụng một cách phù hợp, đặc biệt là vấn đề hạch toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

a/ Về công tác kế toán doanh thu

Được sự hướng dẫn của kế toán trưởng và trình độ cao của các nhân viên kế toán cùng với đó là sự hỗ trợ lực bởi hệ thống phần mềm kế toán với những chương trình được cài đặt sẵn tiên tiến việc nên công tác hạch toán doanh thu tại công ty hiện nay rất nhanh chóng và độ chính xác cao.

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được kê toán ghi nhận doanh thu kịp thời. Doanh thu được xác định một cách hợp lý phù hợp với điều kiện ghi nhận. Bên cạnh đó công ty theo dõi từng loại doanh thu, chi tiết từng loại sản phẩm, từng mặt hàng. Như vậy sẽ giám sát chặt chẽ tình hình thanh toán, ứ đọng vốn đồng thời phù hợp với yêu cầu theo dõi công nợ của công ty.

b/ Về kế toán chi phí

Chi phí trong quá trình sản xuất kinh doanh là mối quan tâm hàng đầu của hầu hết các doanh nghiệp. Chính vì vậy mọi chi phí phát sinh tại công ty đều được ghi chép chung thực, theo dõi chặt chẽ nhằm tránh tình trạng khai khống ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh.

Công ty theo dõi chi tiết theo từng khoản mục chi phí, tính giá thành cho từng sản phẩm riêng biệt. Từ đó giúp cho nhà quản lý thấy được sự biến động của từng chi phí để đưa ra những quyết định quản lý đúng đắn tiết kiệm đáng kể chi phí.

c/ Về kế toán xác định kết quả kinh doanh

Công tác kế toán kết quả kinh doanh tại công ty đã đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc trong việc cung cấp các thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp một cách dễ hiểu, chính xác.

Việc ghi chép, phản ánh được tiến hành dựa trên căn cứ khoa học của chế độ kế toán hiện hành và dựa vào tình hình thực tế của công ty.

3.1.3 Những vấn đề còn tồn tại trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần cơ điện Uông bí- Vinacomin.

Ngoài những ưu điểm kể trên mà bộ máy kế toán công ty đã đạt được thì vẫn còn nhiều bất cập mà kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần khắc phục.

+ Hiện nay, công ty chưa có chính sách ưu đãi trong kinh doanh như: cho khách hàng hưởng các khoản chiết khấu. Các chính sách ưu đãi trong kinh doanh cũng là một trong những biện pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, đẩy tăng doanh số tiêu thụ và rút ngắn vòng quay của vốn, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vấn đề này đang là mối quan tâm đặc biệt của tất cả các công ty.

+ Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ bao nhiêu đều được phản ánh hết trong kỳ mà không quan tâm chi phí đó nhỏ hay lớn để phân bổ dần vào các kỳ kế toán sau. Như vậy, nếu trong kỳ chi phí này phát sinh nhiều mà chưa bán được hàng sẽ làm chi chi phí đội lên rất lớn làm thu nhập giảm xuống dẫn đến thuế phải nộp giảm xuống điều đó là không đúng.

+ Vấn đề nợ công đang là vấn đề nan giải tại công ty. Số nợ quá lớn dẫn đến việc chiếm dụng vốn. Trong khi công ty đang cần vốn để đáp ứng đúng tiến độ, cung cấp cho khách hàng những sản phẩm chất lượng cao mở rộng sản xuất thì các khoản phải thu của khách hàng gặp nhiều khó khăn. Vấn đề này làm vòng quay vốn giảm ảnh hưởng không tốt đến hiệu quả kinh doanh của công ty.

+ Các khoản trích dự phòng bảo hành sản phẩm khi trích lập được trích vào TK641 nhưng khi hoàn nhập lại hạch toán vào TK711 mà không ghi giảm TK641. Việc hạch toán này không ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế nhưng về bản chất là không đúng.

+ Việc xác định kết quả kinh doanh ở công ty chưa thực chính xác nhất là khi dự trừ hàng hóa ở công ty có nhiều biến động giữa các kỳ nguyên nhân do các khoản chi

phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ được kết chuyển toàn bộ khi xác định kết quả kinh doanh.

3.2 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP cơ điện Uông Bí- Vinacomin.

❖ **Kiến nghị 1:** Công ty nên áp dụng các chính sách chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại để thúc đẩy việc thu hồi nợ và đẩy mạnh tiêu thụ.

Công ty nên áp dụng chính sách này với những biện pháp thiết thực như: nếu khách hàng thanh toán trước thời hạn thì sẽ được hưởng một khoản chiết khấu một tỉ lệ phần trăm nhất định trên tổng giá thanh toán tại thời điểm đó. Mức chiết khấu có thể dựa vào: phần trăm lãi vay ngân hàng của công ty, trị giá tiền hàng tại thời điểm mua. Như vậy công ty vừa thúc đẩy tiêu thụ vừa có khả năng thu hồi vốn nhanh, tăng vòng quay luân chuyển vốn lưu động đồng thời hạn chế được các khoản đi vay của công ty.

Chiết khấu thanh toán là số tiền thưởng cho người mua, tính trên tổng số tiền hàng mà người thanh toán đúng hoặc trước hạn theo hợp đồng. Chiết khấu thanh toán dành cho người mua được hạch toán vào TK635.

Chiết khấu thương mại được thể hiện như: bớt giá, hồi khấu áp dụng với những khách hàng mua với số lượng lớn. Chiết khấu thương mại dành cho người mua sẽ được hạch toán vào TK 521.

Căn cứ từng khách hàng thanh toán nợ công ty có thể áp dụng mức chiết khấu theo thời gian cụ thể.

***Phương pháp hạch toán**

- Khi phát sinh nghiệp vụ chiết khấu thanh toán kế toán hạch toán:

Nợ TK 635: Số tiền chiết khấu thanh toán cho người bán

Có TK 111,112,131: Số tiền trả lại hoặc giảm nợ phải thu

-Cuối kỳ tiến hành kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh

Nợ TK 911: Kết chuyển chiết khấu thanh toán

Có TK 635: Số tiền chiết khấu

- Khi xuất hiện nghiệp vụ phát sinh như bớt giá hoặc hồi khấu hạch toán:

Nợ TK 521,532: Số tiền giảm giá chưa VAT

Nợ TK 3331: VAT trả lại cho khách hàng tương ứng

Có TK 111, 112, 131: Tổng số tiền

-Cuối kỳ kế toán thực hiện bút toán kết chuyển giảm doanh thu

Nợ TK 511: Số tiền giảm giá chưa VAT

Có TK 521, 532:

Ví dụ:

Đến ngày 31/12/2011 công ty than Nam Mẫu còn nợ công ty 1.554.880.941

-Nếu công ty Nam Mẫu thanh toán tiền hàng từ ngày 1-15 tháng 1 năm sau sẽ được hưởng mức chiết khấu 1%.

Chiết khấu thanh toán khách hàng được hưởng: $1.554.880.941 * 1\% = 15.548.810$

Số tiền công ty thực thu: $1.554.880.941 - 15.548.810 = 1.539.332.131$

-Nếu công ty than Nam Mẫu thanh toán từ ngày 16-30 tháng 1 năm sau sẽ được hưởng mức chiết khấu 0,5%.

Chiết khấu thanh toán khách hàng được hưởng: $1.554.880.941 * 0,5\% = 7.774.405$

Số tiền công ty thực thu: $1.554.880.941 - 7.774.405 = 1.547.106.536$

❖ **Kiến nghị 2:** Về việc phân bổ chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí phát sinh liên quan bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp nếu phát sinh với số lượng lớn có thể hạch toán vào TK 142, 242- Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn để phân bổ dần cho các kỳ sau.

-Khi phát sinh chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp với giá trị lớn kế toán phản ánh:

Nợ TK 142, 242: Chi phí trả trước

Có TK 111,112..

Định kỳ tính và phân bổ

Nợ TK 641,642: Phần chi phí phân bổ vào CPBH và CPQLDN

Có TK 142, 242:

❖ **Kiến nghị 3:** Về việc thu hồi công nợ

Vì số nợ phải thu của công ty rất lớn nên công ty phải theo dõi và thu hồi công nợ đúng hạn đồng thời có những biện pháp đòi nợ có hiệu quả mà không ảnh hưởng đến mối quan hệ với khách hàng.

Công ty nên tiến hành trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi để trách rủi ro trong kinh doanh theo quy định về mức trích lập của chế độ kế toán hiện hành:

- + Đối với những khoản nợ được xác định là khó đòi dưới 1 năm mức trích lập là 30%.
- + Đối với những khoản nợ được xác định là khó đòi từ 1 đến 2 năm mức trích lập là 50%.
- + Đối với những khoản nợ từ 2 đến 3 năm mức trích lập là 70%.
- + Đối với những khoản nợ trên 3 năm được xác định là khoản nợ không đòi được.

***Phương pháp hạch toán**

Cuối kỳ kế toán năm doanh nghiệp căn cứ vào khoản nợ phải thu được xác định là không chắc chắn thu được, kế toán tính, dự định số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập hoặc hoàn nhập.

Khi xóa sổ các khoản phải thu khó đòi:

Nợ TK139: tính vào nguồn dự phòng nếu đã trích lập

Nợ TK 642: tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp nếu chưa lập dự phòng

Có TK 131,138: Số nợ khó đòi đã xóa sổ

Đồng thời ghi nợ 004: để theo dõi tối thiểu trong vòng 5 năm kể từ ngày xóa sổ

+ Nợ khó đòi đã xóa sổ nay thu hồi được

Nợ TK 111,112....: số thu hồi được

Có TK 711: ghi tăng thu nhập khác

Đồng thời ghi có TK004: số thu hồi được

❖ **Kiến nghị 4:** Về việc phản ánh các khoản hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm

Khi doanh nghiệp bán hàng cho khách hàng có kèm theo giấy bảo hành sửa chữa cho các khoản hỏng hóc do lỗi sản xuất được phát hiện trong thời gian bảo hành sản phẩm, hàng hóa, doanh nghiệp phải xác định cho từng mức chi phí sửa chữa cho toàn

bộ nghĩa vụ bảo hành. Khi xác định số dự phòng phải trả cần lập về chi phí sửa chữa, bảo hành sản phẩm đã bán kế toán ghi:

Nợ TK 641: Chi phí bán hàng

Có TK 352: Dự phòng phải trả

Cuối kỳ kế toán năm hoặc cuối kỳ kế toán giữa liên độ doanh nghiệp phải tính, xác định số dự phòng phải trả cần lập ở cuối kỳ kế toán.

+Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước nhưng chưa sử dụng hết thì số chênh lệch hạch toán vào chi phí, kế toán ghi:

Nợ TK 641: số chênh lệch thiếu

Có TK 352: Ghi tăng dự phòng phải trả tương ứng

+Trường hợp số dự phòng phải trả kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước nhưng chưa sử dụng hết thì chênh lệch hoàn nhập được ghi giảm chi phí, ghi:

Nợ TK 352: Ghi giảm dự phòng phải trả

Có TK 641: Số chênh lệch thừa được hoàn nhập

Ví dụ:

Đầu kỳ công ty tiến hành trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm số tiền 350.000.000 đồng.

Nợ TK641 350.000.000

Có Tk 352 350.000.000

Ngày 31/12 công ty tiến hành tính toán thấy:

- *Dự phòng phải trả ở kỳ kế toán này là 400.000.000 đồng kế toán ghi:*

Nợ TK641 50.000.000

Có TK352 50.000.000

- *Dự phòng phải trả ở kỳ kế toán này là 320.000.000 đồng kế toán ghi:*

Nợ TK352 30.000.000

Có TK641 30.000.000

❖ **Kiến nghị 5:** *Về việc mở rộng thị trường tiêu thụ*

Công ty nên mở rộng phạm vi và thị trường tiêu thụ sản phẩm sản xuất ra đặc biệt là phương thức xuất khẩu hàng hóa nhằm nâng cao hiệu quả tiêu thụ của mình.

Trên đây là một số nhận xét và kiến nghị của em đưa ra nhằm giúp công ty hoàn thiện công tác kế toán của mình đặc biệt là trong công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Mặc dù kinh nghiệm chưa nhiều nhưng với gì đã được nghiên cứu và giảng dạy trên ghế nhà trường em có đưa ra những nhận định trên hy vọng sẽ được sự quan tâm của quý công ty đến những kiến nghị đó.

KẾT LUẬN

Quá trình sản xuất của doanh nghiệp là mắt xích quan trọng cung cấp hàng hóa theo nhu cầu của thị trường đến người tiêu dùng với mục đích cuối cùng là tạo ra những sản phẩm hàng hóa có chất lượng và lợi nhuận cao nhất. Một doanh nghiệp muốn đạt được lợi nhuận cao cần cố gắng tăng doanh thu bằng cách tăng sản lượng sản phẩm sản xuất, tiêu thụ không những ở thị trường trong nước mà ngay cả thị trường nước ngoài và giảm thiểu chi phí. Bởi vậy trong bối cảnh nền kinh tế hiện nay sự cạnh tranh diễn ra ngày càng gay gắt và quyết liệt, công tác tiêu thụ trở thành vấn đề quan tâm hàng đầu thì tổ chức công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty cổ phần cơ điện Ưông bí-Vinacomin cũng đòi hỏi không ngừng hoàn thiện.

Xuất phát từ thực tế tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần cơ điện Ưông bí- Vinacomin em xin mạnh rạn đưa ra một số ý kiến góp phần hoàn thiện công tác hạch toán kế toán và quản lý chung của công ty như đã trình bày.

Trong thời gian thực tập ở công ty cổ phần cơ điện Ưông bí- Vinacomin đã giúp em củng cố kiến thức và bước đầu có những hiểu biết thực tế về công tác kế toán. Để đạt được điều này em đã được sự chỉ bảo tận tình của CN.GVC Nguyễn Văn Vĩnh và cán bộ phòng tài chính kế toán tại công ty.

Mặc dù với sự cố gắng nỗ lực của bản thân nhưng sự hiểu biết còn nằm trong khuôn khổ sách vở, kinh nghiệm thực tế còn hạn chế nên nội dung bài báo cáo còn nhiều sai sót. Em kính mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo của thầy cô để hoàn thiện bài viết một cách tốt nhất và giúp đỡ cho em có điều kiện tìm hiểu môi trường thực tiễn, nâng cao trình độ chuyên môn của mình.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải phòng, ngày.....thángnăm 2012

Sinh viên

Nguyễn Thị Thanh Tâm